

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết lập Quy hoạch phát triển ngành Du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, ngành du lịch được gọi là ngành công nghiệp không khói và là một trong những ngành kinh tế quan trọng của nhiều vùng lãnh thổ và nhiều địa phương. Đồng thời được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Hiện nay, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng và lợi thế về phát triển du lịch, chưa tạo được sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị của các ngành dịch vụ.

Để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn phong phú, đa dạng, có giá trị một cách hợp lý và có hiệu quả, rất cần thiết phải nghiên cứu lập Quy hoạch phát triển ngành Du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Nhằm đánh giá đúng thực trạng về những mặt đạt được và chưa đạt trong việc khai thác tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và văn hóa cho phát triển du lịch. Từ đó, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển ngành Du lịch của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch một cách hiệu quả và bền vững, đóng góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là bản luận chứng khoa học về phát triển và tổ chức lãnh thổ hợp lý, làm căn cứ để xây dựng kế hoạch hàng năm và chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đạt kết quả tốt. Đồng thời là tài liệu quan trọng, giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tìm hiểu môi trường đầu tư và xúc tiến đầu tư vào phát triển ngành Du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Những căn cứ pháp lý để lập Quy hoạch

- Luật Du lịch đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, trong đó bao gồm quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu.

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 nói trên.

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xác định mức chi phí lập, thẩm định và công bố

quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu.

- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030”;

- Quyết định số 943/20 12/QĐ-TTg ngày 20/7/2012 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam bộ đến năm 2020;

- Quyết định 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”;

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 18/2/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt “Chương trình hành động phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2013 – 2020”;

- Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX;

- Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn 2025;

- Quy hoạch phát triển các Ngành của tỉnh Đồng Nai và nhiều tài liệu nghiên cứu khác có liên quan đến phát triển du lịch của tỉnh.

- Nguồn dữ liệu của Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai.

3. Về phạm vi nghiên cứu

+ **Về không gian:** Nghiên cứu điều kiện tự nhiên có liên quan đến toàn bộ phạm vi lãnh thổ tỉnh Đồng Nai.

+ **Về thời gian:** Phân tích, đánh giá hiện trạng giai đoạn 2006 - 2014; xây dựng định hướng phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ

a. Mục tiêu

Xây dựng hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Xây dựng dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch, định hướng tổ chức không gian, đầu tư du lịch, quản lý nhà nước và kinh doanh du lịch; xây dựng các giải pháp phát triển du lịch phù hợp từng giai đoạn.

b. Nhiệm vụ

- Xác định vị trí, vai trò và lợi thế phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, du lịch vùng và quốc gia trong giai đoạn phát triển mới;

- Phân tích, đánh giá tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch, thị trường du lịch và các nguồn lực phát triển du lịch;

- Đánh giá tình hình phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 – 2014.

- Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch, dự báo các chỉ tiêu và luận chứng các phương án phát triển du lịch;

- Xây dựng tổ chức không gian du lịch; kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch;

- Xác định các khu vực ưu tiên đầu tư, đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (về quy mô, nhu cầu vốn, nhu cầu sử dụng đất...) cho phát triển du lịch;

- Đánh giá hiện trạng môi trường, đánh giá tác động môi trường khi dự án quy hoạch du lịch và các giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch;

- Đề xuất các giải pháp phát triển du lịch.

5. Kết cấu nội dung của Quy hoạch

- **Phần 1:** Đánh giá tổng quan tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai

- **Phần 2:** Hiện trạng phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

- **Phần 3:** Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- **Phần 4:** Các giải pháp và tổ chức thực hiện quy hoạch.

Phần 1

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI

I. Đánh giá tổng quan các điều kiện tự nhiên

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với diện tích tự nhiên là 5.907,24 km². Phía đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía tây giáp tỉnh Bình Dương; phía bắc giáp tỉnh Bình Phước và Lâm Đồng; phía tây nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và phía nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỉnh Đồng Nai nằm trên trục đường xuyên Á với hệ thống mạng lưới đường giao thông quan trọng là quốc lộ 1A, quốc lộ 51, quốc lộ 20 và quốc lộ 56, các cảng đường thủy và trong tương lai có sân bay quốc tế Long Thành, rất thuận lợi trong giao thương và phát triển du lịch.

2. Khí hậu, thời tiết

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo, gió mùa với nhiệt độ bình quân cao đều quanh năm từ 23,9°C - 29,0°C; số giờ nắng nhiều từ 2.475,7 giờ/năm; lượng mưa khá phong phú bình quân từ 2.400 - 2.800 mm/năm, ít bão. Các yếu tố khí hậu thời tiết thuận lợi cho phát triển du lịch quanh năm, nhất là việc tổ chức các tour, tuyến du lịch đi trong và ngoài tỉnh.

3. Đặc điểm địa hình, địa chất thủy văn

3.1. Địa hình

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng địa hình bình nguyên, hướng thấp dần từ bắc xuống nam và có thể chia thành 3 dạng địa hình chính như sau: Dạng địa hình núi thấp bao gồm các núi sót rải rác thuộc phần cuối của dãy Trường Sơn, có độ cao biến động từ 200 - 700m độ dốc phổ biến trên 20°, chiếm khoảng 8% diện tích tự nhiên; dạng địa hình đồi lượn sóng, chiếm 82% diện tích tự nhiên, phân bố ở hầu khắp các huyện, loại đất chủ yếu là bazan và phù sa cổ; dạng địa hình đồng bằng là các dải phù sa hoặc dốc tụ phân bố ven sông rạch, chiếm 10% diện tích tự nhiên. Địa hình đa dạng mang lại lợi thế và tiềm năng phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú.

3.2. Nguồn nước và chế độ thủy văn

a. Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt được cung cấp bởi hệ thống sông Đồng Nai, bao gồm các sông như: sông Đồng Nai dài 610 km, sông La Ngà dài 210 km, sông Ray dài 88 km. Các sông, suối nhỏ là sông Lá Buông dài 52 km,

suối Tam Bung dài 23 km, suối Cả dài 38 km, sông Thao dài 18 km. Ngoài ra còn một số suối nhỏ: suối Gia Uy, suối Đa Công Hoi, suối Gia, suối Gia Liêu, suối Lúp, suối Vọng, suối Rét, suối Gia Huynh, suối Le, suối Trầu, suối Quýt.

b. Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm của Đồng Nai là khá phong phú và lưu lượng lớn nhưng phân bố không đều, như sau: vùng có tiềm năng khai thác lớn gồm một phần phía Đông thị xã Long Khánh và các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, một phần phía Tây huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc; vùng có tiềm năng khai thác trung bình gồm một phần phía Tây thành phố Biên Hòa, các huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch; vùng có tiềm năng nước ngầm nghèo gồm một phần phía Đông các huyện Tân Phú, Định Quán và Xuân Lộc; vùng có nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn gồm toàn bộ huyện Nhơn Trạch và một phần phía Tây Nam huyện Long Thành.

c. Chế độ thủy văn

Do sự phân hóa giữa 2 mùa khí hậu khá sâu sắc, cộng thêm sự tác động của con người làm cho thảm phủ ở các lưu vực gần như cạn kiệt, ngoại trừ rừng đầu nguồn của hồ Trị An nên dòng chảy ở 2 mùa cũng có nhiều nét khác biệt: mùa khô, nước sông suối cạn kiệt, nhiều nơi thiếu nguồn nước nghiêm trọng; ngược lại, trong mùa mưa nguồn nước dư thừa thường xảy ra hiện tượng ngập úng; thậm chí nhiều nơi còn bị lũ quét; ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, đời sống của người dân và phát triển du lịch.

4. Tài nguyên thiên nhiên

4.1. Tài nguyên đất

Tỉnh Đồng Nai nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, địa hình thấp dần từ đông bắc xuống tây nam, bao gồm 3 dạng chủ yếu: địa hình đồi núi thấp 200- 800 m, chiếm 8% diện tích; địa hình đồng bằng lượn sóng 20- 200 m, chiếm 80% diện tích; địa hình bãi bồi ven sông có độ cao dưới 20 m, chiếm 12% diện tích tự nhiên. Điều kiện địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai khá rộng rãi với nhiều vùng có thổ nhưỡng thích hợp cho phát triển nông nghiệp và nền đất cứng rất thuận lợi để xây dựng các công trình phát triển du lịch.

4.2. Tài nguyên đa dạng sinh học

Năm 2014, diện tích rừng là 181.464 ha, độ che phủ 30,7%. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ là 36.393 ha, diện tích rừng đặc dụng là 101.256 ha và diện tích rừng sản xuất là 43.814 ha. Thảm thực vật thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa mưa nhiều với hệ thực động vật đa dạng về chủng loài. Các họ thực vật đặc trưng là tre, dẻ, kim giao, dầu, bằng lăng, bàng. Hệ động vật trong rừng

của tỉnh rất phong phú và có nhiều loài động vật quý hiếm, đang có nguy cơ tuyệt chủng, như: bò Benteng, nai Catoong, hổ, báo, sóc bay, công, trĩ,... tại Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai và Vườn quốc gia Cát Tiên có 1.401 loài thuộc 623 chi, 156 họ, 92 bộ, 10 lớp, thuộc 6 ngành khác nhau; tài nguyên động vật có 1.621 loài, trong đó thú có 85 loài, chim có 259 loài, 64 loài bò sát, 33 loài ếch nhái, 1.189 loài côn trùng, thủy sản có 99 loài cá.

Hệ động thực vật của tỉnh Đồng Nai là nguồn tài nguyên cung cấp nhiều loại sản vật có giá trị kinh tế cao. Đồng thời có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái.

4.3. Tài nguyên rừng

Đến năm 2014, diện tích rừng của tỉnh Đồng Nai là 177.939 ha, độ che phủ 30,1%. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 119.950 ha và diện tích rừng trồng là 57.989 ha. Rừng của tỉnh Đồng Nai trước đây là rừng nguyên sinh được hình thành dưới ảnh hưởng tương tác và tổng hợp của những điều kiện tự nhiên trong vùng như đặc điểm về vị trí địa lý, sự đa dạng trong cấu tạo địa hình và tính chất thổ nhưỡng kết hợp với chế độ khí hậu ẩm nhiệt đới góp phần hình thành và phát triển hệ thực vật và động vật phong phú, mang lại lợi thế và tiềm năng phát triển các sản phẩm du lịch, như sau:

- **Vườn Quốc gia Cát Tiên** có nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, trắc, gỗ đỏ, trai, giáng hương; nhiều loại thú quý hiếm như bò tót, voi, công xanh, trĩ, sao, tê giác, cá sấu...không chỉ có giá trị kinh tế, tài nguyên rừng còn đem lại nguồn dược liệu quý hiếm, khoảng 240 cây lá thuốc và hàng trăm động vật.

- **Các khu rừng cảnh quan gắn với di tích lịch sử:** rừng ven Hồ Trị An, rừng Thác Mai - Hồ nước nóng ở Lâm trường Tân Phú, rừng Sác ở Nhơn Trạch, Long Thành...có nhiều tiềm năng du lịch. Tài nguyên rừng tỉnh Đồng Nai gắn liền với các di tích lịch sử của nhiều căn cứ địa cách mạng, giữ vị trí chiến lược quan trọng về mặt quốc phòng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Tiêu biểu cho di tích này là Căn cứ Khu ủy Miền Đông, huyện Vĩnh Cửu và Chiến khu rừng Sác huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

- **Cảnh quan rừng và hệ sinh thái rừng:** Tài nguyên rừng Đồng Nai là một món quà vô giá mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng. Tính đa dạng sinh học đã mang lại nhiều lợi ích cho đời sống nhân dân. Tuy nhiên, những hậu quả của việc khai thác rừng quá mức để thu lợi ích kinh tế trước mắt sẽ gây ra những tác động lớn đến vấn đề suy giảm môi trường, làm thay đổi tính đa dạng sinh học của rừng, ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống của con người.

4.4. Tài nguyên khoáng sản

Các loại khoáng sản không nhiều, trữ lượng không lớn để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng. Riêng nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng có thể khai thác ở quy mô hợp lý phục vụ công nghiệp vật liệu xây dựng các công trình xây dựng ở địa phương.

4.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên

a. Điểm mạnh

- Vị trí nằm ở khu vực cửa ngõ thông ra phía bắc của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kết nối miền Đông Nam bộ với Duyên hải Miền trung và Nam Tây nguyên, đóng vị trí, vai trò chiến lược về giao lưu kinh tế, thương mại, phát triển du lịch, an ninh và quốc phòng.

- Điều kiện khí hậu thời tiết rất thuận lợi cho phát triển kinh tế và đời sống sinh hoạt của nhân dân, đồng thời thuận lợi phát triển du lịch.

- Địa hình nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh và Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, nên nhiều thắng cảnh thiên nhiên, tạo điều kiện phát triển nhiều loại hình du lịch đa dạng.

- Tài nguyên đất đai và thổ nhưỡng với nhiều vùng có thổ nhưỡng thích hợp cho phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, nền đất cứng thuận lợi cho xây dựng các công trình cao tầng tạo cho Đồng Nai có lợi thế về đất đai để phát triển công nghiệp và du lịch.

- Tài nguyên rừng, thảm thực vật rừng ở Đồng Nai thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều với hệ động, thực vật đa dạng về chủng loài là tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch khoa học, du lịch sinh thái.

b. Điểm yếu

- Vị trí nằm sát các trung tâm kinh tế năng động nhất của cả nước, cạnh tranh về thu hút đầu tư.

- Khí hậu phân hóa theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô. Hệ thống sông, suối có độ dốc lớn hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước.

- Thách thức ứng phó biến đổi khí hậu theo chiều hướng khắc nghiệt, hạn hán tăng lên, lưu lượng nước sông Đồng Nai giảm xuống, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

II. Đánh giá tổng quan hiện trạng kinh tế – xã hội

1. Tình hình phát triển kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương GRDP tỉnh Đồng Nai bình quân hàng năm đạt 13,2%/năm trong giai đoạn 2001 - 2010, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của vùng Đông Nam bộ là 12,6%/năm. Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương GRDP bình quân hàng năm đạt 11,7%/năm trong giai đoạn 2011 - 2014. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh chuyển từ dựa chủ yếu vào nông nghiệp và một số ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sang phát triển kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực.

Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân đầu người tăng từ 467 USD/người năm 2005 lên 1.514,8 USD/người 2010 bằng 67,3% mức bình quân chung của vùng Đông Nam bộ (2.251 USD/người) và cao hơn gấp 1,3 lần bình quân cả nước (1.168 USD/người). Năm 2012, GRDP bình quân đầu người đạt 43,2 triệu đồng (2.067 USD) và năm 2014 đạt 59,5 triệu đồng (2.800 USD).

Kết quả thống kê về phát triển kinh tế xã hội Đồng Nai trong những năm qua cho thấy tổng sản phẩm địa phương (GRDP) của tỉnh Đồng Nai tăng trưởng với tốc độ khá nhanh với sự tập trung đầu tư về hạ tầng từ ngân sách nhà nước cũng như sự tăng nhanh của các dự án đầu tư phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và một số lĩnh vực có liên quan khác.

Bảng 3: Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tỉnh Đồng Nai theo giá so sánh năm 2010

Đơn vị tính: Tỷ đồng

S T T	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng bình quân gđ 2011- 2014 (%)
	Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP, theo giá so sánh năm 2010	76.025	85.608	95.502	106.074	118.326	11,7
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.537	6.784	6.979	7.197	7.435	3,3
2	Công nghiệp và xây dựng	43.487	48.865	54.536	60.501	67.580	11,7
3	Dịch vụ	26.000	29.959	33.986	38.377	43.673	13,8
3.1	Thương mại	23.642	27.527	31.566	35.863	41.062	14,8
3.2	Thuế nhập khẩu	2.358	2.431	2.421	2.514	2.611	2,6

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2013 và tính toán của tư vấn.

Cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng các ngành trong Tổng giá trị sản phẩm địa phương năm 2005 thay đổi từ ngành nông nghiệp là 22,2%; ngành công nghiệp - xây dựng là 52,2% và ngành dịch vụ là 25,6%; Năm 2010, chuyển sang ngành nông nghiệp là 8,6%; ngành công nghiệp - xây dựng là 57,2%; ngành dịch vụ là 34,2%. Năm 2014, cơ cấu các ngành trong nền kinh tế trên địa bàn tỉnh là: công nghiệp và xây dựng là 56,9%; ngành dịch vụ là 37,1% và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6,0%.

Bảng 4: Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP và cơ cấu kinh tế theo giá thực tế tỉnh Đồng Nai
Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP, theo giá thực tế	76.025	98.759	117.414	140.092	156.273
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.537	7.409	7.984	8.826	9.376
2	Công nghiệp và xây dựng	43.488	56.590	66.926	79.712	88.919
3	Dịch vụ	25.999	34.760	42.504	51.554	57.977
3.1	Thương mại và dịch vụ	23.641	31.911	39.604	48.301	54.330
3.2	Thuế nhập khẩu	2.358	2.849	2.900	3.252	3.647
II	Tỷ trọng (%)	100,00	100,00	100,00	100,00	100
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8,60	7,50	6,80	6,30	6,0
2	Công nghiệp và xây dựng	57,20	57,30	57,00	56,90	56,9
3	Dịch vụ	34,20	35,20	36,20	36,80	37,1
3.1	Thương mại và dịch vụ	31,10	32,31	33,73	34,48	34,77
3.2	Thuế nhập khẩu	3,10	2,88	2,47	2,32	2,33

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2014

Tình hình phát triển tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP duy trì đạt tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Các ngành dịch vụ đóng góp phân quan trọng vào tổng sản phẩm trong tỉnh và tạo tiền đề cho các ngành và lĩnh vực khác phát triển; xuất khẩu tăng mạnh; thu ngân sách đạt khá; các nguồn lực đầu tư phát triển được huy động tốt hơn, khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung đầu tư có trọng điểm, đúng hướng, hạ tầng kinh tế và xã hội được cải thiện.

2. Dân số và lao động

2.1. Dân số

Cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 37 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 93%, còn lại là các dân tộc thiểu số chiếm 7%. Bản sắc văn hoá đa dạng với nhiều tôn giáo, trong đó chủ yếu là phật giáo và thiên chúa giáo.

Dân số của tỉnh trung bình năm 2014 là 2.890 nghìn người (đứng thứ 5 trong cả nước, sau thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá và Nghệ An), trong đó dân số đô thị có 946,61 nghìn người chiếm 34,19%. Mật độ dân cư bình quân là 468,69 người/km², trong đó thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện Thống Nhất và Trảng Bom dân cư tập trung đông có mật độ đông từ 644,69 - 3.357,62 người/km². Các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu và Định Quán có mật độ dân cư thưa từ 128,27 - 216,2 người/km². Tháp tuổi dân số của tỉnh Đồng Nai khá trẻ cộng với quá trình phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp trên địa bàn tạo sức hút tăng dân số cơ học, làm dân số của tỉnh tăng nhanh, tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm trong giai đoạn từ năm 2010- 2014 là 2,4%/năm.

2.2. Lao động

Năm 2014, số dân trong tuổi lao động là 1.763 nghìn người chiếm xấp xỉ 61% tổng dân số. Lực lượng lao động là 1.763 nghìn người năm 2014 tăng 329 nghìn người so với năm 2010, tốc độ tăng bình quân 5,2%/năm. Cơ cấu lao động đến 31/12/2014 bao gồm tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp chiếm 30,7%; tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 39,3%; tỷ lệ lao động trong các ngành dịch vụ chiếm 30%. Năm 2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ khá cao là 62%, trong đó tỷ lệ đào tạo nghề ngắn hạn là 40%.

3. Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh đến ngày 01/01/2014 là 590.723,62 ha. Cơ cấu sử dụng đất tương đối hợp lý, trong đó: diện tích đất nông nghiệp là 467.448,86 ha chiếm 79,13%; diện tích đất phi nông nghiệp là 122.376,94 ha chiếm 20,72% và diện tích đất chưa sử dụng là 897,82 ha chiếm 0,15% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 5: Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Đồng Nai năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	590.723,62	100,00
1	Đất nông nghiệp	467.448,86	79,13
1.1	Đất trồng cây hàng năm	73.187,35	12,39
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	38.549,61	6,53
1.2	Đất trồng cây lâu năm	203.052,59	34,37
1.3	Đất rừng phòng hộ	36.393,09	6,16
1.4	Đất rừng đặc dụng	101.256,89	17,14
1.5	Đất rừng sản xuất	43.814,53	7,42
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	7.947,37	1,35
1.7	Các loại đất nông nghiệp còn lại	1.797,05	0,30

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2	Đất phi nông nghiệp	122.376,94	20,72
2.1	Đất ở	16.955,22	2,87
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	320,09	0,05
2.3	Đất quốc phòng, an ninh	15.684,11	2,66
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	14.938,00	2,53
2.5	Đất có mục đích công cộng	19.718,96	3,34
2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	824,20	0,14
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1.193,94	0,20
2.8	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	52.704,72	8,92
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	37,70	0,01
3	Đất chưa sử dụng	897,82	0,15
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	50,06	0,01
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	103,36	0,02
3.3	Núi đá không có rừng cây	744,40	0,13

Nguồn: Báo cáo thống kê diện tích đất theo đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2014

4. Hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội

4.1. Hệ thống giáo dục và đào tạo

Ngành giáo dục đào tạo được tập trung đầu tư cơ sở vật chất và nâng chất lượng giáo dục. Toàn tỉnh đã không còn phòng học tạm, tỷ lệ phòng học kiên cố tăng từ 37,3% năm 2005 lên 67% năm 2014. Tỷ lệ xã, phường có trường tiểu học, trường mầm non đạt 100%, có trường trung học cơ sở đạt 95%.

Hệ thống cơ sở giáo dục chuyên nghiệp có 06 trường đại học là: Đại học Lạc Hồng, Đại học Đồng Nai, Đại học Nguyễn Huệ, Đại học Kỹ thuật và Công nghệ Đồng Nai, Đại học Lâm nghiệp và Phân hiệu Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; 04 trường cao đẳng và 06 trường trung cấp chuyên nghiệp. Giáo dục chuyên nghiệp ngày càng mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ nhân lực ngành du lịch trong tỉnh.

4.2. Hệ thống y tế

Năm 2014, mạng lưới các cơ sở y tế phát triển mạnh, số cơ sở y tế công lập là 240 cơ sở bao gồm 9 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến khu vực, 8 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 9 phòng khám đa khoa khu vực, 10 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, 11 trung tâm y tế, 11 phòng y tế, 11 trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện và 171 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Bên cạnh đó, tỉnh còn có gần 3.000 phòng khám, cơ sở hành nghề y, dược tư nhân ở các đô thị và vùng nông thôn.

4.3. Hệ thống công trình văn hóa, thể thao

Năm 2014, hệ thống thiết chế văn hoá, thể dục thể thao cấp tỉnh, huyện và cơ sở xã, phường đang trong quá trình đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Các thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh gồm: Trung tâm Văn hoá tỉnh, Trung tâm Thể dục và Thể thao tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện, sân vận động tỉnh. Các thiết chế văn hoá, thể thao các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa gồm: 11 trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện và 11 thư viện huyện. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, phường, thị trấn gồm: Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng đạt tỷ lệ 62,0% (106 xã/171 xã) và Nhà văn hóa ấp, khu phố đạt tỷ lệ 60,9% (613 ấp, khu phố/1.007 ấp, khu phố).

5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường

Đồng Nai có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

5.1. Đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ từng bước được đầu tư xây dựng phục vụ đắc lực lưu thông hàng hóa và các hoạt động kinh tế, dân sinh ngày càng tăng. Đến cuối năm 2014, hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh được phát triển có tổng chiều dài khoảng 6.876,5 km, bao gồm:

- Quốc lộ: 05 tuyến quốc lộ đi qua (QL1A, QL1K, QL51, QL56, QL20) có tổng chiều dài 244,5 km, nhựa hóa 100%, đây là các tuyến đường trục Bắc- Nam và Đông - Tây kết nối các khu vực trong và ngoài tỉnh.

- Đường tỉnh: 20 tuyến đường với tổng chiều dài 511 km, tỷ lệ nhựa hóa tăng từ 64,4% lên 100% (Đạt mục tiêu kế hoạch đề ra), trong năm 2010 còn nâng cấp một số tuyến đường huyện thành đường tỉnh quản lý với tỷ lệ nhựa hóa 90%.

- Đường đô thị, đường huyện: có gần 300 tuyến với tổng chiều dài 1.491 km, hoàn thành nhựa hóa 60% so với 39,6% năm 2005, còn lại một số đường huyện là đường bê tông, đường cấp phối, rải đá, đường đất.

- Đường xã, phường: có tổng chiều dài 4.143km, tỷ lệ nhựa hóa tăng từ 10,6% lên 30%, đường đất còn chiếm khoảng hơn 40%, còn lại là đường bê tông, đường cấp phối, đường rải đá.

- Đường chuyên dùng: có 487 km do các đơn vị kinh tế trong tỉnh trực tiếp quản lý, chủ yếu là đường nhựa, đường cấp phối.

Hệ thống bến xe hiện đang khai thác 15 bến xe khách và 12 trạm xe buýt có tổng diện tích 116.798m², trong đó có 3 bến xe khách liên tỉnh ở Biên Hòa và 12 bến xe khách ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

5.2. Đường sắt

Tuyến đường sắt Thống Nhất trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý, đoạn qua tỉnh có chiều dài 87,5 km gồm có 8 ga trong đó ga Biên Hòa là ga chính trang bị hệ thống thông tin tín hiệu chạy tàu bán tự động. Tuyến đường sắt Thống Nhất là kênh lưu thông vận chuyển hành khách quan trọng giữa tỉnh với khu vực Duyên hải miền Trung và phía Bắc.

5.3. Hạ tầng giao thông đường thủy

Toàn tỉnh có 24 tuyến đường sông đang hoạt động, tổng chiều dài 431 km, trong đó có 6 tuyến tổng chiều dài 169 km do Trung ương quản lý và 18 tuyến tổng chiều dài 262 km do tỉnh quản lý. Ngoài ra, còn 61 tuyến kênh rạch tổng chiều dài 101 km do đơn vị cơ sở khai thác, quản lý. Các tuyến đường sông quan trọng lưu thông tàu ra biển gồm có 03 tuyến theo các sông Đồng Nai, sông Thị Vải, sông Nhà Bè- Lòng Tàu, trên các tuyến đường sông này đều có các bến cảng tiếp nhận được tàu 5000 DWT trở lên.

5.4. Hệ thống cấp điện

Nguồn cấp điện cho tỉnh từ điện lưới quốc gia chủ yếu lấy từ nhà máy thủy điện Trị An công suất 4x100MW, nhà máy điện FORMOSA công suất 150MW, nhà máy điện Hàm Thuận công suất 2x150MW, nhà máy điện Phú Mỹ và nhà máy điện Nhơn Trạch 1 công suất 462,8 MW.

Hệ thống lưới điện gồm các cấp điện áp 110KV, 35KV, 22KV, 10KV và 6KV với tổng chiều dài mạng lưới đường dây truyền tải điện hơn 6.000 km trong đó đường dây 220KV có 302 km, đường dây 110KV có 434,5 km, đường dây 35KV có 1.986,7 km. Hệ thống trạm biến áp có 5.362 trạm trong đó có 3 trạm 220KV, 20 trạm 110 KV, 1.786 trạm trung thế (35/6KV, 35/0,4KV, 22/0,4KV), còn lại là các trạm hạ thế (10/0,4KV, 6/0,4KV).

Hệ thống lưới điện đã được kéo phủ khắp toàn tỉnh đến 100% số xã, cung cấp điện khá ổn định phục vụ các khu công nghiệp, đô thị và hầu hết các khu vực nông thôn trong tỉnh. Năm 2013, tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt đạt 99,6%, trong đó thành thị đạt 100% và nông thôn đạt 99,4%.

5.5. Hệ thống cấp thoát nước

- Cấp nước: Toàn tỉnh có 19 nhà máy nước đang hoạt động ở thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các trung tâm huyện và một số khu công nghiệp, trong đó có 5 nhà máy nước lớn gồm nhà máy nước Thiện Tân công suất

120.000m³/ngày, nhà máy nước Biên Hòa công suất 36.000m³/ngày, nhà máy nước Long Bình 30.000m³/ngày, nhà máy nước ngầm Nhơn Trạch 10.000m³/ngày và nhà máy nước Long Khánh 7.000m³/ngày. Tổng công suất các nhà máy nước đạt khoảng 310.000 m³/ngày, trong đó tổng công suất các nhà máy nước do Công ty Cấp nước Đồng Nai đang quản lý đạt khoảng 235.000 m³/ngày. Năm 2013, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95,7%, trong đó thành thị đạt 97,3% và nông thôn đạt 93,8%.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải từng bước đã giảm được tình trạng ngập úng cục bộ tại thành phố Biên Hòa và các khu vực tập trung dân cư trong tỉnh. Hầu hết các khu công nghiệp đang hoạt động đều có hệ thống thoát và xử lý nước thải tập trung, giúp giảm hẳn ô nhiễm môi trường nước sông, suối. Chất lượng nước mặt ở đa số các sông, suối, hồ trong tỉnh như sông Đồng Nai, các hồ Trị An, Đa Tôn, Suối Tre, Cầu Mới, Núi Le, Gia Ui,... nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường về chất lượng nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Một số sông, hồ trước đây ô nhiễm nặng nay đã phục hồi như sông Thị Vải, hồ Sông Mây.

5.6. Hệ thống công trình thủy lợi

Năm 2014, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng có 123 công trình thủy lợi đang hoạt động với tổng năng lực phục vụ 23.355 ha đất canh tác bao gồm đất trồng lúa 19.756 ha chiếm tỷ lệ 51%, hoa màu 819 ha, cây công nghiệp và cây ăn trái 2.780 ha, ngoài ra còn phục vụ nuôi trồng thủy sản 955,5 ha và ngăn mặn, tiêu lũ 9.369 ha.

Các công trình thủy lợi đầu mối gồm: 10 hồ chứa nước, 24 trạm bơm điện, 15 đập dâng và 2 hệ thống đê ngăn mặn. Tổng năng lực các công trình phục vụ cho 15.300 ha đất canh tác với diện tích tưới nước hàng năm cho khoảng 25.500 ha diện tích canh tác 3 vụ đông xuân, hè thu và vụ mùa trong đó vụ đông xuân tưới được 10.800 ha/13.500 ha, hiệu suất của các công trình thủy lợi đạt khoảng 81,1%.

5.7. Hiện trạng bảo vệ môi trường

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường có chuyển biến, vệ sinh môi trường ở phần lớn các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, bệnh viện được cải thiện hơn so với trước. Tỉnh đã thực hiện các dự án xử lý nước thải, rác thải khu công nghiệp, bệnh viện, đô thị, cơ bản giải quyết vấn đề xử lý rác thải ở các bệnh viện. Năm 2014, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 90,2%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 95%.

III. Tiềm năng phát triển du lịch

1. Tài nguyên tự nhiên

Tài nguyên du lịch sinh thái gắn với sông Đồng Nai, hồ Trị An, vườn quốc gia Cát Tiên và nhiều điểm thắng cảnh thiên nhiên rừng, núi, hồ và thác, gồm: thác Mai, thác Hòa Bình, suối Mơ, núi Chứa Chan, hồ Đa Tôn, hồ Sông Mây có thể khai thác phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao, du lịch nghiên cứu khoa học có sức hấp dẫn đối với khách trong nước và quốc tế. Tại Khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai có các di tích lịch sử như căn cứ địa cách mạng Chiến khu D, Căn cứ trung ương cục miền Nam, Khu ủy miền Đông, Thác Ràng... thuận lợi để khai thác du lịch sinh thái kết hợp du lịch văn hóa.

Sự đa dạng, phong phú về địa hình tạo cho tỉnh Đồng Nai có những tiềm năng rất tốt để trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng tạo ra các sản phẩm du lịch, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch. Tổng số các điểm du lịch theo địa hình là 51 điểm, như sau: rừng 3 điểm; đồi, núi là 7 điểm; hồ là 8 điểm; thác là 9 điểm; suối là 4 điểm; sông, cù lao, đảo là 8 điểm và công viên, vườn là 12 điểm.

Do đó, trong quá trình định hướng phát triển du lịch của tỉnh, cần xem xét và nghiên cứu một cách tổng thể, toàn cục để có được sự đa dạng, phong phú và sự đặc thù, độc đáo của từng sản phẩm du lịch phù hợp với những tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

Bảng 1: Phân loại các điểm du lịch theo địa hình tự nhiên của tỉnh Đồng Nai

S T T	Tên địa phương	Phân loại các điểm du lịch theo địa hình							
		Tổng số	Rừng	Núi, đồi	Hồ	Thác	Suối	Sông, Cù lao, đảo	Công viên, vườn
1	Thành phố Biên Hòa	10		1	2			5	2
2	Thị xã Long Khánh	3							3
3	Huyện Vĩnh Cửu	3	1					1	1
4	Huyện Long Thành	5		1	1	1		1	1
5	Huyện Nhơn Trạch	3	1	1				1	
6	Huyện Thống Nhất	2				2			
7	Huyện Trảng Bom	5			1	2	2		
8	Huyện Xuân Lộc	7		1	1	1			4
9	Huyện Cẩm Mỹ	6		2	2		1		1
10	Huyện Định Quán	3		1		2			
11	Huyện Tân Phú	4	1		1	1	1		
	Tổng số	51	3	7	8	9	4	8	12

Nguồn: Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

2. Tài nguyên văn hóa nhân văn

2.1. Dân cư, dân tộc

Từ đầu thế kỷ XVII, người Kinh và người Hoa đã bắt đầu đến sinh sống ở tỉnh Đồng Nai. Vào những năm đầu thế kỷ XX, sự giao thương của tỉnh Đồng Nai với các vùng khác khá phát triển, cộng với quá trình di dân tạo ra sự giao thoa của nhiều phong tục tập quán của các vùng miền, đã hình thành một lối sống đặc trưng cởi mở và phóng khoáng của người dân tỉnh Đồng Nai.

Những cư dân đến sớm thường cư trú ở gò đồi, vùng có nước ngọt theo tuyến sông rạch, chủ yếu là sông Đồng Nai...hình thành các thôn làng, gắn với nghề sông nước, ruộng rẫy và buôn bán như: các làng cổ Bến Gỗ ở thành phố Biên Hòa; Đồng Môn ở huyện Nhơn Trạch; Bến Cá ở huyện Vĩnh Cửu; Cù Lao Phố ở thành phố Biên Hòa. Những đợt di cư từ miền trung, miền bắc dần dần hình thành cộng đồng cư dân tỏa rộng ra các tuyến lộ và vùng trung du. Các lớp người Hoa vùng Quảng Đông, Phúc Kiến nhập cư, giỏi nghề buôn bán sinh sống ở các thị tứ; người Tiều Châu, người Hẹ có truyền thống nghề rẫy khai thác các vùng trung du ở các huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc...

2.2. Các di tích

Tỉnh Đồng Nai có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn và lịch sử có tiềm năng khá phong phú. Năm 2014, toàn tỉnh có 49 di tích được nhà nước xếp hạng, trong đó có: 27 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 22 di tích xếp hạng cấp tỉnh, như sau:

- Các di tích lịch sử, cách mạng về một thời quá khứ hào hùng của miền đất Đồng Nai anh dũng (Nhà Xanh, Nhà lao Tân Hiệp, Căn cứ khu ủy miền Đông, Địa đạo Nhơn Trạch, Khu căn cứ Rừng Sát...). Nhóm di tích lịch sử, cách mạng là cơ sở để phát triển những tour chuyên đề về nguồn, giáo dục truyền thống cách mạng, học tập và nghiên cứu lịch sử.

- Các di tích được xếp vào nhóm thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật khảo cổ chứa đựng những giá trị to lớn về nhiều mặt. Nổi bật trong nhóm này là Mộ Cổ Hàng Gòn (di tích khảo cổ), khu du lịch Bửu Long (di tích danh thắng), Khu Đá Ba Chông (di tích thắng cảnh), Đình Tân Lâm (di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật)...Theo quy hoạch du lịch tổng thể vùng Nam Trung bộ đến 2010, Mộ Cổ Hàng Gòn được xác định là điểm du lịch văn hóa cấp quốc gia. Khu du lịch Bửu Long và khu đá Ba Chông, với những giá trị cao về văn hóa và tự nhiên có thể định hướng phát triển thành những trọng điểm du lịch của tỉnh.

Nhìn chung, các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn Đồng Nai tập trung với mật độ tương đối cao ở thành phố Biên Hòa. Do vậy khi xây dựng các chương trình du lịch của Đồng Nai, cần dựa trên quan điểm phát triển hài hoà giữa các địa phương.

Bảng 2: Phân loại các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

S T T	Tên đơn vị hành chính	Loại hình		Cấp xếp hạng		Tổng số di tích
		Di tích lịch sử, cách mạng	Di tích thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật hoặc khảo cổ	Tỉnh	Quốc gia	
1	Thành phố Biên Hòa	11	9	5	15	20
2	Huyện Long Thành	1	3	2	2	4
3	Thị xã Long Khánh	2	2	3	1	4
4	Huyện Nhơn Trạch	2	3	4	1	5
5	Huyện Vĩnh Cửu	4	3	4	3	7
6	Huyện Định Quán	1	1		2	2
7	Huyện Trảng Bom	1		1		1
8	Huyện Thống Nhất	3		3		3
9	Huyện Xuân Lộc		1		1	1
10	Huyện Tân Phú		1		1	1
11	Huyện Cẩm Mỹ	1			1	1
	Tổng cộng	26	23	22	27	49

Nguồn: Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

2.3. Lễ hội

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Các hoạt động lễ hội thường thu hút nhiều khách hành hương và khách du lịch. Phần nghi lễ có ý nghĩa quan trọng và thiêng liêng, chứa đựng những giá trị văn hóa truyền thống, giá trị thẩm mỹ và triết học sâu sắc của cộng đồng. Nó là phần hạt nhân của cả lễ hội. Phần hội là phần có tổ chức những trò chơi, thi đấu, biểu diễn,... mang tính vui chơi giải trí tạo thêm phần hào hứng, thu hút những người tham dự lễ hội.

Các lễ hội truyền thống làng xã vẫn còn khá phổ biến ở tỉnh Đồng Nai. Lễ hội cúng đình mà một trong những hình thức của nó là Lễ Kỳ Yên thường diễn ra tại các đình làng trên địa bàn thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành, nơi có số lượng tập trung đình chùa rất lớn. Lễ Kỳ Yên là lễ chính của đình gọi là vía thần nhưng thực chất là lễ hội nông nghiệp, cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa. Lễ hội thường diễn ra ba ngày, mỗi đình mỗi khác, gồm 3 lễ chính là: Túc Yết, Đản Cỗ, Tiên Hiền - Hậu Hiền và các nghi lễ khác như rước sắc thần, xây châu, đại bội,... Song song với lễ hội, cũng diễn ra các hoạt động

ca hát, vũ điệu mang ý nghĩa nghi lễ, tạo thêm sự trang nghiêm và tính long trọng của lễ hội.

Cùng với Lễ hội Kỳ Yên, các lễ hội cúng Bà cũng được chuẩn bị và tổ chức không kém phần nghiêm túc. Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Tiêu biểu cho loại hình này là Lễ cúng Bà Thiên Hậu (chùa Thiên hậu - Bửu Long). Đi kèm với các hoạt động nghi thức của lễ hội này còn có các tiết mục ca hát, diễn xướng tổng hợp – đó là Hát bóng rỗi - Chập Địa Nàng.

Lễ hội cúng đình và lễ hội cúng Bà là những sinh hoạt văn hóa truyền thống mang tính tín ngưỡng của một bộ phận không nhỏ người dân tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động lễ hội này thu hút sự tham gia của rất nhiều người dân địa phương. Việc chọn lọc những yếu tố mang tính văn hóa truyền thống từ các lễ hội này sẽ tạo ra môi trường tốt cho các hoạt động du lịch văn hóa mang tính cộng đồng cao.

Điểm đặc sắc của các hoạt động lễ hội còn được thể hiện qua các loại hình lễ hội của các dân tộc ít người. Trong số đó phải kể đến một số lễ hội hiện vẫn còn tồn tại như Lễ hội đâm Trâu (dân tộc Châu Mạ - Tân Phú), Lễ hội Cầu an (dân tộc Hoa – xã Phú Vinh, huyện Vĩnh Cửu),...và một số lễ hội đã thất truyền nhưng có khả năng khôi phục như Lễ hội cúng Lúa mới (dân tộc Châu Ro ở huyện Xuân Lộc), Lễ hội Ramadan (dân tộc Chăm ở huyện Xuân lộc). Đây là những nét sinh hoạt văn hóa, là tinh hoa của các dân tộc anh em sống trên địa bàn tỉnh, mang tính đặc thù rất cao, rất thích hợp cho việc tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, đặc sắc vì đối với các tài nguyên văn hóa phi vật thể này, giá trị của nó được thể hiện qua các điệu múa, trường ca, nhạc cụ, món ăn,...vốn rất đặc trưng của các dân tộc. Vì vậy, cần thiết phải có sự điều tra, thu thập đầy đủ lễ hội của các dân tộc ít người, để qua đó có sự chọn lọc, khôi phục các lễ hội để đưa vào kết hợp phát triển du lịch của tỉnh. Cần nghiên cứu khai thác Lễ hội đâm Trâu của người dân tộc Châu Mạ ở huyện Tân Phú đưa vào các tour du lịch sinh thái kết hợp với văn hóa lễ hội.

Tỉnh Đồng Nai là nơi tập trung hai tôn giáo lớn: Phật giáo (thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành) và Thiên Chúa giáo (thành phố Biên Hòa và huyện Thống Nhất), thể hiện rõ qua số lượng và mật độ phân bố cao của các công trình tôn giáo (chùa, nhà thờ...) trên các địa bàn. Chính vì thế, các lễ hội mang tính tôn giáo như các ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh, Phật Đản, Vu Lan...đã trở thành những ngày lễ lớn, là dịp vui chơi giải trí của đông đảo tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, kể cả những người không có tôn giáo. Hàng năm, lượng khách tham gia vào các lễ hội này rất lớn. Đây là cơ hội để tổ chức các loại hình vui chơi, giải trí, ăn uống...

2.4. Làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống cũng là tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Nghề truyền thống với các sản phẩm độc đáo không chỉ thể hiện tài khéo léo của nhân dân lao động mà còn thể hiện những tư duy triết học, những tâm tư tình cảm của con người.

Trên địa bàn tỉnh hiện có một số nghề, làng nghề truyền thống như: đan lát, mây tre tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa; đan sọt tại huyện Tân Phú; trồng dâu nuôi tằm tại xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú và xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc; may thêu, kết cườm, dệt vải tại phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa; dệt thổ cẩm tại huyện Tân Phú; gỗ mỹ nghệ tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom; chạm khắc đá tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa; chế biến tinh bột tại xã Trà Cỏ, huyện Trảng Bom; bánh tráng tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu; trồng bưởi tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu; trồng chuối tại huyện Định Quán, huyện Tân Phú; trồng chôm chôm, sầu riêng tại thị xã Long Khánh.

Đặc biệt, về giá trị của các làng nghề trong việc gắn kết phối hợp phát triển du lịch, làng bưởi Tân Triều ở huyện Vĩnh Cửu, nghề dệt thổ cẩm ở huyện Tân Phú và thủ công mỹ nghệ có nhiều điểm lợi thế hơn.

2.5. Các công trình giá trị văn hóa khác

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện lưu giữ một số hiện vật, công trình văn hóa vật thể và các giá trị văn hóa phi vật thể. Các giá trị văn hóa này đã, đang và có thể được khai thác để phát triển du lịch, như sau:

- **Nhà cổ:** Hiện nay trên địa bàn tỉnh còn một số ngôi nhà cổ tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa. Một số ít ngôi nhà cổ được trùng tu giữ gìn nguyên vẹn cho đến nay, nổi bật nhất là nhà từ đường họ Đào – Nhơn Trạch, nhà từ đường họ Trần phường Tân Vạn- thành phố Biên Hòa. Nhà cổ là một công trình văn hóa có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật cao và có thể xếp vào hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn. Do đó, cần điều tra và hệ thống lại những ngôi nhà cổ để kết hợp tham quan và khai thác du lịch .

- **Văn miếu Trấn Biên:** Đây là công trình văn hóa mang tính hiện đại, gọi về một thời kỳ lịch sử của đất Đồng Nai. Năm 1715, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Phạm Khánh Đức chọn thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh (nay là phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa) để xây dựng Văn miếu Trấn Biên, có vai trò như một trung tâm văn hóa - giáo dục của vùng đất này. Văn miếu Trấn Biên là văn miếu đầu tiên ở Nam Bộ. Hàng năm, vào ngày đình mùa xuân và mùa thu, đích thân chúa Nguyễn đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ. Văn miếu Trấn Biên là điểm đến của nhiều du khách đến tham quan tìm

hiểu văn hóa lịch sử Đồng Nai. Văn miếu đang tiếp tục quá trình thi công xây dựng giai đoạn 2 là khu dịch vụ. Điểm thuận lợi là Văn miếu Trấn Biên rất gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long nên có thể kết hợp với khu du lịch này tạo thành một quần thể du lịch danh thắng văn hóa rất lý tưởng.

- **Bảo tàng Đồng Nai:** là nơi trưng bày và lưu giữ các hiện vật văn hóa, những di chỉ khảo cổ qua nhiều thời kỳ mà có rất nhiều hiện vật không thể thấy được ở các bảo tàng khác. Đây là một trong những bảo tàng lớn nhất Nam bộ phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu nghiên cứu, học tập, tìm hiểu về văn hóa lịch sử, các chương trình tour về nguồn, giáo dục truyền thống văn hóa cách mạng là một điểm đến có giá trị.

- **Đặc sản ở các địa phương:** là những món ăn, thực phẩm...ở dạng thô hay đã qua chế biến mà hương vị thật sự của nó chỉ có được ở địa phương tạo ra nó. Ngày nay, đặc sản đang ngày càng trở thành một mắt xích quan trọng, được đưa ra không chỉ như một yếu tố giúp mang lại nguồn lợi cho ngành du lịch địa phương mà còn được xem như một lợi thế cạnh tranh giữa các vùng. Khai thác giá trị của các sản vật địa phương ở Đồng Nai, gồm có: bưởi và các món ăn, thức uống được chế biến từ bưởi như rượu bưởi, chè bưởi, gỏi bưởi, nem bưởi; từ bắp Tân Triều tại huyện Vĩnh Cửu; như chả bắp, chè bắp..., rượu Bền Gõ tại huyện Long Thành; rượu cần, cơm lam tại huyện Tân Phú; xôi chiên phồng ăn với gà nướng; lẩu tôm Năm Ri tại thành phố Biên Hòa.

- **Các giá trị văn hóa phi vật thể:** Do đặc điểm hợp cư của nhiều dân tộc nên văn hóa Đồng Nai rất đa dạng phong phú. Xu hướng của du khách hiện nay, nhất là khách nước ngoài, rất quan tâm đến nét văn hóa của các dân tộc tại nước mà họ đến, trong đó có giá trị văn hóa phi vật thể. Trước mắt có thể đưa vào khai thác du lịch kết hợp với một số giá trị văn hóa đặc trưng, như: trường ca, điệu hát, điệu múa, công chiêng của dân tộc Châu Mạ tại huyện Tân Phú; công chiêng dân tộc Chơ Ro, Châu Mạ huyện Định Quán; khôi phục hát đối đáp Tam Pót dân tộc Châu Mạ huyện Định Quán; đờn ca tài tử tại huyện Nhơn Trạch, Long Thành, thành phố Biên Hòa; ca nhạc dân tộc, ca nhạc hiện đại.

2.6. Đánh giá chung

Tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo tỉnh Đồng Nai rất phong phú, bao gồm các tài nguyên văn hóa vật thể là các công trình văn hóa di tích lịch sử và các tài nguyên văn hóa phi vật thể là lễ hội, phong tục tập quán, điệu múa, câu hát....như sau:

- Do lịch sử hình thành các cộng đồng cư dân, điều kiện kinh tế xã hội và sự giao lưu văn hóa của nhiều dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã tạo cho vùng đất này một nền văn hóa mang những nét đặc trưng riêng của mình đồng thời vẫn thể hiện được những dấu ấn văn hóa của các dân tộc khác. Sự đa dạng,

phong phú này là cơ sở cho việc hình thành và phát triển một nền văn hóa tỉnh Đồng Nai ngày nay.

- Tỉnh Đồng Nai hiện có tổng cộng 49 di tích được nhà nước xếp hạng, trong đó có: 27 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, trong đó có 01 di tích xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt. Là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, khoa học nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa – xã hội rất thuận lợi phát triển du lịch.

- Các lễ, hội ở tỉnh Đồng Nai rất đa dạng, phong phú như: những trò chơi, thi đấu, biểu diễn,... mang tính vui chơi giải trí tạo thêm phần hào hứng, thu hút những người tham dự lễ hội. Các loại lễ, hội gồm: lễ hội mang tính quốc gia, lễ hội làng xã truyền thống, lễ hội của các dân tộc ít người, lễ hội tôn giáo, lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử của Việt Nam, lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử tỉnh Đồng Nai.

- Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có một số nghề, làng nghề truyền thống như: đan lát, mây tre, trồng dâu nuôi tằm, may thêu, kết cườm, dệt vải, dệt thổ cẩm, gỗ mỹ nghệ, chạm khắc đá, gốm mỹ nghệ, chế biến tinh bột, nghề bánh tráng, trồng bưởi, trồng chuối, trồng chôm chôm, sầu riêng. Những nghề, làng nghề truyền thống cũng là tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Nghề truyền thống với các sản phẩm độc đáo không chỉ thể hiện tài khéo léo của nhân dân lao động mà còn thể hiện những tư duy triết học, những tâm tư tình cảm của con người.

- Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn lưu giữ nhiều hiện vật, công trình văn hóa vật thể và các giá trị văn hóa phi vật thể thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Như sau: Nhiều nhà cổ; Văn miếu Trấn Biên; Bảo tàng tỉnh Đồng Nai; các đặc sản ở các địa phương và các giá trị văn hóa phi vật thể như: trường ca, điệu hát, điệu múa, công chiêng của dân tộc Châu Mạ, huyện Tân Phú; đờn ca tài tử tại huyện Nhơn Trạch, Long Thành, thành phố Biên hòa; ca nhạc dân tộc, ca nhạc hiện đại... cần khôi phục những giá trị văn hóa đã mai một, phát huy và giữ gìn, bảo vệ những nét văn hóa hiện tại tạo cơ hội nhiều hơn cho việc khai thác du lịch văn hóa.

Tóm lại, các lợi thế về tài nguyên nhân văn của tỉnh Đồng Nai hứa hẹn mở ra nhiều khả năng cho việc đưa các yếu tố văn hóa vào kết hợp khai thác du lịch. Đồng thời, việc phát triển du lịch phải trên cơ sở lựa chọn và có sự đầu tư hợp lý để đảm bảo việc khai thác được hiệu quả, đồng thời cũng tạo điều kiện cho việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc..

Phần 2

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

I. Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1. Thị trường khách du lịch

Trong những năm qua, tổng số lượt khách du lịch đến tỉnh tăng khá cao, từ 552 nghìn lượt người năm 2005 lên 2.110 nghìn lượt năm 2010 và 2.830 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 19,9%/năm trong giai đoạn 2006 - 2014.

Tổng số lượt khách lưu trú tăng từ 118 nghìn lượt khách năm 2005 lên 998 nghìn lượt khách năm 2010 và 1.412 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,8%/năm trong giai đoạn 2006-2014.

Tổng số ngày khách lưu trú tăng từ 149 nghìn ngày khách năm 2005 lên 1.173 nghìn ngày.khách năm 2010 và 1.774 nghìn ngày.khách năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,7%/năm trong giai đoạn 2006 - 2014.

a. Khách trong nước

Tổng số lượt khách trong nước tăng từ 536 nghìn lượt khách năm 2005 lên 2.070 nghìn lượt khách năm 2010 và 2.777 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 20,1% trong giai đoạn 2006 - 2014. Khách du lịch trong nước đến tỉnh Đồng Nai chiếm chủ yếu trong giai đoạn 2006 - 2014.

Tổng số lượt khách trong nước lưu trú tăng từ 108 nghìn lượt khách năm 2005 lên 958 nghìn lượt khách năm 2010 và 1.360 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 32,5%/năm trong giai đoạn 2006-2014.

Tổng số ngày lưu trú của khách trong nước tăng từ 108 nghìn ngày khách năm 2006 lên 1.138 nghìn ngày.khách năm 2010 và 2.096 nghìn ngày khách năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 37,6%/năm trong giai đoạn 2006-2014. Số ngày lưu trú bình quân của khách trong nước tăng từ 1,0 ngày/khách năm 2006 lên 1,1 ngày/khách năm 2010 và 1,4 ngày/khách năm 2014.

b. Khách quốc tế

Tổng số lượt khách quốc tế tăng từ 16 nghìn lượt năm 2005 lên 40 nghìn lượt năm 2010 và 53 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 14,2% trong giai đoạn 2006-2014. Tỷ trọng số lượt khách quốc tế đến tỉnh Đồng Nai trong tổng số lượt khách du lịch chiếm rất nhỏ trong giai đoạn 2006-2014, không vượt quá 2%.

Tổng số lượt khách quốc tế lưu trú tăng từ 10 nghìn lượt khách năm 2005 lên 28 nghìn lượt khách năm 2010 và 52 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 20,1%/năm trong giai đoạn 2006-2014.

Tổng số ngày lưu trú của khách quốc tế tăng từ 29 nghìn ngày năm 2005 lên 84 nghìn ngày năm 2010 và 192 nghìn ngày năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 23,4%/năm trong giai đoạn 2006-2014. Số ngày lưu trú bình quân của khách quốc tế tăng từ 2,9 ngày/khách năm 2005 lên 3,0 ngày/khách năm 2010 và giảm xuống 3,7 ngày/khách năm 2014.

Khách lưu trú quốc tế chủ yếu là người nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp trong tỉnh Đồng Nai, khách tham dự hội nghị, du lịch nghiên cứu...

Bảng 6: Hiện trạng tổng số lượt khách du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

HẠNG MỤC	Đơn vị	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng bq 2006 -2014 (%)
1- Tổng số lượt khách du lịch	1.000 lượt.khách	552	2.110	2.475	2.500	2.800	2.830	19,9
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	536	2.070	2.432	2.453	2.746	2.777	20,1
<i>Tỷ trọng</i>	%	97,1	98,1	98,3	98,1	98,1	98,2	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	16	40	43	47	54	53	14,2
<i>Tỷ trọng</i>	%	2,9	1,9	1,7	1,9	1,9	1,9	
2- Tổng số lượt khách tham quan	1.000 lượt.khách	434	1.112	1.328	1.150	1.469	1.418	14,1
3- Tổng số lượt khách lưu trú	1.000 lượt.khách	118	998	1.147	1.350	1.331	1.412	31,8
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	108	958	1.104	1.303	1.277	1.360	32,5
<i>Tỷ trọng</i>	%	91,5	96,0	96,2	96,5	96,0	96,3	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	10	28	30	33	38	52	20,1
<i>Tỷ trọng</i>	%	8,5	4,0	3,8	3,5	4,0	3,7	
4- Số ngày lưu trú trung bình								
+ Khách trong nước	Ngày	1,0	1,1	1,1	1,0	1,2	1,4	3,8
+ Khách quốc tế	Ngày	2,9	3,0	3,5	3,2	2,8	3,7	2,7
5- Tổng số ngày. khách lưu trú	1.000 ngày.khách	137	1.138	1.319	1.409	1.639	2.096	35,4
+ Khách trong nước	1.000 ngày.khách	108	1.054	1.214	1.303	1.532	1.904	37,6
<i>Tỷ trọng</i>	%	78,8	92,6	92,0	92,5	93,5	90,8	
+ Khách quốc tế	1.000 ngày.khách	29	84	105	106	106	192	23,4
<i>Tỷ trọng</i>	%	19,5	10,2	11,5	10,0	9,0	11,0	
6- Mức chi tiêu trung bình của khách								
+ Khách trong nước	1.000 đồng	170	190	220	250	260	300	6,5
+ Khách quốc tế	USD	80	115	120	120	135	160	8,0

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

2. Doanh thu du lịch

Doanh thu du lịch bao gồm các khoản thu từ lưu trú, vận chuyển du lịch, phí tham quan, chi phí lữ hành, ăn uống, vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm... Tổng doanh thu du lịch tăng từ 821 tỷ đồng năm 2005 lên 4.294,3 tỷ đồng năm 2010 và 9.302,2 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,0% trong giai đoạn 2006-2014. Trong đó:

- Doanh thu lưu trú tăng từ 36,4 tỷ đồng năm 2005 lên 135,3 tỷ đồng năm 2010 và 285,0 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 25,7% trong giai đoạn 2006-2014.

- Doanh thu lữ hành tăng từ 11,0 tỷ đồng năm 2005 lên 27,4 tỷ đồng năm 2010 và 102,3 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm tăng 28,1% trong giai đoạn 2006-2014.

- Doanh thu ăn uống của khách du lịch tăng từ 762 tỷ đồng năm 2005 lên 4.098 tỷ đồng năm 2010 và 8.810,0 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,3% trong giai đoạn 2006-2014.

- Doanh thu vận chuyển khách du lịch tăng từ 3,2 tỷ đồng năm 2005 lên 8,1 tỷ đồng năm 2010 và 23,1 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm tăng 24,3% trong giai đoạn 2006-2014.

- Doanh thu vui chơi giải trí của khách tăng từ 8,4 tỷ đồng năm 2005 lên 25,5 tỷ đồng năm 2010 và 81,7 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm tăng 28,8% trong giai đoạn 2006-2014.

Bảng 7: Hiện trạng tổng số doanh thu du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2014		Tốc độ tăng bq 2006-2014 (%)
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	
Tổng doanh thu	821	100,0	4.294,3	100,0	9.302,2	100,0	31,0
- Lưu trú	36,4	22,1	135,3	3,1	285,0	3,1	25,7
- Lữ hành	11,0	6,0	27,4	0,6	102,3	1,1	28,1
- Ăn uống	762,0	56,2	4.098,0	95,4	8.810,0	94,7	31,3
- Vận chuyển	3,2	4,4	8,1	0,2	23,1	0,2	24,3
- Vui chơi giải trí	8,4	11,3	25,5	0,6	81,7	0,9	28,8

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2013 và tính toán của tư vấn

Ngành du lịch Đồng Nai đã tích cực triển khai các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, góp phần tăng mức chi tiêu của du khách. Trong đó:

- Mức chi tiêu trung bình của khách trong nước tăng từ 170 nghìn đồng năm 2005 lên 190 nghìn đồng năm 2010 và 300 nghìn đồng năm 2014. Tốc độ tăng mức chi tiêu bình quân hàng năm 6,5%/năm trong giai đoạn 2006-2014.

- Mức chi tiêu trung bình của khách quốc tế tăng từ 80 USD năm 2005 lên 115 USD năm 2010 và 160 USD năm 2014. Tốc độ tăng mức chi tiêu bình quân hàng năm 8,0%/năm trong giai đoạn 2006-2014.

3. Tổng giá trị gia tăng của ngành du lịch

Tổng giá trị gia tăng của ngành du lịch tỉnh Đồng Nai chiếm từ 30% đến 35% tổng doanh thu từ du lịch, tăng từ 402 tỷ đồng năm 2005 lên 1.288 tỷ đồng năm 2010 và 2.972 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 23,2% trong giai đoạn 2006-2014.

Tỷ trọng tổng giá trị gia tăng của ngành du lịch trong tổng giá trị gia tăng của tỉnh Đồng Nai tăng từ 0,95% năm 2005 lên 1,69% năm 2010 và 1,90% năm 2014.

Bảng 8: Tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành ngành du lịch đến năm 2014

HẠNG MỤC	Đơn vị	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng bq hàng năm giai đoạn 2006 – 2014 (%)
1. Tổng giá trị gia tăng (GDP) theo giá hiện hành tỉnh Đồng Nai	Tỷ đồng	42.380	76.025	98.759	117.414	140.092	156.273	19,7
2. Tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành của ngành du lịch tỉnh Đồng Nai	Tỷ đồng	402	1.288	1.734	2.147	2.584	2.972	23,2
3. Tỷ trọng giá trị gia tăng theo giá hiện hành của ngành du lịch trong tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành tỉnh Đồng Nai	%	0,95	1,69	1,76	1,83	1,84	1,90	

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2013 và tính toán của tư vấn

4. Cơ sở vật chất ngành du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định sự phát triển của ngành du lịch. Cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm hệ thống cơ sở lưu trú và hệ thống các dịch vụ. Trong hệ thống các dịch vụ có thể kể đến các dịch vụ ăn uống, vận chuyển, tham quan giải trí,...

4.1. Cơ sở lưu trú

Tổng số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến nay, 120 cơ sở lưu trú du lịch (20 cơ sở đã được thẩm định, xếp hạng gồm: khách sạn 4 sao là 01 đơn vị, Khách sạn 3 sao là 01 đơn vị, Khách sạn 2 sao là 09 đơn vị, Khách sạn 1 sao là 03 đơn vị và Nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn là 06 đơn vị), tổng số 3000 phòng.

Số lượng các cơ sở lưu trú du lịch trong những năm qua tăng nhanh. Nhất là khu vực thành phố Biên Hoà. Một số cơ sở lưu trú du lịch có chất lượng tốt được đầu tư xây dựng trong thời gian qua như: Khách sạn AURORA (4 sao); Hà Trinh (2 sao); Kim Cương (2 sao); Hoa Đệ Nhất (2 sao) góp phần nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Số còn lại chủ yếu là cơ sở có quy mô nhỏ dưới 20 phòng, nhưng về tiện nghi, trang thiết bị được nâng cao hơn so với các cơ sở trước đây.

Công suất sử dụng phòng bình quân của hệ thống lưu trú tăng từ 66,3% năm 2005 lên 66,5% năm 2010 và duy trì đến năm 2014.

Các cơ sở lưu trú du lịch do tư nhân và hộ cá thể đầu tư còn nhỏ lẻ chỉ đơn thuần là việc kinh doanh lưu trú và rất ít các dịch vụ bổ sung nhằm thoả mãn nhu cầu khách, bên cạnh đó, nguồn nhân lực làm việc tại các cơ sở này chủ yếu là người trong gia đình và người quản lý chưa có nghiệp vụ du lịch nên chất lượng phục vụ không cao và công tác quản lý các cơ sở này còn gặp nhiều khó khăn. Do thiếu những khách sạn có quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn nên trong thời gian qua chưa thu hút được nhiều hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia và quốc tế.

4.2. Dịch vụ vận chuyển khách

Năm 2014, trên địa bàn tỉnh có khoảng 2.500 phương tiện vận chuyển hành khách các loại (taxi, vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách công cộng...). Đồng thời, khi tổ chức các chương trình du lịch cho số lượng nhiều, các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành trong tỉnh liên kết, hợp tác với các đơn vị kinh doanh vận chuyển của thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức chương trình nên đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân nói chung và khách du lịch nói riêng.

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển của du khách ngày càng cao, một số đơn vị kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch đã quan tâm nâng cấp, đổi mới theo hướng nâng dần chất lượng, nhiều đơn vị đã mạnh dạn đầu tư xe có chất lượng cao để phục vụ du khách.

4.3. Dịch vụ nhà hàng ăn uống

Hệ thống nhà hàng, quán ăn phục vụ khách du lịch nói riêng và cộng đồng nói chung trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh trong những năm gần đây đã góp phần đáp ứng nhu cầu ẩm thực của nhân dân và du khách. Tuy nhiên, nhìn chung các nhà hàng, quán ăn có quy mô nhỏ và thiếu tính chuyên nghiệp nên chưa thể đón tiếp được các đoàn khách của các doanh nghiệp lữ hành, trừ các điểm du lịch Giang Điền, Vườn Xoài, Bửu Long....

4.4. Cơ sở vui chơi giải trí

Khách tham quan du lịch tập trung ở một số điểm du lịch như: Khu du lịch Bửu Long, Điểm du lịch Bò Cạp Vàng, Vườn Quốc gia Cát Tiên, núi Chúa Chan - Chùa Gia Lào, Suối Mơ, Thác Giang Điền, Văn miếu Trấn biên.

Một số đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cơ sở mua sắm, vui chơi giải trí có chất lượng tốt đi vào hoạt động như: khách sạn AURORA, Golf Nhơn Trạch, cơ sở mua sắm Lucky, rạp chiếu phim Megastar, Lotte, VinCom... góp phần đáp ứng nhu cầu một bộ phận có thu nhập cao là doanh nhân và các chuyên gia nước ngoài.

Các dịch vụ vui chơi giải trí, chủ yếu là tham quan, ngắm cảnh, ăn uống, thuyết minh và một số dịch vụ khác còn đơn điệu quy mô nhỏ, tính hấp dẫn không cao chưa đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú của du khách tại các điểm du lịch. Nhìn chung các sản phẩm dịch vụ du lịch còn nghèo nàn, chất lượng dịch vụ chưa cao nên chưa giữ chân được du khách, nhất là về đêm.

4.5. Mua sắm hàng hóa, quà lưu niệm

Hệ thống các Trung tâm thương mại, Siêu thị, chợ của tỉnh đang phát triển gồm: 04 siêu thị ở thành phố Biên Hòa, nâng cấp và xây mới các chợ hiện hữu. Ngoài ra còn có hệ thống cửa hàng trên các trục thương mại dịch vụ của thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các thị trấn trong tỉnh.

Tuy nhiên, nhìn chung doanh thu từ mua sắm hàng hóa, quà lưu niệm của du khách còn thấp. Các siêu thị, chợ, cửa hàng có quy mô nhỏ, mặt hàng chưa phong phú, chủ yếu là các đặc sản như: Bưởi da xanh, hàng lưu niệm, gốm, gỗ mỹ nghệ,... mẫu mã, chủng loại chưa đa dạng.

5. Lao động ngành du lịch

Đội ngũ lao động là một trong những nguồn lực rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng. Nhìn chung, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, lực lượng lao động trong ngành du lịch đã qua đào tạo còn rất thấp, trong đó trình độ lao động chưa qua đào tạo chiếm trên 50%.

Tổng số lao động tăng từ 2.061 người năm 2005 lên 4.056 người năm 2010 và 7.425 người năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 15,3%/năm trong giai đoạn 2006 - 2014. Trong đó, tổng số lao động đã qua đào tạo tăng từ 889 người năm 2005 lên 2.024 người năm 2010 và 3.628 người năm 2014 với tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng từ 43,13%/năm 2005 lên 49,9%/năm 2010 và 48,86% năm 2014.

Bảng 9: Hiện trạng lao động ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2014		Tốc độ tăng hàng năm giai đoạn 2006 – 2014 (%)
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	
Tổng cộng	2.061	100,0	4.056	100,0	7.425	100,00	15,3
- Trên đại học	3	0,15	5	0,12	15	0,20	19,6
- Đại học, cao đẳng	167	8,10	377	9,30	561	7,56	14,4
- Trung cấp	184	8,93	632	15,58	750	10,10	16,9
- Sơ cấp	535	25,96	1.010	24,90	2.302	31,00	17,6
- Khác	1.172	56,87	2.032	50,10	3.797	51,14	14,0

Nguồn: Các báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

6. Hoạt động lữ hành

Tổng số đơn vị kinh doanh lữ hành 22 doanh nghiệp, gồm: 4 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế (Công ty Cổ phần và Du lịch Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Bửu Long, Chi nhánh Vietravel Đồng Nai, chi nhánh Saigontourist) và 18 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa. Các doanh nghiệp đã góp phần đáp ứng một phần nhu cầu tổ chức chương trình du lịch của các tổ chức, cá nhân trong tỉnh. Chi nhánh Vietravel và Saigontourist đã khẳng định được thương hiệu của mình, bên cạnh đó, một số công ty lữ hành (Kỳ nghỉ Việt, Truyền Thống Việt, Chào Buổi sáng, Bửu Long, công ty cổ phần du lịch Đồng Nai, Thái Loan...) đang từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đổi mới phong cách đón tiếp và phục vụ du khách nên đã thu hút được nhiều khách hàng đăng ký đi du lịch trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh doanh lữ hành nhất là kinh doanh lữ hành nội địa đơn giản nên một số doanh nghiệp lữ hành được thành lập nhưng năng lực cạnh tranh yếu, tính chuyên nghiệp không cao, đồng thời các chế tài hiện nay trong lĩnh vực này còn thấp chưa đủ sức răn đe...nên chất lượng dịch vụ còn hạn chế.

7. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về du lịch và nghiệp vụ du lịch cho người lao động tại một số doanh nghiệp du lịch trên địa bàn được chú ý quan tâm. Tỉnh đã bố trí cử cán bộ, công chức đi học tập, tập huấn các lớp quản lý nhà nước về

du lịch ngắn ngày ở trong và ngoài nước. Tỉnh đã cử 01 đồng chí đi đào tạo sau đại học chuyên ngành thạc sĩ du lịch theo Chương trình Đề án 165 của Trung ương và cử 01 đồng chí bồi dưỡng 01 tháng về du lịch tại Malaysia; 06 đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên ngành về du lịch do dự án EU tổ chức.

UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt Kế hoạch 4760/KH-UBND ngày 23/6/2015 về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị tỉnh Đồng Nai, trong đó lĩnh vực du lịch, Tỉnh sẽ cử 110 người tham gia các lớp bồi dưỡng về du lịch trong và ngoài nước.

Ngoài ra, hàng năm Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các Trường đào tạo về du lịch tổ chức các lớp bồi dưỡng về du lịch (Quản lý Nhà nước và Xúc tiến Du lịch, Kỹ năng bán hàng cho các Hộ kinh doanh tại núi Chứa Chan, Thuyết minh viên du lịch, kỹ năng ứng, xử giao tiếp du lịch, nghiệp vụ phục vụ phòng tại các khách sạn, nhà nghỉ) cho các học viên là lãnh đạo UBND các xã, phường; phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà và người lao động tại một số doanh nghiệp du lịch.

8. Quảng bá và xúc tiến du lịch, tổ chức lễ hội, sự kiện phục vụ du lịch

Thực hiện quảng bá du lịch thường xuyên thông qua các hình thức như: Trang thông tin điện tử, bản tin du lịch, tạp chí du lịch trên Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai, hội chợ triển lãm về du lịch, Farmtrip.... để giới thiệu quảng bá hình ảnh quê hương đất nước, con người Đồng Nai đến các địa phương đồng thời phát động cuộc thi sáng tác phim ngắn giới thiệu về vùng đất con người tỉnh Đồng Nai đến các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh nhằm bổ sung tư liệu để góp phần nâng cao công tác quảng bá, xúc tiến du lịch.

Nguyên nhân chính dẫn đến tổng số lượt khách du lịch đến với tỉnh Đồng Nai tăng là do sự nỗ lực của toàn ngành và sự phối hợp giúp đỡ của các cấp, các ngành, các địa phương; đồng thời các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực tìm kiếm thị trường, xúc tiến quảng bá và có nhiều chính sách kích cầu nên đã thu hút được nhiều lượt khách tham quan vào những ngày nghỉ cuối tuần và những ngày nghỉ lễ.

9. Hiện trạng quản lý nhà nước về du lịch

9.1. Tổ chức bộ máy quản lý

a. Cấp tỉnh: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 28/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc hợp nhất Sở Thể dục Thể thao với Sở Văn hóa - Thông tin thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Du lịch ở tỉnh. Tổ chức thực hiện các văn

bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. Bộ máy của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về du lịch gồm :

- Phòng nghiệp vụ Du lịch với biên chế 5 cán bộ, thực hiện chức năng trực tiếp tham mưu đối với quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Trung tâm Xúc tiến Du lịch Đồng Nai được thành lập vào ngày 09/10/2009 căn cứ vào Quyết định số 2950/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai. Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, với biên chế là 11 người, làm đầu mối có thể làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để giới thiệu, xúc tiến công tác đầu tư về du lịch, bắt đầu từ giai đoạn giới thiệu địa điểm khảo sát làm du lịch, đi khảo sát thực tế, lên dự án và kêu gọi đầu tư.... Việc mời gọi đầu tư du lịch của Trung tâm xúc tiến du lịch được thực hiện qua một số các phương pháp sau:

- + Xúc tiến du lịch và mời gọi vốn đầu tư thuộc lĩnh vực du lịch.
- + Hỗ trợ và hướng dẫn nhà đầu tư phát triển sản phẩm du lịch.
- + Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực du lịch.
- + Tự tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các chương trình, sự kiện, hội chợ triển lãm về du lịch để kêu gọi đầu tư.
- + Tổ chức môi giới cho bên cung ứng và khách hàng tiếp xúc để hình thành mối quan hệ thương mại bằng hình thức gặp gỡ trao đổi, chào bán tour, đầu tư về du lịch, liên kết phát triển tour...
- + Đầu tư bằng phương pháp quảng cáo sản phẩm du lịch thông qua việc thực hiện các ấn phẩm quảng bá du lịch (dạng giấy và bản tin điện tử...)....

- Ban Chỉ đạo phát triển Du lịch tỉnh Đồng Nai trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với mọi hoạt động du lịch, tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh xây dựng, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Bộ máy gồm 11 lãnh đạo và 13 chuyên viên kiêm nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh Đồng Nai.

b. Cấp huyện: Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về du lịch được lồng ghép với phòng Văn hoá - Thông tin cấp các huyện, thành phố và thị xã trực thuộc tỉnh, tuy nhiên chưa mang tính chuyên môn hóa cao.

Như vậy có thể thấy là tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh đã được chú trọng ngang tầm nhiệm vụ chính trị cả về quy mô, năng lực và quyền hạn. Phòng Nghiệp vụ Du lịch thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về du lịch với đội ngũ cán bộ công chức mỏng nhưng được hỗ trợ của Trung tâm Xúc tiến

Du lịch Đồng Nai và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phát triển Du lịch tỉnh Đồng Nai nên đã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với du lịch. Riêng ở cấp huyện, đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác quản lý du lịch chủ yếu là kiêm nhiệm nên công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động ở cấp huyện gần như còn bỏ ngỏ.

9.2. Quản lý doanh nghiệp lữ hành, các cơ sở lưu trú du lịch, điểm du lịch

Rà soát các doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa để chủ động trong công tác quản lý nhà nước. Hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị kinh doanh lưu trú du lịch lập hồ sơ thẩm định và xếp hạng cơ sở lưu trú.

Triển khai công tác đổi thẻ hướng dẫn viên định kỳ theo hướng dẫn của Tổng cục Du lịch. Đôn đốc một số điểm du lịch đẩy mạnh triển khai công tác cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Tổ chức khảo sát chất lượng và số lượng các cơ sở lưu trú du lịch đánh giá về hiện trạng, số lượng và chất lượng nhà nghỉ, khách sạn đạt tiêu chuẩn trong toàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành các chính sách pháp luật của Nhà nước về du lịch của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch.

Ban hành các văn bản chỉ đạo để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước như: quy định quản lý về du lịch; Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2013 – 2020, Chỉ thị đẩy mạnh phát triển du lịch, Quy định quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp phát triển du lịch Việt Nam trong tình hình mới...

9.3. Công tác thu hút đầu tư

Ủy ban Nhân dân tỉnh và các Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đã thỏa thuận đầu tư 28 dự án trong lĩnh vực du lịch với tổng diện tích khoảng 3.300 ha. Trong đó, nhiều dự án có quy mô lớn như: Khu du lịch và dân cư Sơn Tiên với diện tích 371,2 ha; Khu du lịch và dân cư Bửu Long với diện tích 323,5 ha; Khu du lịch Long Tân với diện tích 330 ha; khu du lịch Long Tân 330 ha. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai, góp phần đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo trong giai đoạn 2015 - 2020.

9.4. Công tác quản lý bảo vệ môi trường du lịch

Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn rà soát và thực hiện các thủ tục lập đề án hoặc cam kết bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và đôn đốc các khách sạn trên địa bàn tỉnh; phối hợp chi nhánh Công ty

du lịch Vietravel Đồng Nai tổ chức phát động chương trình phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai với chủ đề vì môi trường du lịch xanh và sạch. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng Thông điệp của Tổng thư ký Du lịch thế giới nhân ngày du lịch thế giới. Xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường quản lý môi trường du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9.5. Công tác hợp tác phát triển du lịch

Hợp tác liên kết, phát triển du lịch có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp du lịch. Hợp tác liên kết cũng đã nhận được sự quan tâm hợp tác giữa các công ty lữ hành với nhà cung cấp sản phẩm du lịch, hợp tác trên địa bàn tỉnh và liên tỉnh...

Hình thức hợp tác dựa trên tiềm năng và điều kiện của từng doanh nghiệp nhưng chủ yếu là cung cấp dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ăn uống... thông qua các hợp đồng du lịch.

Trong kinh doanh, do năng lực, điều kiện và chất lượng dịch vụ của các công ty du lịch trên địa bàn còn yếu nên sự liên kết và hợp tác phục vụ khách du lịch của các công ty du lịch trên địa bàn Đồng Nai với các đơn vị khác còn thụ động, các hợp đồng được triển khai chưa nhiều và giá trị kinh tế các hợp đồng không lớn, chỉ có liên kết một chiều, chưa có trao đổi lại giữa các công ty du lịch Đồng Nai với các doanh nghiệp tỉnh khác. Chưa có liên kết trọn gói mà chỉ có đơn lẻ từng dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ lưu trú, nhà hàng ăn uống, vận chuyển.

10. Đánh giá các hoạt động du lịch

10.1. Các sản phẩm du lịch chủ yếu

- Du lịch tham quan, vui chơi giải trí.
- Du lịch sinh thái rừng.
- Du lịch mua sắm và dịch vụ ăn uống.
- Du lịch thể thao (sân golf).

Hiện nay, du lịch ở Đồng Nai tham quan, vui chơi giải trí là chủ yếu. Loại hình du lịch sinh thái rừng tập trung chủ yếu ở Vườn quốc gia Cát Tiên. Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai, Thác Mai – Hồ nước nóng chưa phát huy vì các sản phẩm, dịch vụ và hạ tầng phục vụ du lịch còn hạn chế. Riêng dịch vụ ăn uống Đồng Nai phát triển mạnh và doanh thu dịch vụ này chiếm trên 50% tổng doanh thu ngành du lịch.

10.2. Cụm du lịch

Các cụm du lịch chính gồm 4 cụm như sau:

+ Cụm du lịch sông kết hợp các di tích, văn hoá và lịch sử tập trung ở thành phố Biên Hòa.

+ Cụm du lịch sinh thái tự nhiên tập trung ở các huyện: huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu và huyện Thống Nhất.

+ Cụm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng tập trung ở Định Quán giáp ranh với tỉnh Bình Thuận.

+ Cụm du lịch văn hóa hành hương tập trung ở huyện Xuân Lộc và huyện Long Khánh.

10.3. Tuyến du lịch

Các tuyến du lịch của tỉnh gồm 5 tuyến du lịch như sau:

- Tuyến du lịch sông Đồng Nai
- Tuyến Vĩnh Cửu - Thống Nhất - Trảng Bom
- Tuyến Long Thành – Nhơn Trạch
- Tuyến Tân Phú - Định Quán
- Tuyến Xuân Lộc – Long Khánh - Cẩm Mỹ

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2014, các dự án đầu tư du lịch chậm, không triển khai được do tình hình kinh tế trong nước suy thoái. Nên các sản phẩm du lịch, cụm du lịch và các tuyến du lịch này khai thác chưa hiệu quả, cần tiếp tục đầu tư và phát triển các tuyến du lịch trên.

11. Đánh giá chung

a. Những kết quả đã đạt được

- Vai trò, vị trí của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, mức tăng trưởng doanh thu du lịch không ngừng phát triển.

- Ngành du lịch đã được định hình, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước.

- Dịch vụ kinh doanh vận chuyển khách du lịch ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại, tham quan và mua sắm.

- Đang hình thành các sản phẩm du lịch, cụm du lịch và các tuyến du lịch tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức các sự kiện quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh thiên nhiên, con người tỉnh Đồng Nai đến với khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện hơn với những khu du lịch, những tuyến đường du lịch được đầu tư mở rộng và thông suốt.

- Ngành du lịch phát triển góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân tại địa phương.

b. Những bất cập, tồn tại

- Thị trường khách du lịch quốc tế còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của tỉnh.

- Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, nhiều sản phẩm có giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh chưa được khai thác và phát huy đúng mức.

- Chưa có nhiều sản phẩm hỗ trợ du lịch khác như các khu vui chơi - giải trí và dịch vụ hấp dẫn (dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe, mua sắm...) nên thời gian lưu trú của du khách còn ngắn.

- Mức chi tiêu của khách du lịch còn rất thấp.

- Hoạt động du lịch lữ hành phát triển chậm.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch chưa thực sự hấp dẫn du khách.

- Công tác đào tạo đội ngũ phục vụ du lịch chưa mạnh, chưa sâu, chưa theo kịp yêu cầu đa dạng, phong phú của phát triển du lịch.

- Chính sách về khuyến khích đầu tư phát triển du lịch và các văn bản có liên quan đến hoạt động du lịch triển khai thiếu đồng bộ ở các ngành, các cấp và do đó kết quả đạt được chưa cao.

- Sự phối hợp các Sở, ngành liên quan chưa đồng bộ, hiệu quả công tác xúc tiến du lịch chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ ngành du lịch còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong quá trình hội nhập. Tầm nhìn chiến lược về phát triển du lịch còn hạn chế.

II. Đánh giá công tác lập quy hoạch và thực hiện Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

1. Công tác lập quy hoạch du lịch

Đến năm 2014, một số quy hoạch phát triển du lịch đã được thực hiện và phê duyệt bao gồm: Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; các quy hoạch chi tiết được phê duyệt là: Khu du lịch và đô thị Sơn Tiên, Khu du lịch và Dân cư Bửu Long, Điểm du lịch sinh thái tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch,...

Nhìn chung, những nội dung và kết quả nghiên cứu quy hoạch đã góp phần vào việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, là cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý xây dựng các kế hoạch phát triển du lịch.

2. Đánh giá công tác thực hiện quy hoạch

Công tác triển khai thực hiện, quản lý quy hoạch du lịch còn chậm và yếu, những biện pháp đảm bảo triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể chưa đồng bộ. Sau 5 năm thực hiện Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế như đã đề cập ở trên; quy hoạch chi tiết chưa triển khai đúng tiến độ. Do đó, ngành du lịch tỉnh Đồng Nai phát triển chậm, chưa có những sản phẩm độc đáo. Mặt khác do kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng quy hoạch chi tiết các khu du lịch còn hạn chế; sự phối hợp giữa các Sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương trong xây dựng quy hoạch còn nhiều bất cập và năng lực triển khai của một số chủ đầu tư yếu dẫn đến chậm tiến độ triển khai các quy hoạch.

2.1. Những kết quả đã đạt được

- Trong những năm qua, tổng số lượt khách du lịch đến tỉnh tăng khá cao, từ 552 nghìn lượt người năm 2005 lên 2.110 nghìn lượt năm 2010 và 2.830 nghìn lượt năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm là 19,9%/năm trong giai đoạn 2006 – 2014, vượt so với Quy hoạch đến năm 2010 là 18,5%/năm.

- Doanh thu du lịch bao gồm các khoản thu từ lưu trú, ăn uống, vận chuyển du lịch, lệ phí tham quan, vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm.... Tổng doanh thu tăng từ 821 tỷ đồng năm 2005 lên 4.294,3 tỷ đồng năm 2010 và 9.302,2 tỷ đồng năm 2014. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 31,0% trong giai đoạn 2006-2014, vượt so với Quy hoạch đến năm 2010 là 14,5%/năm.

- Tỉnh đã chú trọng công tác quy hoạch phát triển du lịch và có sự chọn lọc trong chấp thuận các dự án để sử dụng nguồn tài nguyên du lịch khai thác hiệu quả.

- Phát triển mạnh du lịch đã có các dự án du lịch, giải trí quy mô lớn.

- Đã hình thành cơ bản các điểm, cụm, tuyến du lịch tỉnh Đồng Nai.

- Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện hơn, tạo điều kiện cho phát triển du lịch trong thời gian qua.

2.2. Những mặt tồn tại

- Những biện pháp triển khai thực hiện quy hoạch chưa đồng bộ. Việc xây dựng các công trình hạ tầng trong khu quy hoạch còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu đầu tư.

- Trước đây giai đoạn sơ khai phát triển du lịch, nhằm trải thảm kêu gọi đầu tư nên các dự án có quy mô nhỏ. Hiện nay có một số dự án du lịch lớn nhưng triển khai rất chậm.

- Việc thuê đất, đền bù, giao đất, lập hồ sơ thủ tục để xây dựng chưa được giải quyết triệt để.

- Công tác quy hoạch chi tiết về du lịch chưa kịp thời, chất lượng chưa cao, công tác quản lý, thực hiện quy hoạch chưa chặt chẽ.

- Một số nhà đầu tư không có năng lực đầu tư các dự án, gây lãng phí đất.

- Các sản phẩm du lịch còn đơn điệu, các cụm và tuyến du lịch chưa hình thành rõ ràng vì các dự án triển khai chậm hoặc không triển khai do tình hình kinh tế suy thoái.

- Khách du lịch chủ yếu là khách trong nước, đến tham quan du lịch trong ngày, thời gian lưu trú ngắn và mức chi tiêu thấp.

III. Đánh giá tổng quan phân tích SWOT

1. Các tiềm năng và nguồn lực phát triển

- Đồng Nai có vị trí chiến lược về giao lưu kinh tế, thương mại và quốc phòng - an ninh ở vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Điều kiện vị trí thuận lợi giao thương với trong nước và quốc tế bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không (khi sân bay Long Thành đi vào hoạt động).

- Nằm gần kề thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm lan tỏa đô thị, công nghiệp và dịch vụ của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Tiếp giáp với Bà Rịa- Vũng Tàu, trung tâm du lịch biển của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và có khu khai thác dầu khí trên biển.

- Tỉnh có nhiều tiềm năng, tài nguyên tự nhiên phong phú, đa dạng cho phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch lịch sử văn hóa và tôn giáo là thế mạnh nổi trội.

- Nguồn nguyên liệu nông nghiệp, lâm nghiệp, nguồn thủy hải sản dồi dào phục vụ phát triển du lịch.

- Tỉnh đã có nhiều giải pháp, chính sách tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Nguồn nhân lực trẻ, có khả năng đào tạo phát triển trình độ chuyên môn cao.

2. Những tồn tại và bất cập trong quá trình phát triển du lịch

- Chưa phát huy vai trò, vị thế của ngành du lịch tỉnh Đồng Nai trong mối liên kết phát triển du lịch với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Du lịch đường sông, du lịch rừng chưa được khai thác đúng mức, chưa có đường hàng không đón tàu du lịch, chưa được đầu tư nhiều về cơ sở hạ tầng, không bảo đảm đủ tiêu chuẩn đón khách quốc tế.

- Chưa có bước phát triển đột phá để khẳng định thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển nhưng quy mô còn nhỏ và chưa bền vững.

- Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, hiệu quả kinh tế còn thấp.

- Khai thác quỹ đất phát triển du lịch chưa hiệu quả, triển khai thực hiện các dự án phát triển du lịch còn chậm.

- Thiếu vắng không gian đi bộ, trung tâm giải trí, trung tâm mua sắm.

- Các sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú, thiếu tính liên kết giữa các địa phương, đơn điệu và trùng lặp, phổ biến vẫn chỉ là các loại hình tham quan, ăn uống và nghỉ dưỡng; thiếu những sản phẩm du lịch và dịch vụ cao cấp, độc đáo, có chất lượng và uy tín trên thị trường.

- Chưa có các khu du lịch tổng hợp tầm cỡ, có thể so sánh với một số khu du lịch nổi tiếng ở trong nước.

- Cơ sở lưu trú còn ít và chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Các điểm di tích lịch sử, văn hóa có giá trị, đặc trưng của địa phương chưa được khai thác, tôn tạo và phát huy; dịch vụ phục vụ phát triển du lịch.

- Thiếu sản phẩm du lịch hấp dẫn, trình độ quản lý yếu là một trong những nguyên nhân cơ bản hạn chế khả năng chi tiêu và kéo dài ngày lưu trú của du khách

- Các mặt hàng lưu niệm của địa phương chưa được định hình rõ, chưa có đặc trưng riêng.

- Các dịch vụ phục vụ du lịch như dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe, vận tải, mua sắm chậm phát triển và chất lượng không cao.

- Nhận thức của xã hội về du lịch chưa tốt; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ; lượng khách thu hút chưa tương xứng với tiềm năng; chưa

có bước phát triển đột phá để khẳng định du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Lực lượng làm du lịch còn yếu và thiếu, ít công ty lữ hành của địa phương có khả năng và thực lực.

- Vai trò quản lý của các cơ quan Nhà nước về du lịch chưa đồng bộ.

- Giải quyết việc lựa chọn giữa phát triển du lịch với bảo vệ môi trường sinh thái và môi trường xã hội còn những vấn đề chưa hợp lý.

3. Cơ hội

- Khai thác vị trí địa lý nằm trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, thu hút đầu tư du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Hình thành trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử, giải trí dịch vụ cao cấp, đa năng, quy mô lớn tầm Quốc gia và quốc tế.

- Liên kết phát triển “Tam giác du lịch” Đồng Nai – Bình Dương - thành phố Hồ Chí Minh” vào chương trình quốc gia giai đoạn từ năm 2012-2017.

- Liên kết với các đơn vị du lịch trong nước và quốc tế để mở rộng phạm vi kinh doanh du lịch.

- Cơ hội thu hút du khách và các nguồn đầu tư phát triển du lịch.

- Xây dựng thương hiệu mạnh cho ngành du lịch Đồng Nai ra thị trường trong nước và quốc tế.

4. Thách thức

- Hội nhập trong xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các trung tâm du lịch trong nước và du lịch các nước chung quanh.

- Mâu thuẫn giữa khai thác các nguồn tài nguyên để phát triển du lịch với bảo vệ môi trường.

- Sự thay đổi khí hậu dẫn đến nước biển dâng ảnh hưởng đến các dự án du lịch ven sông.

- Quá trình mở cửa, hội nhập du lịch cũng có thể gây ảnh hưởng và làm phức tạp hóa một số vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Phần 3

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. Quan điểm phát triển

1. Phát triển du lịch phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đưa ngành du lịch tỉnh Đồng Nai trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần chuyển đổi căn bản cơ cấu kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội của tỉnh.

2. Khai thác hiệu quả, bền vững các tiềm năng du lịch. Đặc biệt chú trọng đến những lợi thế về vị trí địa lý, các tiềm năng phát triển du lịch và các lợi thế so sánh khác.

3. Phát triển du lịch bền vững gắn liền với phát triển thương mại và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo hài hòa giữa khai thác phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn.

4. Định hướng đến năm 2020, sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và có thể cạnh tranh với các tỉnh khác trong khu vực.

5. Đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ du lịch. Nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của địa phương, có tính hấp dẫn và cạnh tranh cao, hướng đến đối tượng khách có chi trả cao và phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của thị trường trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư, đáp ứng nhu cầu xã hội.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn vốn trong nước và tranh thủ nguồn đầu tư nước ngoài cho phát triển du lịch; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về yếu tố tự nhiên và văn hóa dân tộc, thế mạnh đặc trưng của tỉnh; Tăng cường liên kết, xúc tiến du lịch, mở rộng hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, trong đó chú trọng liên kết với các địa phương trong khu vực để phát triển du lịch.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở và chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để đáp ứng yêu cầu phát triển.

II. Mục tiêu phát triển du lịch

1. Mục tiêu về thị trường khách du lịch

1.1. Thị trường khách quốc tế

Xu hướng hiện nay, dòng khách du lịch có khả năng chi trả cao đến Việt Nam tăng nhanh. Đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO, tổ chức thành công các sự kiện mang tầm khu vực và quốc tế, có các chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch quy mô lớn nên chắc chắn lượng khách quốc tế trong thời gian tới sẽ tăng cao.

Thị trường khách du lịch đến Đồng Nai: Xác định thị trường mục tiêu với phân đoạn thị trường theo mục đích du lịch và khả năng thanh toán; ưu tiên thu hút khách du lịch có khả năng chi trả cao, lưu trú dài ngày.

Phát triển thị trường khách quốc tế đến tỉnh Đồng Nai là các nhà đầu nước ngoài, các chuyên gia nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, khách quốc tế tham dự hội nghị, các sinh viên, nhà nghiên cứu sinh học nước ngoài tại Vườn Quốc gia Cát Tiên.

Dự báo tốc độ tăng khách quốc tế bình quân hàng năm tăng từ 11,0%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,5%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 12,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,5%/năm giai đoạn 2026-2030.

1.2. Thị trường khách nội địa

Phát triển và giữ vững thị trường du lịch nội địa, khai thác tối đa thị trường khách du lịch trong tỉnh, các chuyên gia nước ngoài, công nhân từ các khu công nghiệp, khách du lịch từ thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông Nam bộ, vùng Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long.

Dự báo tốc độ tăng khách nội địa bình quân hàng năm tăng từ 10,5%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,0%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 11,5%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,0%/năm giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu về sản phẩm du lịch

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch gắn với không ngừng nâng cao chất lượng các loại dịch vụ phục vụ trên cơ sở đi sâu khai thác và phát huy tối đa các lợi thế so sánh về du lịch sinh thái rừng, sông; những giá trị văn hóa, các di tích lịch sử, những nét đặc trưng riêng có của tỉnh Đồng Nai để thu hút khách du lịch quốc tế và trong nước, từng bước mở rộng thị trường .

- Tạo sản phẩm du lịch độc đáo, đặc trưng để thu hút khách quốc tế và nội địa. Dựa vào lợi thế của tài nguyên du lịch, loại hình du lịch văn hóa, lễ hội – sự kiện, nghỉ dưỡng cao cấp, thể thao, sinh thái rừng – sông – suối – thác, du lịch thương mại – hội nghị là thế mạnh của tỉnh.

- Tạo sản phẩm du lịch chuyên đề: tham quan các di tích văn hóa lịch sử, làng nghề, lễ hội – sự kiện, tìm hiểu nền văn hóa các dân tộc ít người, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái; du lịch nghiên cứu khoa học; điều dưỡng chữa bệnh,... nội dung phong phú kéo dài ngày lưu trú của khách và tăng cơ cấu chi tiêu, doanh thu du lịch, đồng thời tạo sự hấp dẫn để thu hút du khách quay trở lại với du lịch Đồng Nai.

- Chiến lược đa dạng hóa các sản phẩm Du lịch: Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu của thị trường du lịch trong nước và quốc tế, từng điểm du lịch phải có sản phẩm lưu niệm du lịch đặc thù, kết hợp với các tỉnh bạn để nối tour du lịch tạo khả năng tiêu thụ các sản phẩm du lịch

- Bên cạnh phát triển các dịch vụ cao cấp, cần đi sâu nghiên cứu tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của du khách cả về ăn uống, vui chơi, mua sắm hướng đến phục vụ cho số đông du khách.

3. Mục tiêu hạ tầng phục vụ du lịch

Việc đầu tư phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cần đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- Đầu tư xây dựng để có được hệ thống cơ sở vật chất du lịch tương đối đồng bộ, có chất lượng, bao gồm: các cơ sở dịch vụ phục vụ hoạt động thương mại - du lịch, triển lãm, hội nghị - hội thảo, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở vui chơi giải trí - thể thao, phương tiện vận chuyển khách du lịch và các cơ sở dịch vụ du lịch khác. Hệ thống này sẽ có đủ điều kiện phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch đến Đồng Nai.

- Đầu tư để đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch hiện có và phát triển các sản phẩm mới, các sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn có sức cạnh tranh cao của du lịch Đồng Nai.

- Đầu tư để khai thác, đồng thời phải bảo vệ, tôn tạo và phát triển nguồn tài nguyên; cải thiện môi trường du lịch nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

4. Mục tiêu về đầu tư du lịch

- Hình thành các tổ hợp du lịch - thể thao hoặc các dự án gắn với du lịch sinh thái và các dịch vụ thể thao.

- Trung tâm giải trí, mua sắm lớn, dịch vụ giải trí về đêm phục vụ du lịch.

- Đầu tư xây dựng mới Nhà hát tỉnh Đồng Nai có quy mô lớn và hiện đại để biểu diễn các chương trình nghệ thuật đặc sắc.

- Trung tâm nghỉ dưỡng cao cấp, tổ chức hội nghị, sự kiện là loại hình du lịch có khả năng tạo doanh thu lớn.

- Tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử, khôi phục bảo tồn và phát triển các lễ hội truyền thống.

- Đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch.

- Bảo vệ và làm tăng giá trị môi trường sinh thái cho các khu, điểm du lịch.

5. Mục tiêu về bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch

- Tài nguyên du lịch phải được bảo vệ, tôn tạo và khai thác hợp lý. Đồng thời, đầu tư phục vụ phát triển du lịch, bảo đảm tính khoa học, dung hòa mục tiêu bảo tồn với nhu cầu phát triển.

- Triển khai thực hiện các chương trình bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các vùng bảo tồn thiên nhiên; thực hiện lồng ghép mục tiêu bảo tồn với việc khai thác phát triển du lịch.

- Xây dựng chính sách cụ thể để thu hút các thành phần trong xã hội tham gia vào bảo tồn đa dạng sinh học khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên, thác Mai, thác Hòa Bình, suối Mơ, núi Chứa Chan, hồ Đa Tôn, hồ Sông Mây. Xây dựng các chương trình cụ thể để nâng cao nhận thức về bảo vệ đa dạng sinh học cho cộng đồng cũng như các ngành, các cấp.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có, trồng rừng và gia tăng độ che phủ rừng. Thiết lập vành đai cây xanh xung quanh các hồ thủy lợi nhằm bảo vệ nguồn cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho tỉnh.

- Tôn tạo và nâng cấp các di tích văn hóa lịch sử, danh thắng, công trình tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát triển các lễ hội, văn hóa nghệ thuật truyền thống, là tài nguyên nhân văn độc đáo để phát triển du lịch.

6. Mục tiêu về công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch

- Tập trung tuyên truyền về các cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính nhằm tiếp tục thu hút mạnh mẽ các dự án đầu tư phát triển du lịch với hướng ưu tiên các dự án có quy mô lớn, chất lượng cao.

- Quảng bá lấy sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch làm nội dung trọng tâm hướng tới thị trường mục tiêu. Đầu tư ứng dụng công nghệ cao, khai thác tối ưu công nghệ thông tin, truyền thông, phối hợp với các đối tác quốc tế.

- Tăng cường đầu tư xúc tiến quảng bá du lịch, nhất là tích cực tham gia các hội thảo, hội chợ quảng bá sản phẩm du lịch Đồng Nai cả trong và ngoài nước.

- Phát triển thương hiệu, tạo dựng được thương hiệu du lịch Đồng Nai và một số thương hiệu du lịch nổi bật được biết đến rộng rãi trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng hệ thống bài bản các thương hiệu: Du lịch Đồng Nai, thương hiệu du lịch vùng, điểm đến, thương hiệu sản phẩm du lịch, thương hiệu doanh nghiệp du lịch, các địa danh nổi tiếng,

- Xây dựng hoặc tham gia xây dựng và sản xuất các ấn phẩm, vật phẩm để tuyên truyền, quảng bá về du lịch.

III. Bối cảnh phát triển du lịch và các dự báo

1. Bối cảnh phát triển du lịch

1.1. Bối cảnh du lịch quốc tế

- Sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế du lịch các nước trên thế giới. Nên xu thế phổ biến của du lịch thế giới sẽ là ưu tiên lựa chọn những điểm đến có chi phí du lịch thấp.

- Ngành du lịch trên thế giới hàng năm có tới 800 triệu người đi du lịch. Doanh thu du lịch thế giới khoảng hơn 1 nghìn tỷ USD. Du lịch hiện đang trở thành ngành kinh tế quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu.

- Tổ chức du lịch thế giới của Liên hợp quốc (UNWTO) vừa công bố dự báo “Tầm nhìn du lịch 2020” trong đó xác định du lịch thế giới sẽ liên tục tăng trưởng và đến năm 2020 sẽ đạt 1,6 tỷ lượt khách quốc tế. Các khu vực thu hút khách du lịch quốc tế lớn nhất vào năm 2020 sẽ là châu Âu (chiếm 45,9% thị trường du lịch toàn cầu), Đông Á và Thái Bình Dương (chiếm 25,4%), châu Mỹ (chiếm 18,1%). Tiếp sau là châu Phi (5%), Trung Đông (4,4%) và Nam Á (1,2%).

- Tỷ lệ phần trăm du lịch nội bộ khu vực trong hoạt động du lịch quốc tế của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sẽ tiếp tục tăng trưởng, chiếm 75,2% vào năm 2010 và 77,7% vào năm 2020.

- Xu hướng du lịch sinh thái sẽ tiếp tục phát triển với việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và văn hóa, khám phá các miền đất mới lạ. Mở ra thời đại du lịch vũ trụ, phổ biến các sản phẩm chuyên đề kết hợp 3E (Entertainment, Excitement, Education). Một số loại hình tour có nhiều triển vọng: tour văn hóa – sự kiện, giải trí cao cấp, sinh thái, thể thao mạo hiểm, tour đường thủy, thương mại hội nghị – hội thảo (MICE),

1.2. Bối cảnh du lịch quốc gia

- Phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phát triển du lịch theo hướng đa dạng và độc đáo.

- Theo dự báo của Tổng cục du lịch Việt Nam, năm 2020 là 11-12 triệu khách quốc tế; 45-48 triệu khách nội địa. Doanh thu từ du lịch sẽ đạt 18-19 tỷ USD năm 2020.

- Mục tiêu của chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam đến năm 2020 là du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, thân thiện với môi trường, ... đưa Việt Nam trở thành điểm đến đẳng cấp trong khu vực. Năm 2030, đưa Việt Nam thành một trong những điểm đến du lịch ưa chuộng, có đẳng cấp trên thế giới.

- Tập trung xây dựng hệ thống sản phẩm, loại hình du lịch đặc trưng và chất lượng cao trên cơ sở phát huy giá trị tài nguyên du lịch độc đáo, đặc sắc, có thể mạnh nổi trội. Đó là phát triển mạnh du lịch sinh thái với hệ thống sản phẩm cạnh tranh khu vực về nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh; Phát triển du lịch văn hoá gắn với di sản, lễ hội, tham quan và tìm hiểu văn hoá, lối sống địa phương... Đẩy mạnh phát triển du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, khám phá hang động, du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển thương hiệu, mục tiêu tạo dựng được thương hiệu du lịch Việt Nam và một số thương hiệu du lịch nổi bật được biết đến rộng rãi trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

1.3. Bối cảnh du lịch vùng thành phố Hồ Chí Minh

- Vùng thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm du lịch lớn tầm cỡ quốc tế và quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch của quốc gia.

- Dự báo đến năm 2020 đón khoảng 22 triệu lượt khách/năm trong đó 5,5 triệu khách quốc tế/năm.

- Đa dạng sản phẩm du lịch trên cơ sở tiềm năng nổi trội và từng địa phương trong vùng liên kết không gian du lịch và sản phẩm du lịch thống nhất trong toàn vùng.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch cao cấp, đặc biệt là khách sạn cao cấp.

- Hợp tác kết nối tour du lịch trên thế giới và các vùng trong cả nước.

1.4. Bối cảnh du lịch vùng Đông Nam bộ

- Tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ với tốc độ nhanh và chất lượng cao. Xây dựng vùng Đông Nam bộ trở thành trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và phát triển trở thành vùng trọng điểm du lịch của cả nước với những sản phẩm du lịch đặc sắc, có tính cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế.

- Định hướng không gian phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm dịch vụ tổng hợp lớn mang tầm cơ quốc gia và quốc tế.

- Phân đầu đến năm 2015 đón được 15 triệu lượt khách, trong đó có 4 triệu lượt khách quốc tế; đến năm 2020 đón được 18 triệu lượt khách, trong đó có 5 triệu lượt khách quốc tế; tổng doanh thu từ khách du lịch năm 2015 là 3 tỷ USD và năm 2020 là 5 tỷ USD.

1.5. Bối cảnh du lịch vùng Tây Nguyên

Là vùng trung chuyển kết nối du lịch vùng Nam Trung bộ với Lào, Campuchia và Thái Lan.

Liên kết phát triển du lịch rừng vùng Tây Nguyên đặc trưng với du lịch tham quan, nghỉ dưỡng vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Là vùng có vai trò bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và đa dạng sinh học của quốc gia và khu vực; vùng đệm an toàn sinh thái cho miền Nam. Phát triển du lịch Tây Nguyên theo hướng sinh thái và văn hoá.

Là vùng lưu giữ các giá trị văn hóa dân tộc bản địa và là vùng trung tâm du lịch lớn của cả khu vực ASEAN.

Khai thác và phát huy hiệu quả kinh tế cửa khẩu ở các khu kinh tế cửa khẩu phát triển thương mại, dịch vụ du lịch.

2. Các dự báo phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

2.1. Cơ sở tính toán dự báo

Dự báo mức độ tăng trưởng của ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 dựa trên những căn cứ cụ thể sau :

- Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chương trình hành động của ngành du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiềm năng du lịch của tỉnh và vùng phụ cận: vùng Đông Nam bộ, vùng Tây Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh.

- Hiện trạng tăng trưởng của dòng khách du lịch quốc tế và nội địa đến tỉnh Đồng Nai và khu vực phía Nam, xu thế phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất ngành du lịch. Xu hướng của dòng khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng, Việt Nam hội nhập với cộng đồng quốc tế.

- Tỉnh Đồng Nai là điểm du lịch sinh thái, đến năm 2030 là một điểm đến hấp dẫn tầm quốc gia và quốc tế. Vùng phát triển có bản sắc văn hóa truyền thống, có chất lượng cuộc sống tốt hài hòa thân thiện với môi trường.

- Các dự án đầu tư du lịch và các ngành liên quan đến hoạt động du lịch của tỉnh và vùng phụ cận đã được cấp phép và trong kế hoạch kêu gọi vốn đầu tư.

Dự báo mức độ tăng trưởng của ngành du lịch của tỉnh tính theo 3 phương án:

Phương án 1: Phương án này được tính toán dựa trên tốc độ phát triển như hiện nay của ngành du lịch tỉnh Đồng Nai và cũng phù hợp với phương án tăng trưởng thấp trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Khả năng đạt được của phương này ngay cả khi không có tác động lớn trong lĩnh vực đầu tư, chưa khai thác tốt các tiềm năng du lịch. Tuy nhiên, phương án này chưa phù hợp với định hướng phát triển du lịch của tỉnh, cũng như với định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chính vì vậy phương án này được đưa ra để làm phương án so sánh và tham khảo.

Phương án 2 (Phương án phát triển khá- Phương án chọn): Được tính toán với tốc độ tăng trưởng cao hơn hiện nay và phù hợp với định hướng phát triển du lịch khu vực thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh trong vùng Đông Nam bộ và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020. Phương án này phù hợp với xu thế phát triển chung và đáp ứng được hai yêu cầu lớn trên nên được chọn làm phương án chủ đạo để tính toán.

Để thực hiện, phương án này cần phải có sự đầu tư tương đối đồng bộ vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, các khu vui chơi - giải trí - thể thao, các cơ sở đào tạo nghiệp vụ du lịch v.v...

Phương án 3 (Phương án phát triển cao): Được tính toán với tốc độ phát triển cao hơn phương án 2 và phù hợp với phương án cao của Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phương án này có nhiều khả năng đạt được trong điều kiện thuận lợi của

mối quan hệ quốc tế và khả năng đảm bảo cho việc đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, đặc biệt đầu tư vào những khu du lịch lớn trong tỉnh, thực hiện tốt các chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai hiệu quả, sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, dịch vụ du lịch chuyên nghiệp.

Lựa chọn phương án: Phương án 1 có tốc độ phát triển chậm, tình hình đầu tư không thuận lợi. Phương án 2 có tốc độ tăng trưởng khá, vừa đầu tư vừa khai thác đạt hiệu quả kinh tế. Phương án 3 có tốc độ tăng trưởng cao, phát huy sức hấp dẫn của thương hiệu du lịch tỉnh Đồng Nai, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất ngành du lịch đồng bộ.

Lựa chọn Phương án 2 là phương án có tính khả thi cao và được tính toán các chỉ tiêu cụ thể về phát triển du lịch trong thời kỳ quy hoạch.

2.2. Các dự báo phát triển du lịch

a. Khách du lịch

- **Phương án 1:** Tốc độ tăng khách quốc tế bình quân hàng năm tăng từ 10,5%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,0%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 11,5%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,0%/năm giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng khách nội địa bình quân hàng năm tăng từ 10,0%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 10,5%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 11,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và 11,5%/năm giai đoạn 2026-2030.

- **Phương án 2 (Phương án chọn):** Tốc độ tăng khách quốc tế bình quân hàng năm tăng từ 11,0%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,5%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 12,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,5%/năm giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng khách nội địa bình quân hàng năm tăng từ 10,5%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,0%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 11,5%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,0%/năm giai đoạn 2026-2030.

- **Phương án 3:** Tốc độ tăng khách quốc tế bình quân hàng năm tăng từ 11,5%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 12,0%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 12,5%/năm giai đoạn 2021-2025 và 13,0%/năm giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng khách nội địa bình quân hàng năm tăng từ 11,0%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,5%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 12,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,5%/năm giai đoạn 2026-2030.

b. Ngày lưu trú trung bình

Đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Dự báo ngày lưu trú trung bình đối với khách quốc tế là 3,0- 4,4 ngày, khách nội địa là 1,1- 2,4 ngày.

Phương án 2 (Phương án chọn):

- Tổng số lượt khách lưu trú tăng từ 2.110 nghìn lượt năm 2010 lên 3.478 nghìn lượt năm 2015 lên 5.863 nghìn lượt năm 2020, lên 10.108 nghìn lượt năm 2025 và 17.822 nghìn lượt năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 10,5%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 11,0%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 11,5%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 12%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030. Trong đó:

+ Tổng số lượt khách quốc tế lưu trú tăng từ 28 nghìn lượt năm 2010 lên 48 nghìn lượt năm 2015, lên 84 nghìn lượt năm 2020, lên 151 nghìn lượt năm 2025 và 277 nghìn lượt năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 11,3%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 11,8%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 12,5%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 13,0%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030.

+ Tổng số lượt khách trong nước lưu trú tăng từ 958 nghìn lượt năm 2010 lên 1.600 nghìn lượt năm 2015, lên 2.732 nghìn lượt năm 2020, lên 4.773 nghìn lượt năm 2025 và 8.524 nghìn lượt năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 10,8%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 11,3%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 11,8%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 12,3%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030.

- Tổng số ngày khách lưu trú tăng từ 1.053 nghìn ngày năm 2010 lên 2.233 nghìn ngày năm 2015 lên 4.391 nghìn ngày năm 2020, lên 9.163 nghìn ngày năm 2025 và 18.157 nghìn ngày năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 16,2%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 14,5%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 15,8%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 14,7%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030. Trong đó:

+ Tổng số ngày khách quốc tế lưu trú tăng từ 120 nghìn ngày năm 2010 lên 153 nghìn ngày năm 2015 lên 292 nghìn ngày năm 2020, lên 572 nghìn ngày năm 2025 và 1.109 nghìn ngày năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 5,0%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 13,8%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 14,4%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 14,2%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030.

+ Tổng số ngày khách trong nước lưu trú tăng từ 1.054 nghìn ngày năm 2010 lên 2.080 nghìn ngày năm 2015 lên 4.099 nghìn ngày năm 2020, lên 8.591

nghìn ngày năm 2025 và 17.048 nghìn ngày năm 2030. Tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 14,6%/năm trong giai đoạn 2011 – 2015, lên 14,5%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, lên 16,0%/năm trong giai đoạn 2021 – 2025 và 14,7%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030.

Bảng 10: Dự báo khách du lịch đến tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Tốc độ bq gđ 2011-2015	Tốc độ bq gđ 2016-2020	Tốc độ bq gđ 2021-2025	Tốc độ bq gđ 2026-2030
Phương án 1 (Thấp)										
1. Khách quốc tế										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	40	66	111	191	337	10,5	11,0	11,5	12,0
Trong đó, số lượt khách lưu trú	1000 ngày.khách	28	47	81	142	256	10,8	11,5	12,0	12,5
Ngày lưu trú trung bình	ngày	3,0	3,0	3,3	3,5	3,8				
Tổng số ngày lưu trú	1000 ngày.khách	84	140	266	497	972	10,8	13,6	13,3	14,4
2. Khách nội địa										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	2.070	3.334	5.492	9.255	15.949	10,0	10,5	11,0	11,5
Trong đó, số lượt khách lưu trú	1000 ngày.khách	958	1.564	2.612	4.461	7.792	10,3	10,8	11,3	11,8
Ngày lưu trú trung bình	ngày	1,1	1,2	1,4	1,6	1,8				
Tổng số ngày lưu trú	1000 ngày.khách	1.054	1.877	3.657	7.137	14.025	12,2	14,3	14,3	14,5
3. Tổng số lượt khách đến	1000 ngày.khách	2.110	3.400	5.603	9.446	16.286	10,0	10,5	11,0	11,5
4. Tổng số ngày khách lưu trú	1000 ngày.khách	1.138	2.017	3.922	7.634	14.997	12,1	14,2	14,2	14,5
Phương án 2 (Chọn)										
1. Khách quốc tế										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	40	67	116	205	369	11,0	11,5	12,0	12,5
Trong đó, số lượt khách lưu trú	1000 ngày.khách	28	48	84	151	277	11,3	11,8	12,5	13,0
Ngày lưu trú trung bình	ngày	3,0	3,2	3,5	3,8	4,0				
Tổng số ngày lưu trú	1000 ngày.khách	84	153	292	572	1.109	12,7	13,8	14,4	14,2
2. Khách nội địa										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	2.070	3.410	5.746	9.903	17.453	10,5	11,0	11,5	12,0
Trong đó, số lượt khách lưu trú	1000 ngày.khách	958	1.600	2.732	4.773	8.524	10,8	11,3	11,8	12,3
Ngày lưu trú trung bình	ngày	1,1	1,3	1,5	1,8	2,0				
Tổng số ngày lưu trú	1000 ngày.khách	1.054	2.080	4.099	8.591	17.048	14,6	14,5	16,0	14,7
3. Tổng số lượt khách đến	1000 ngày.khách	2.110	3.478	5.863	10.108	17.822	10,5	11,0	11,5	12,0
4. Tổng số ngày khách lưu trú	1000 ngày.khách	1.138	2.233	4.391	9.163	18.157	14,4	14,5	15,8	14,7
Phương án 3 (Cao)										
1. Khách quốc tế										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	40	69	121	219	403	11,5	12,0	12,5	13,0
Trong đó, số lượt khách lưu trú	1000 ngày.khách	28	49	87	160	300	11,8	12,3	12,8	13,5
Ngày lưu trú trung bình	Ngày	3,0	3,4	3,8	4,2	4,4				
Tổng số ngày lưu trú	1000 ngày.khách	84	166	332	670	1.322	14,6	14,8	15,1	14,6
2. Khách nội địa										
Tổng số lượt khách	1000 ngày.khách	2.070	3.488	6.011	10.594	19.090	11,0	11,5	12,0	12,5

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Tốc độ bq gđ 2011-2015	Tốc độ bq gđ 2016-2020	Tốc độ bq gđ 2021-2025	Tốc độ bq gđ 2026-2030
Trong đó, số lượt khách lưu trú	$\frac{1000}{\text{ngày.khách}}$	958	1.636	2.858	5.196	9.489	11,3	11,8	12,7	12,8
Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,1	1,5	1,8	2,2	2,4				
Tổng số ngày lưu trú	$\frac{1000}{\text{ngày.khách}}$	1.054	2.454	5.144	11.431	22.773	18,4	16,0	17,3	14,8
3. Tổng số lượt khách đến	$\frac{1000}{\text{ngày.khách}}$	2.110	3.557	6.133	10.813	19.494	11,0	11,5	12,0	12,5
4. Tổng số ngày khách lưu trú	$\frac{1000}{\text{ngày.khách}}$	1.138	2.621	5.476	12.101	24.095	18,2	15,9	17,2	14,8

c. Nhu cầu phòng lưu trú

Số giường trung bình trong một phòng hiện nay của hệ thống khách sạn, nhà nghỉ khoảng 1,5–1,8 đối với khách quốc tế và 1,8–3,0 đối với khách nội địa. Theo xu hướng hiện nay, ngoài các phòng đơn, phòng đôi, cần có thêm các căn hộ dành cho gia đình, tập thể. Bên cạnh đó, du khách chuộng loại hình du lịch cộng đồng, thích cùng sinh hoạt với người dân địa phương. Như vậy trong thời gian tới, số phòng không tăng nhanh mà cần nâng cao chất lượng phòng, phát triển các dịch vụ chất lượng cao.

Số lượng phòng lưu trú được tính theo công thức:

$$\text{Số phòng} = \frac{\text{Số lượt khách} \times \text{số ngày lưu trú}}{(365 \text{ ngày} \times (\text{Công suất sử dụng} \times (\text{Số giường trung bình trong năm}) \times (\text{Số giường trung bình trong một phòng}))}$$

Trong đó :

- Công suất sử dụng phòng trung bình tăng từ 60% năm 2015 lên 65% năm 2020, lên 68% năm 2025 và 70% năm 2030.

- Khuyến khích xây dựng các khách sạn đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao, chất lượng dịch vụ du lịch chuyên nghiệp, tránh đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, trang thiết bị yếu kém. Dự kiến số phòng đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao cao hơn tổng số phòng khách du lịch quốc tế lưu trú cộng với khoảng 5% tổng số phòng khách du lịch trong nước lưu trú theo từng giai đoạn.

Phương án 2 (Phương án chọn): Tổng số nhu cầu phòng lưu trú tăng từ 6.531 phòng năm 2015 lên 16.890 phòng năm 2020 lên 41.822 phòng năm 2025 và 101.915 phòng năm 2030. Trong đó, nhu cầu phòng lưu trú đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao tăng từ 685 phòng năm 2015 lên 1.636 phòng năm 2020 lên 3.812 phòng năm 2025 và 8.734 phòng năm 2030. Gồm có:

- Tổng số nhu cầu phòng lưu trú khách quốc tế tăng từ 377 phòng năm 2015 lên 833 phòng năm 2020 lên 1.812 phòng năm 2025 và 3.829 phòng năm 2030.

- Tổng số nhu cầu phòng lưu trú khách trong nước tăng từ 6.531 phòng năm 2015 lên 16.890 phòng năm 2020 lên 41.822 phòng năm 2025 và 101.915 phòng năm 2030.

Bảng 11: Dự báo nhu cầu phòng lưu trú của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Phương án	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Phương án 1 – Thấp	Nhu cầu phòng cho khách quốc tế	Phòng	346	758	1.574	3.357
	Nhu cầu phòng cho khách nội địa	Phòng	5.553	14.326	33.243	80.691
	Tổng nhu cầu phòng cho khách	Phòng	5.899	15.083	34.817	84.048
	Trong đó phòng đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao	Phòng	624	1.474	3.236	7.392
Phương án 2 – Chọn	Nhu cầu phòng cho khách quốc tế	Phòng	377	833	1.812	3.829
	Nhu cầu phòng cho khách nội địa	Phòng	6.154	16.057	40.011	98.085
	Tổng nhu cầu phòng cho khách	Phòng	6.531	16.890	41.822	101.915
	Trong đó phòng đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao	Phòng	685	1.636	3.812	8.734
Phương án 3 – Cao	Nhu cầu phòng cho khách quốc tế	Phòng	410	946	2.122	4.564
	Nhu cầu phòng cho khách nội địa	Phòng	7.262	20.154	53.241	131.025
	Tổng nhu cầu phòng cho khách	Phòng	7.672	21.100	55.363	135.588
	Trong đó phòng đủ tiêu chuẩn xếp hạng sao	Phòng	773	1.953	4.784	11.115
	Hệ số chung phòng khách quốc tế		1,5	1,6	1,7	1,8
	Hệ số chung phòng khách nội địa		1,8	2,2	2,5	3
	Công suất sử dụng phòng	%	60	65	68	70

d. Nguồn nhân lực du lịch

- Tiến hành điều tra, thống kê, phân tích lao động trong ngành Du lịch để xác định nhu cầu đào tạo.

- Từng bước chuẩn hóa, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ quản lý Nhà nước, các đơn vị kinh doanh du lịch; tăng cường đầu tư của Nhà nước và đẩy mạnh công tác xã hội hóa nguồn nhân lực, gắn công tác đào tạo với nhu cầu xã hội.

- Định kỳ tổ chức một số chương trình bồi dưỡng nghề du lịch, chương trình bồi dưỡng cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức cho đội ngũ lao động trong ngành Du lịch. đặc biệt chú trọng các chương trình bồi dưỡng đội ngũ thuyết minh viên, hướng dẫn viên về chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước đối với hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hướng dẫn du lịch.

- Tổ chức một số chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, khai thác, phục vụ khách du lịch cho doanh nghiệp du lịch, cộng đồng địa phương trong khai thác các sản phẩm du lịch theo định hướng phát triển bền vững.

- Khuyến khích các doanh nghiệp có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ cho nhân viên. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động hợp tác với các trường đào tạo để đặt yêu cầu đào tạo phù hợp với thực tiễn.

- Khuyến khích các cán bộ, nhân viên tự giác học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phối hợp Hiệp hội Du lịch tổ chức các hội thi tay nghề, tập trung vào các nghề trong kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành, hướng dẫn viên và thuyết minh viên... nhằm nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ lao động trong ngành.

- Lao động ngành du lịch năm 2013 là 6.750 người, chiếm 1,1% lượng lao động làm việc trong các ngành kinh tế và chiếm 8,1% lao động trong các ngành thương mại dịch vụ. Hiện nay trung bình sử dụng 1,2 lao động (trực tiếp + gián tiếp)/phòng khách sạn, khu du lịch.

- Dự báo trong giai đoạn 2015 – 2030 trung bình 1 phòng lưu trú cần 0,45 – 0,6 lao động trực tiếp và 1 lao động trực tiếp cần 1,0 – 1,2 lao động gián tiếp.

Bảng 12 : Các chỉ tiêu sử dụng lao động du lịch tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính : người

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Lao động trực tiếp/phòng	0,60	0,55	0,50	0,45
2	Lao động gián tiếp phát sinh từ lao động trực tiếp	1,20	1,15	1,10	1,00

Phương án 2 (Phương án chọn): Tổng số nhu cầu lao động trong ngành du lịch tăng từ 11.756 người năm 2015 lên 28.714 người năm 2020 lên 66.916 người năm 2025 và 147.777 người năm 2030. Trong đó, nhu cầu lao động trực tiếp tăng từ 3.919 người năm 2015 lên 9.290 người năm 2020 lên 20.911 người năm 2025 và 45.862 người năm 2030; nhu cầu lao động gián tiếp tăng từ 7.837 người năm 2015 lên 19.424 người năm 2020 lên 46.005 người năm 2025 và 101.915 người năm 2030.

Bảng 13: Dự báo nhu cầu lao động du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Phương án	Loại lao động	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Phương án 1 (thấp)	Lao động trực tiếp	3.540	8.296	17.408	37.822
	Lao động gián tiếp	7.079	17.346	38.298	84.048
	Tổng cộng	10.619	25.642	55.707	121.870
Phương án 2	Lao động trực tiếp	3.919	9.290	20.911	45.862

(chọn)	Lao động gián tiếp	7.837	19.424	46.005	101.915
	Tổng cộng	11.756	28.714	66.916	147.777
Phương án 3 (cao)	Lao động trực tiếp	4.603	11.605	27.682	61.015
	Lao động gián tiếp	9.207	24.265	60.900	135.588
	Tổng cộng	13.810	59.250	140.400	227.520

đ. Doanh thu du lịch

- Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng khách quốc tế bình quân hàng năm tăng từ 11,0%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,5%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 12,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,5%/năm giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng khách nội địa bình quân hàng năm tăng từ 10,5%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 11,0%/năm giai đoạn 2016-2020, lên 11,5%/năm giai đoạn 2021-2025 và 12,0%/năm giai đoạn 2026-2030.

- Doanh thu du lịch bao gồm các khoản thu từ lưu trú, ăn uống, vận chuyển du lịch, lệ phí tham quan, vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ bưu điện, ngân hàng, ... Hiện nay ở tỉnh Đồng Nai, mức chi tiêu bình quân của khách du lịch quốc tế là 141 USD/ngày năm 2015 lên 161,9 USD/ngày năm 2020 và 183,5 USD/ngày năm 2025 và 205,2 USD/ngày năm 2030. Khách du lịch nội địa là 24,7 USD/ngày năm 2015 lên 39,5 USD/ngày năm 2020 và 54,5 USD/ngày năm 2025 và 69,5 USD/ngày năm 2030. Cơ cấu chi tiêu là 60% cho lưu trú và ăn uống, 20% cho vận chuyển, 20% cho vui chơi giải trí, hàng lưu niệm và các dịch vụ khác.

- Trong thời gian tới, cần phải chuyển dịch cơ cấu chi tiêu của du khách nhằm tăng doanh thu du lịch. Tạo ra nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, hướng du khách chi tiêu nhiều hơn vào các dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao, chăm sóc sức khỏe làm đẹp, mua sắm hàng hóa, quà lưu niệm,

Bảng 14: Dự báo mức chi tiêu trung bình của khách du lịch đến tỉnh Đồng Nai

Đơn vị: USD

Loại khách	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Khách quốc tế	Khách tham quan	70,0	90,0	110,0	130,0
	Khách lưu trú	170,0	190,0	210,0	230,0
	Mức chi tiêu bình quân	141,0	161,9	183,5	205,2
Khách nội địa	Khách tham quan	20,0	30,0	40,0	50,0
	Khách lưu trú	30,0	50,0	70,0	90,0
	Mức chi tiêu bình quân	24,7	39,5	54,5	69,5

Ghi chú: Tính theo giá hiện hành năm 2014: 1USD = 21.036 đồng

Tổng doanh thu du lịch tăng từ 1.927 tỷ đồng năm 2015 lên 5.171,6 tỷ đồng năm 2020 lên 12.135 tỷ đồng năm 2025 và 27.121,4 tỷ đồng năm 2030. Trong đó, tổng doanh thu du lịch quốc tế tăng từ 199,9 tỷ đồng năm 2015 lên 395,6 tỷ đồng năm 2020 lên 790,3 tỷ đồng năm 2025 và 1.592,2 tỷ đồng năm 2030; tổng doanh thu du lịch nội địa tăng từ 1.771,3 tỷ đồng năm 2015 lên 4.776 tỷ đồng năm 2020 lên 11.344,7 tỷ đồng năm 2025 và 25.529,2 tỷ đồng năm 2030.

Bảng 15: Dự báo doanh thu du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Phương án	Hạng mục	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Phương án 1 (thấp)	Doanh thu du lịch quốc tế	Tỷ đồng	195,4	378,2	738,8	1.455,6
		Triệu USD	9,3	18,0	35,1	69,2
	Doanh thu du lịch nội địa	Tỷ đồng	1.731,6	4.564,7	10.601,9	23.329,8
		Triệu USD	82,3	217,0	504,0	1.109,0
	Tổng cộng	Tỷ đồng	1.927,0	4.942,9	11.340,7	24.785,4
		Triệu USD	91,6	235,0	539,1	1.178,2
Phương án 2 (chọn)	Doanh thu du lịch quốc tế	Tỷ đồng	199,9	395,6	790,3	1.592,2
		Triệu USD	9,5	18,8	37,6	75,7
	Doanh thu du lịch nội địa	Tỷ đồng	1.771,3	4.776,0	11.344,7	25.529,2
		Triệu USD	84,2	227,0	539,3	1.213,6
	Tổng cộng	Tỷ đồng	1.971,1	5.171,6	12.135,0	27.121,4
		Triệu USD	93,7	245,8	576,9	1.289,3
Phương án 3 (cao)	Doanh thu du lịch quốc tế	Tỷ đồng	204,4	413,8	845,2	1.740,9
		Triệu USD	9,7	19,7	40,2	82,8
	Doanh thu du lịch nội địa	Tỷ đồng	1.811,7	4.996,1	12.135,9	27.924,7
		Triệu USD	86,1	237,5	576,9	1.327,5
	Tổng cộng	Tỷ đồng	2.016,1	5.409,8	12.981,1	29.665,6
		Triệu USD	95,8	257,2	617,1	1.410,2

Ghi chú: Tính theo giá hiện hành năm 2014: 1USD = 21.036 đồng

e. Tổng giá trị gia tăng ngành du lịch và nhu cầu vốn đầu tư

- Dự báo tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng tỉnh Đồng Nai (GRDP) trong giai đoạn đến năm 2020 là 12,1%-13,1%; giai đoạn 2020 – 2030 là 12,3% - 13,3%.

- Căn cứ trên các số liệu dự báo về khách du lịch quốc tế và nội địa, doanh thu du lịch, dự báo khả năng đóng góp của ngành du lịch trong tổng RGDP của tỉnh Đồng Nai.

- Chỉ số ICOR chung cho các ngành kinh tế của tỉnh Đồng Nai được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 là 4,9 – 5,5. Đối với ngành du lịch, do thời gian đầu phải đầu tư mạnh cho

hạ tầng du lịch, xây dựng các khu du lịch quy mô lớn nên dự kiến chỉ số ICOR du lịch giai đoạn 2010 – 2020 là 5,5 – 6,0 và giai đoạn 2020 – 2030 là 6,0 – 6,5.

- Tổng giá trị gia tăng của ngành du lịch tăng từ 1.281 tỷ đồng năm 2015 lên 3.362 tỷ đồng năm 2020, lên 7.888 tỷ đồng năm 2025 và 17.629 tỷ đồng năm 2030.

- Tỷ trọng tổng giá trị gia tăng của ngành du lịch so với Tổng giá trị gia tăng của các ngành dịch vụ tăng từ 31,8% năm 2015 lên 32,5% năm 2020, lên 33,2% năm 2025 và 34,0% năm 2030.

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho ngành du lịch tăng từ 992,1 tỷ đồng năm 2015 lên 1.910,2 tỷ đồng năm 2020, lên 3.842,1 tỷ đồng năm 2025 và 8.069,8 tỷ đồng năm 2030. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành du lịch tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2016 – 2020 là 21,3%; giai đoạn 2021 – 2025 là 18,6% và giai đoạn 2026 – 2030 là 17,5%.

Bảng 16: Dự báo GRDP du lịch và nhu cầu vốn đầu tư du lịch của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 (phương án 2 - chọn)

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Tổng GRDP của tỉnh	Tỷ đồng	136.998,9	250.185,8	431.158,6	759.848,8
	Triệu USD	6.512,6	11.893,2	20.496,2	36.121,4
Tổng GRDP của ngành du lịch	Tỷ đồng	1.281	3.362	7.888	17.629
	Triệu USD	60,9	159,8	375,0	838,0
Tổng GRDP du lịch và các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	43.557,4	81.322,6	143.318,2	258.264,1
	Triệu USD	2.070,6	3.865,9	6.813,0	12.277,2
Tỷ lệ GRDP của du lịch và các ngành dịch vụ so với GRDP của tỉnh	%	31,8	32,5	33,2	34,0
Hệ số đầu tư ICOR chung của tỉnh		4,9	5,0	5,2	5,5
Hệ số đầu tư ICOR cho du lịch		5,5	6,0	6,2	6,5
Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch	Tỷ đồng	992,1	1.910,2	3.842,1	8.069,8
	Triệu USD	47,2	90,8	182,6	383,6

Ghi chú: Tính theo giá hiện hành năm 2014: 1USD = 21.600 đồng

3. Một số nhiệm vụ đột phá cần thực hiện trong thời kỳ 2015 - 2030

3.1. Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng cho các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch.

3.2. Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các tiềm năng du lịch theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, tạo ra bước đột phá về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng các ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

3.3. Phát triển đa dạng hóa sản phẩm du lịch gắn với không ngừng nâng cao chất lượng các loại dịch vụ phục vụ trên cơ sở phát huy tối đa các tiềm năng như cảnh quang vùng sông nước tuyến du lịch sông Đồng Nai, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hoá Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên, thác Mai - hồ nước nóng, Hồ Đa Tôn,... Đến năm 2020, các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và có thể cạnh tranh với các tỉnh khác trong khu vực, để tăng lượng khách du lịch trong nước và quốc tế, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu.

3.4. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án phát triển du lịch. Đồng thời, tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch, nhất là tích cực tham gia các hội thảo, hội chợ quảng bá sản phẩm du lịch Đồng Nai cả trong và ngoài nước.

3.5. Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao chất lượng lao động trong ngành du lịch đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

IV. Định hướng phát triển không gian ngành du lịch tỉnh Đồng Nai

1. Định hướng tổng thể

- Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng trung tâm du lịch lớn tầm cỡ quốc tế và quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch của quốc gia.

- Phát triển du lịch trên thế mạnh về tài nguyên địa hình, khí hậu, tài nguyên nhân văn, hình thành các trung tâm, cụm, tuyến du lịch theo hành lang kinh tế quốc tế, quốc gia nối kết các trung tâm du lịch trong vùng Đông Nam bộ và Tây Nguyên.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đa dạng sản phẩm du lịch trên cơ sở tiềm năng nổi trội và từng địa phương trong vùng liên kết không gian du lịch và sản phẩm du lịch thống nhất trong toàn vùng.

- Gắn du lịch sinh thái với du lịch sinh thái vùng rừng, núi, sông, hồ, thác...

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch, vui chơi giải trí chất lượng cao, đặc biệt là khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp.

- Phát triển du lịch sinh thái gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững an ninh quốc phòng.

- Hợp tác kết nối tour du lịch với các vùng trong cả nước.

2. Tổ chức không gian các vùng du lịch

a. Vùng du lịch Biên Hòa - Nhơn Trạch

Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái sông nước, miệt vườn gắn với tuyến sông Đồng Nai, du lịch thể thao, vui chơi giải trí cuối tuần ở Nhơn Trạch, Long Thành, du lịch nhân văn thăm quan di tích văn hóa, lịch sử, làng nghề, du lịch thăm quan biểu diễn văn hóa nghệ thuật tỉnh Đồng Nai và Miền Đông Nam Bộ, bảo tàng, du lịch hội chợ, triển lãm ở thành phố Biên Hòa. Các khu, điểm du lịch sinh thái kết hợp vui chơi giải trí cuối tuần như điểm du lịch Cù Lao Phố (Hiệp Hòa, Biên Hòa), Khu du lịch Bửu Long, điểm du lịch Cù lao Ba Xê (Biên Hòa), điểm du lịch Vườn Xoài (Biên Hòa), cụm du lịch Cù Lao Giáy (Nhơn Trạch). Các khu, điểm thăm quan di tích văn hóa, lịch sử, làng nghề tiêu biểu như: Văn miếu Trấn Biên (Biên Hòa), Nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa), Đình Tân Lâm (Biên Hòa), Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (Hiệp Hòa, Biên Hòa), Chiến khu rừng Sác - Đền thờ liệt sĩ (Nhơn Trạch), Đình Phú Mỹ (Nhơn Trạch), Căn cứ tỉnh ủy Đồng Nai (Bình Sơn, Long Thành)...

b. Vùng du lịch sinh thái thuộc Tân Phú - Vĩnh Cửu - Định Quán - Trảng Bom - Thống Nhất

Khai thác lợi thế có nhiều thắng cảnh rừng núi gắn với hồ Trị An và Vườn quốc gia Cát Tiên, phát triển là Vùng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp tham quan, du ngoạn rừng núi dài ngày của tỉnh và vùng Đông Nam bộ. Thu hút đầu tư hình thành một số khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng có cơ sở hạ tầng và dịch vụ tốt, khách sạn đạt chuẩn 3- 5 sao để thu hút và lưu giữ khách du lịch nghỉ lại dài ngày. Các khu, điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tham quan tiêu biểu, gồm: Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, hồ Đa Tôn, Thác Hòa Bình, điểm du lịch du lịch Suối Mơ (huyện Tân Phú)...

c. Vùng du lịch hành hương thuộc Long Khánh - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ

Phát triển các loại hình du lịch thăm quan di tích văn hóa, lịch sử kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nhà vườn. Các khu, điểm du lịch tiêu biểu như: Thác Trời (Xuân Lộc), Hồ Núi Le (Xuân Lộc), núi Chứa Chan - Chùa Bửu Quang (Gia Ray, Xuân Lộc), điểm du lịch Mộ cổ Hàn Gòn (Long Khánh), di tích Đoàn 125 (Cẩm Mỹ) và các điểm du lịch sinh thái, nhà vườn thuộc Cẩm Mỹ.

3. Các tuyến du lịch

a. Tuyến du lịch sông Đồng Nai

Khai thác du lịch sông theo hướng kết hợp tham quan vui chơi giải trí gồm: cù lao Hiệp Hòa, cù lao Ba Xê, cù lao Cỏ, cù lao Tân Vạn, vườn bưởi Tân Triều, khu du lịch Bửu Long với du lịch văn hóa, văn miếu Trấn Biên, chùa Ông, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Long Thiên, Bảo tàng Đồng Nai, làng cá bè Tân Mai, làng cổ Bến gỗ.

Mở rộng địa bàn tuyến du lịch sông bao gồm các huyện: huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán gồm: cù lao ấp 7, các đồi trên lòng hồ Trị An xã Phú Ngọc, sông La Ngà; huyện Nhơn Trạch (điểm du lịch Bò Cạp Vàng) và thành phố Biên Hòa. Kết nối tuyến với Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh.

b. Tuyến Vĩnh Cửu - Thống Nhất - Trảng Bom

Phát triển khu du lịch làng bưởi Tân Triều vừa mang tính độc lập vừa là một điểm dừng hấp dẫn của tuyến du lịch sông cả tuyến đường bộ, hình thành tour đảo Ó - Đồng Trường - chiến khu Đ - làng dân tộc Phú Lý - Vườn quốc gia Cát Tiên.

Khai thác các điểm du lịch: hồ Trị An-Mã Đà, suối Đá, suối Nước Trong, suối Reo... để tạo nhiều điểm dừng cho các tuyến du lịch lân cận như: điểm du lịch Thác Giang Điền, Sân Golf Đồng Nai, điểm du lịch Trường Giang, góp phần tạo nguồn thu cho tỉnh, tạo thế cho các điểm du lịch thuộc tuyến này phát triển.

c. Tuyến Long Thành – Nhơn Trạch

Khai thác các điểm du lịch tâm linh gồm hệ thống chùa tại huyện Long Thành kết nối các điểm du lịch xã Vĩnh Thanh - Phước Khánh, khu du lịch Cù lao Ông Cò, các khu du lịch ở xã Long Tân, Đại Phước và Phú Hội, điểm du lịch Rừng Sác. Trong đó, các khu, điểm du lịch Long Tân là điểm nhấn của tuyến.

d. Tuyến Tân Phú - Định Quán

Điểm du lịch Vườn Quốc gia Cát Tiên là khu du lịch sinh thái trọng điểm của Tỉnh, điểm du lịch Thác Mai - Hồ nước nóng theo loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng, chữa bệnh; khu du lịch Hồ Đa Tôn, Thác Hòa Bình – Chùa Linh Phú, Cụm Văn hóa xã Tà Lài, điểm du lịch Thác Ba Giọt và điểm du lịch Đá Ba Chông.

đ. Tuyến Xuân Lộc – Long Khánh - Cẩm Mỹ

Các điểm du lịch núi Chứa Chan - chùa Gia Lào, khu du lịch Núi Le, điểm du lịch thác Trời, gắn với điểm di tích văn hóa mộ cổ Hàng Gòn và điểm di tích Đoàn 125.

4. Định hướng tổ chức các cụm du lịch

Định hướng phát triển các cụm du lịch có thể chia các điểm du lịch theo các cụm như sau:

+ Cụm du lịch vui chơi giải trí, hội nghị, mua sắm, trung tâm thương mại. Cụm điểm du lịch này mang ý nghĩa quốc gia và quốc tế, tập trung ở 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch, Biên Hòa.

+ Cụm du lịch sông kết hợp các di tích, văn hoá và lịch sử. Cụm điểm du lịch này mang ý nghĩa vùng và địa phương, tập trung ở thành phố Biên Hòa .

+ Cụm du lịch sinh thái tự nhiên. Cụm điểm du lịch này mang ý nghĩa quốc gia và địa phương, tập trung ở các huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu và Thống Nhất.

+ Cụm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng. Cụm điểm du lịch này mang ý nghĩa vùng và địa phương, tập trung ở huyện Định Quán, giáp ranh với tỉnh Bình Thuận.

+ Cụm du lịch văn hóa hành hương. Cụm điểm du lịch này mang ý nghĩa vùng và địa phương, tập trung ở huyện Xuân Lộc và Long Khánh và Long Thành.

5. Định hướng tổ chức các điểm dừng chân - trạm xăng, mua sắm, nghỉ ngơi, vệ sinh cá nhân nằm dọc theo các tuyến điểm du lịch

+ Trung tâm thương mại, dịch vụ ngã ba Dầu Giây - Tuyến Trảng Bom - Thống Nhất.

+ Trung tâm siêu thị hàng trái cây đặc sản ngã ba Tân Phong của tuyến Long Khánh - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc.

+ Trung tâm thương mại ngã ba Mũi Tàu thị trấn Long Thành của tuyến Long Thành - Nhơn Trạch.

+ Trung tâm thương mại ngã ba Nhơn Trạch hoặc ngã ba dầu khí của tuyến Long Thành - Nhơn Trạch.

+ Trung tâm thương mại Km 140+800, quốc lộ 20, xã Phú Sơn, Tân Phú của tuyến Định Quán - Tân Phú.

+ Trung tâm Thương mại Xuân Lộc, quốc lộ 1, xã Xuân Hòa, Xuân Lộc của tuyến Long Khánh – Xuân Lộc.

+ Trung tâm siêu thị Big C - thành phố Biên Hòa, Trung tâm Thương mại VinCom (Biên Hòa).

6. Đánh giá tác động môi trường trong quá trình thực hiện dự án

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, có sự tham gia của nhiều ngành. Sử dụng các nguồn tài nguyên cho hoạt động du lịch rất nhạy cảm bởi tác động của con người nhưng du lịch cũng mang lại nhiều lợi ích cho kinh tế, xã hội và môi trường. Vì vậy, đánh giá tác động môi trường trong thực hiện quy hoạch phát triển du lịch là việc làm cần thiết và phải tuân thủ các quy định hiện hành.

6.1. Dự báo tác động đối với biến đổi môi trường tự nhiên

a. Đối với môi trường đất

Môi trường đất bị biến đổi chủ yếu trong quá trình thực hiện quy hoạch phát triển du lịch là quá trình chuyển đổi mục đích đất sử dụng cho phát triển du lịch. Qua nghiên cứu cho thấy, quy mô sử dụng đất cho các dịch vụ du lịch là rất lớn, nhất là cho các dịch vụ lưu trú và dịch vụ vui chơi giải trí. Tính trung bình cho dịch vụ khách sạn thường là vài nghìn m² trở lên, một khu du lịch vài chục đến vài trăm ha... Vì vậy làm giảm quỹ đất của các mục đích khác thể hiện rõ nét nhất tại khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hoá Đồng Nai, Thác Mai – Hồ Nước Nóng, Vườn Quốc gia Cát Tiên, khu du lịch Bửu Long, khu du lịch Long Tân... là vùng nhạy cảm với môi trường và các hệ sinh thái nếu không làm tốt công tác bảo vệ môi trường dẫn đến tác động đến môi trường tự nhiên.

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, trong đó có xây dựng các công trình khách sạn, khuôn viên, dịch vụ... đã làm ô nhiễm môi trường đất do các chất thải, nước thải chưa được xử lý, đồng thời làm vỡ kết cấu môi trường đất. Vấn đề các chất thải rắn, chất thải lỏng trong quá trình triển khai dự án đầu tư và trong quá trình vận hành các dịch vụ để phục vụ khách du lịch dẫn đến làm thay đổi và ô nhiễm môi trường đất.

b. Đối với môi trường nước

Trong quá trình triển khai các dự án đầu tư và dự án triển khai thực hiện sẽ khai thác sử dụng nước sinh hoạt phục vụ cho xây dựng và hoạt động kinh doanh của công trình tại một số khu vực dẫn đến thiếu cục bộ nước mặt và nước ngầm đặc biệt vào mùa khô trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ô nhiễm môi trường nước có thể xảy ra tại các khu vực này do tác động của các chất thải và nước thải chưa được xử lý trong quá trình thực hiện dự án và kinh doanh du lịch, đặc biệt tại các lưu vực sông, rạch và hồ như: sông Đồng Nai, hồ Trị An, hồ Đa Tôn... do công tác thu gom, xử lý rác thải và nước thải không tốt, không đảm bảo tiêu chuẩn dễ gây ô nhiễm môi trường.

c. Đối với môi trường không khí

Dự báo môi trường không khí tại các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch và xây dựng các cơ sở dịch vụ sẽ bị ô nhiễm cục bộ và mức độ tác động rất lớn đối với môi trường tự nhiên do ô nhiễm tiếng ồn, khí thải, bụi lơ lửng... của các phương tiện hoạt động và sinh hoạt của con người. Còn trong quá trình phát triển du lịch hay dự án đi vào hoạt động thì ô nhiễm chỉ mang tính trong các phạm vi hẹp, ô nhiễm chủ yếu là khí thải do các phương tiện giao thông, khí thải từ cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống và chế biến thực phẩm khi sử dụng các chất đốt thải nhiều khí CO₂. Khu du lịch làng nghề cũng dễ bị ô nhiễm không khí do khí thải trong quá trình sản xuất, chế biến các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; chất thải, nước thải của quá trình sản xuất, chế biến không được thu gom, xử lý triệt để sẽ gây mùi hôi thối lan tỏa trong cộng đồng ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

d. Biến đổi tài nguyên đa dạng sinh học

Dự báo tác động tập trung vào các khu vực: Vườn Quốc gia Cát Tiên, khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hoá Đồng Nai, thác Mai – hồ nước nóng là khu vực có tiềm năng đa dạng sinh học, có hệ sinh thái rất nhạy cảm. Các tác động chính ảnh hưởng đến đa dạng sinh học là trong quá trình thu hồi diện tích, quá trình san lấp của các dự án dẫn đến giảm diện tích rừng và các khu vực sinh thái tự nhiên, làm cho môi trường và điều kiện sống, sinh sản của hệ sinh thái thay đổi. Hiện tượng khai thác hệ sinh thái để phục vụ cho nhu cầu ăn uống và buôn bán cũng thường hay xảy ra ở nhiều khu vực thì công khác đối với các công trình của các khu du lịch cũng không thể tránh khỏi, cần phải dự báo đề phòng.

Tác động của các chất thải, khí thải và hóa chất trong quá trình thi công công trình cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đối với môi trường tự nhiên.

đ. Xu thế biến đổi và tác động đến môi trường xã hội, an ninh trật tự

Trong quá trình triển khai quy hoạch sẽ phát sinh những mâu thuẫn nội tại là sự đồng thuận trong quy hoạch sử dụng đất, chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng chưa thỏa đáng của dự án. Quá trình đô thị hóa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ phát sinh sự không thống nhất giữa các cấp các ngành, quyền lợi các bên có liên quan dẫn đến khiếu kiện, tranh chấp... Quá trình chuyển đổi do các dự án mang lại dễ dẫn đến các tệ nạn xã hội xảy ra do nhận thức của một bộ phận cộng đồng chưa đầy đủ, do các lợi ích mang lại,...

6.2. Dự báo tác động của phát triển du lịch đến các vấn đề xã hội, nhân văn

Khi phân tích tác động của thực hiện các nội dung của quy hoạch du lịch đến môi trường kinh tế - xã hội tại các khu du lịch người ta thường đề cập đến những tác động các chỉ tiêu phát triển du lịch được dự báo trong quy hoạch du lịch đến các vấn đề như: cơ cấu ngành nghề, cơ cấu thu nhập, năng suất lao động, phát triển thị trường, đến lao động, việc làm, đến nhận thức, kiến thức, đến phong tục, tập quán, đến tệ nạn xã hội, đến tổ chức và luật lệ cộng đồng tại các khu vực phát triển du lịch, điểm du lịch và phụ cận.

Các chỉ tiêu chủ yếu trong dự báo sẽ tác động đến môi trường xã hội là: gia tăng số lượng khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế, chỉ tiêu phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch như: gia tăng số lượng cơ sở lưu trú, kinh doanh ăn uống, kinh doanh hàng lưu niệm, vui chơi giải trí...

Đối tượng dễ nhận biết về vấn đề môi trường xã hội bị tác động là giá cả thị trường; sinh hoạt, lối sống của một bộ phận cộng đồng; phong tục tập quán truyền thống với lai căn, tài nguyên nhân văn bị khai thác, các tệ nạn xã hội phát sinh.

a. Các tác động tiêu cực

- Thu hẹp diện tích sinh sống của cộng đồng dân địa phương.
- Làm tăng sự phân hóa xã hội trong cộng đồng khi không có sự phân phối lợi ích công bằng trong việc tạo ra nguồn thu nhập.
- Các giá trị tài sản và giá cả sinh hoạt tăng lên nhanh chóng trong phạm vi địa phương, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng.
- Mất cơ hội thu nhập do các nguồn thu nhập truyền thống không còn.
- Giảm sức sản xuất lương thực của địa phương (do chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, lao động và ngành nghề). Gây sức ép lên các truyền thống và làm mất đi một số giá trị văn hóa của địa phương.
- Tiếp cận với các khó khăn về ùn tắc giao thông, tiếng ồn, ô nhiễm không khí, quá tải trong dịch vụ giao thông.
- Mâu thuẫn trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên như: diện đất, nguồn nước, rừng cây,... trong sử dụng cơ sở hạ tầng và dịch vụ (hệ thống cống, các nơi chứa chất thải, giao thông, trung tâm y tế) với các cơ sở khác.
- Ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng (ô nhiễm từ chất thải rắn và lỏng, các bệnh dịch đến từ nơi khác, bệnh xã hội...).

b. Tác động đến phát triển kinh tế

Phát triển du lịch có những tác động quan trọng đối với phát triển kinh tế:

- Tăng nguồn thu ngoại tệ mạnh tỷ lệ thuận với số lượng du khách quốc tế.
- Tạo nhiều việc làm, đặc biệt với dân cư tại các khu vực phát triển du lịch.
- Phát triển khu vực thông qua phát triển hạ tầng, đẩy mạnh đầu tư và giao lưu liên vùng, liên quốc gia.

Tuy nhiên, nếu không được xem xét một cách có cân nhắc, những tác động tích cực này lại thường không được đánh giá do có những vấn đề sau:

- Lượng ngoại tệ nhập vào không được tính rõ ràng vì ngành du lịch mang tính liên ngành, các khoản thu được tính vào lợi ích của nhiều ngành kinh tế khác như giao thông, thương mại, nông lâm ngư nghiệp, xây dựng...

- Đầu tư khá tốn kém nếu chỉ xét về mặt phát triển hạ tầng ở địa phương.

- Du lịch có thể là một nhân tố làm mất sự ổn định về sinh thái ở một số khu vực riêng biệt.

- Phát triển của một số hoạt động kinh tế và sự ổn định về xã hội sẽ phụ thuộc vào ngành du lịch, đặc biệt là vào tính chất thời vụ của hoạt động du lịch.

- Các việc làm tạo ra từ phát triển du lịch không đem lại kết quả như mong muốn cho dân cư địa phương nếu như không có biện pháp đào tạo nghề phù hợp và quản lý được sự di dân tự do.

c. Tác động đến chất lượng cuộc sống

Do đặc tính riêng, du lịch không chỉ là một ngành kinh tế thuần túy mà còn bao gồm các khía cạnh chính trị, văn hóa, xã hội, y tế, môi trường. Do đó điều quan trọng phải hiểu rằng khi đánh giá tác dụng của hoạt động du lịch cần chú ý đến không chỉ các hệ quả kinh tế dễ thấy như thu nhập và ngoại tệ, mà còn có các hệ quả phi kinh tế khó cảm thấy được, như sức khỏe và các yếu tố văn hóa xã hội.

d. Vấn đề sức khỏe

Khi hoạt động du lịch gia tăng vượt quá khả năng kiểm soát chặt chẽ có thể sẽ dẫn đến sự xuống cấp của môi trường, do vậy có thể ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và phúc lợi của cả du khách và dân địa phương. Ở đây trình bày một số tác động qua lại giữa du lịch và sức khỏe và chỉ ra những khu vực, nơi mà hoạt

động du lịch đã tác động đến sức khỏe của du khách cũng như của người dân địa phương, xét cả về mặt tiêu cực và tích cực.

Hoạt động du lịch ngày càng phát triển đã dẫn tới việc tăng đáng kể lượng thực phẩm tiêu thụ tại điểm du lịch. Thực phẩm nếu chỉ được quản lý về mặt cung cấp theo số lượng mà không được quan tâm đến chất lượng thì có thể trở thành một phương tiện lan truyền gây bệnh như thương hàn, kiết lỵ trực khuẩn, kiết lỵ amip, dịch tả, bạch hầu và lây nhiễm liên cầu khuẩn.

d. Vệ sinh môi trường

Việc phát triển nhanh chóng các hoạt động du lịch có thể làm cho điều kiện vệ sinh môi trường tại các khu du lịch trở nên xấu hơn do sự gia tăng lớn của các chất gây ô nhiễm (rác, nước thải, khí thải) và các điều kiện tại chỗ chưa đủ khả năng xử lý, thiếu nước cấp, trạng thái ồn ào, bụi bặm, tắc nghẽn giao thông. Môi trường vệ sinh xấu sẽ là nguyên nhân cho bệnh dịch hoành hành và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của du khách và dân địa phương.

e. Vấn đề xã hội

Những tác động về xã hội của du lịch được thể hiện góp phần thay đổi các hệ thống giá trị, tư cách cá nhân, quan hệ gia đình, lối sống tập thể, hành vi đạo đức, những lễ nghi truyền thống và tổ chức của cộng đồng. Nói cách khác, du lịch tác động đến người dân địa phương trong quá trình họ quan hệ trực tiếp và gián tiếp với du khách. Khó có thể định lượng được ảnh hưởng văn hóa xã hội của du lịch vì phần lớn đó là tác động gián tiếp, phải theo dõi qua thời gian dài và thậm chí không thể lượng hóa được.

h. Tác động dân số học

Hoạt động phát triển du lịch là tác động đến việc chuyển cư và nhập cư sức lao động. Nhân công nhập cư là một hiện tượng phổ biến ở các khu du lịch. Dưới tác động đó, thành phần, cơ cấu, mật độ phân bố và nhiều chỉ tiêu dân số học liên quan đều bị thay đổi.

h. Tác động về nghề nghiệp

Về mặt kinh tế, du lịch tồn tại dưới dạng tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ, do đó có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến cơ hội kinh doanh và có việc làm. Du lịch phát triển tạo ra việc làm có những ảnh hưởng tích cực làm cho xã hội ổn định, bao gồm:

- Giảm bớt lượng nhân công lao động bỏ quê hương đi tìm việc làm.
- củng cố tính đồng nhất và lòng tự hào về di sản của địa phương qua việc cung cấp những sản phẩm mỹ nghệ và thủ công nghiệp cho khách du lịch.

Du lịch cũng ảnh hưởng đến cách thức làm việc. Nét đặc biệt của hoạt động du lịch là làm thêm ngoài giờ, nhiều loại việc làm và tính thời vụ. Việc phát triển các hoạt động du lịch sẽ làm giảm bớt các hoạt động ngành nghề truyền thống ở địa phương (cả về tính chất, thời gian và khối lượng công việc), nhưng lại phát triển một số những nghề mới liên quan đến du lịch.

g. Chuyển biến về chuẩn mực xã hội

Quá trình tiếp xúc giữa du khách và người dân địa phương gây lên sự thay đổi về xã hội, đặc biệt là trong xã hội biệt lập. Thông qua sự giao lưu đó, nhiều nét tương đồng về chuẩn mực xã hội sẽ có tác dụng tích cực vì tính cộng hưởng, nhưng những nét khác biệt thì sẽ phải chịu 2 loại tác động ngược chiều nhau, có thể sẽ được nhấn mạnh vì đó là những nét đặc trưng, nhưng cũng có thể sẽ bị lu mờ dần đi nếu như bị đồng hóa.

i. Tác động về văn hóa

Hoạt động du lịch tác động đến văn hóa theo hai hướng. Hướng thứ nhất, du lịch có thể là cách bảo tồn, lưu giữ các nét văn hóa truyền thống, trong khi hướng thứ hai lại tác động ngược lại. Du lịch đảm bảo cho du khách có cơ hội tốt để gặp gỡ và tiếp xúc với người dân địa phương có các đặc điểm riêng về tiếng nói, cách nghĩ và cách sống đặc thù. Du lịch cũng chấp nhận các hình thức giao lưu văn hóa khác nhau, kể cả trao đổi quan điểm và luyện tập các thứ tiếng khác. Đồng thời, ảnh hưởng của hoạt động phát triển du lịch đến văn hóa là:

- Kiến trúc truyền thống thay đổi để thu hút du khách, cố ý tạo ra “nền văn hóa tiêu biểu” và trong một số trường hợp biến các lễ hội ở đình chùa thành các loại hình trình diễn cho du khách nước ngoài xem.

- Thay đổi cách nghĩ, quan niệm truyền thống để làm cho nền văn hóa địa phương thích nghi với nhu cầu của du khách, đáp ứng lòng mong đợi của du khách.

- Tạo nên tình trạng tập trung rất đông người, gây mất vệ sinh và có thể làm mất tính trang trọng đối với các nghi thức tôn giáo thiêng liêng truyền thống trong các lễ hội.

- Nhu cầu của du khách về hàng hóa lưu niệm, các đồ thủ công mỹ nghệ, các văn hóa phẩm đều có tác dụng tích cực và tiêu cực đối với văn hóa truyền thống, ví dụ như:

+ Tác động tiêu cực là tạo cho người thợ thủ công thói quen thay đổi kiểu cách, mẫu mã sản phẩm truyền thống của mình để phù hợp hơn với nhu cầu của du khách vì mục tiêu lợi nhuận.

+ Tác động tích cực là làm sống lại những truyền thống và nghề thủ công cũ hoặc đã biến mất, tạo ra những hàng hóa lưu niệm và hàng mỹ nghệ để đáp ứng thị trường được mở rộng, từ đó bảo tồn, quảng bá truyền thống văn hóa bản địa.

6.3. Dự báo các tải lượng các chất ô nhiễm khi thực hiện quy hoạch du lịch gắn với Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai

a. Căn cứ xây dựng tải lượng thải

Căn cứ vào các chỉ tiêu dự báo về khách du lịch, lao động trong quy hoạch, căn cứ vào định hướng phát triển không gian phát triển du lịch, căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất về nhu cầu sử dụng đất cho phát triển du lịch.

b. Dự báo các tải lượng các chất ô nhiễm khi thực hiện quy hoạch du lịch gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- **Nước thải:** Sử dụng phương pháp hệ số ô nhiễm do WHO (Tổ chức Y tế thế giới đề xuất) về tải lượng trung bình các chất ô nhiễm có trong nước thải. Nước thải sinh hoạt thường có các chỉ số ô nhiễm hữu cơ như: BOD5, COD, DO, SS, coliform... khá cao, các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật. Các chỉ số hóa học khác như hàm lượng các kim loại nặng thấp. Khả năng gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng cao, nhất là với môi trường nước mặt, nước ngầm, môi trường không khí,... nhưng có thể xử lý đơn giản bằng các biện pháp hồ sinh học nhờ tính chất tự làm sạch của tự nhiên (vi sinh vật).

V. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phục vụ du lịch

1. Định hướng hạ tầng kỹ thuật

a. Hạ tầng giao thông

Phát triển đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn kết hợp đường bộ, đường thủy và đường sắt phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp các tuyến đối ngoại, đường trục, đường tỉnh, đường liên kết với các tuyến cao tốc, quốc lộ để phục vụ phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dịch vụ - đô thị nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế. Đến 2020, cơ bản xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đường gồm các trục ngang, trục dọc, các tuyến đối ngoại và các đường vành đai đô thị, đảm bảo lưu thông trong ngoài và nội tỉnh thuận tiện, an toàn. Giai đoạn 2011-2015, huy động đầu tư tuyến QL1A (đoạn tránh thành phố Biên Hòa), ĐT768, ĐT769, Đường 25B, cầu đường từ Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh qua Nhơn Trạch, cầu đường qua xã Hiệp Hòa, cầu Hóa An; cảng Phước An, cảng Phú Hữu, cảng Gò Dầu; tổng kho trung chuyển và một số dự án quan trọng khác. Phối hợp với các Bộ ngành triển khai xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2020, xây dựng đường cao tốc, nâng cấp các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh.

b. Cấp điện

Theo nhịp độ phát triển kinh tế và đô thị hoá, dự kiến nhu cầu tiêu thụ điện năng trong toàn tỉnh tăng bình quân hàng năm khoảng 13 – 13,3%/năm trong thời kỳ tới, cần khoảng 21.000 triệu kwh vào năm 2020, cao gấp 3,3 lần mức tiêu thụ năm 2010. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho quá trình phát triển kinh tế- xã hội, bổ sung nâng công suất toàn mạng lưới phù hợp với nhu cầu sử dụng điện trong từng giai đoạn. Điều chỉnh qui hoạch tổng công suất nguồn cực đại cung cấp điện cho toàn tỉnh đạt khoảng 3.300MW vào năm 2020. Nguồn cấp điện chủ yếu cho tỉnh là từ điện lưới quốc gia và một số nhà máy điện diesel ở các khu công nghiệp.

c. Hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet, phát thanh và truyền hình theo hướng hội tụ, từng bước cung cấp đa dịch vụ trên hạ tầng thống nhất. Thực hiện lộ trình số hóa mạng lưới phát thanh, truyền hình, mở rộng lắp đặt mạng truyền hình cáp, truyền hình trên mạng viễn thông về khu vực nông thôn phục vụ nhân dân và người lao động các khu công nghiệp. Đến năm 2015, huy động đầu tư hoàn thành mạng băng thông rộng đến 85% số xã và phủ sóng thông tin di động băng thông rộng đến 70% khu vực dân cư. Đến năm 2020, hoàn thành mạng băng thông rộng đến 100% các xã và phủ sóng thông tin di động băng thông rộng trên toàn địa bàn tỉnh.

d. Hệ thống cấp nước sạch

Theo đà tăng dân số, tốc độ đô thị hóa và phát triển các ngành kinh tế, dự kiến nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất trong tỉnh cần khoảng hơn 1.000.000 m³/ngày vào năm 2020. Hiện tổng công suất các nhà máy nước trong tỉnh mới đạt khoảng 310.000 m³/ngày, đến cuối năm 2012 Nhà máy nước Nhơn Trạch 1 công suất 100.000m³/ngày đi vào hoạt động, tổng công suất các nhà máy nước đạt khoảng 410.000 m³/ngày. Đến năm 2015, tổng công suất hệ thống cấp nước máy toàn tỉnh đạt khoảng 550.000- 560.000 m³/ngày, đến năm 2020 đạt 800.000- 850.000 m³/ngày đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho 100% dân số đô thị, một phần dân số nông thôn và cấp nước cho các ngành kinh tế.

đ. Thoát nước và xử lý nước thải

Tiếp tục triển khai các dự án xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo các lưu vực sông chính gồm: lưu vực sông Đồng Nai (các tiểu lưu vực thượng lưu, trung lưu, hạ lưu), lưu vực sông Đa

Huoi, lưu vực sông Sà Mách, vùng lòng hồ Trị An, lưu vực sông Mã Đà – sông Bé, lưu vực sông La Ngà, lưu vực sông Thao, lưu vực sông Buông, lưu vực sông Thị Vải, lưu vực các sông Đồng Nai. Nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các đô thị, khu vực tập trung khu công nghiệp, khu đô thị mới và khu tái định cư.

Phần đầu, trong giai đoạn 2011- 2015 cải tạo được 50% kênh mương, đoạn sông, suối chảy qua các đô thị đã bị ô nhiễm nặng; tỷ lệ khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy chuẩn môi trường đạt 50 - 60%; các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy chuẩn môi trường đạt 100%. Đến năm 2020, tỷ lệ khu đô thị có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy chuẩn môi trường đạt trên 75%.

e. Cơ sở vật chất thương mại – dịch vụ

Xây dựng các trung tâm mua sắm tại thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, thị xã Long Khánh, huyện Nhơn Trạch và huyện Thống Nhất, trong đó chú trọng các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai; xây dựng các trung tâm dịch vụ tại các điểm dừng chân trên các tuyến du lịch.

2. Định hướng hạ tầng xã hội

Định hướng hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển du lịch:

- **Y tế:** Cải tạo nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống bệnh viện tại các trung tâm huyện và tiểu vùng của tỉnh là thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, thị xã Long Khánh, huyện Nhơn Trạch và huyện Thống Nhất; Xây dựng mới các trung tâm điều dưỡng tại các trung tâm du lịch, khu vực có suối khoáng nóng, thác, hồ... phục vụ nhu cầu đi chữa bệnh cho khách du lịch.

- **Giáo dục – đào tạo:** Xây dựng mở thêm khoa đào tạo về ngành du lịch tại các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hoặc các trường trung học, chuyên nghiệp chuyên ngành du lịch.

- **Văn hóa – TDTT:** Xây dựng nâng cấp, cải tạo các công trình hiện tại tỉnh như trung tâm văn hóa tỉnh, các trung tâm văn hóa huyện, các khu, điểm di tích văn hóa lịch sử ...Xây dựng mới Nhà hát tỉnh Đồng Nai. Bảo tồn và gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

VI. Các chương trình ưu tiên đầu tư

1. Hoàn thiện các công trình hỗ trợ phát triển du lịch: Phối hợp các Bộ, ngành Trung ương hoàn thiện các công trình hỗ trợ phát triển du lịch: Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu, tuyến vành đai 3, 4 nối các vùng kinh tế trọng điểm, đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, đường cao tốc Dầu Giây – Đà Lạt, Sân bay Quốc tế Long Thành...

2. Đầu tư tuyến đường giao thông đến di tích Khu ủy miền đông - Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa tỉnh Đồng Nai, đường vào điểm du lịch Thác Mai - Bàu nước sôi, đường vào di tích - danh thắng núi Chứa Chan, các bến tàu phục vụ cho phát triển du lịch trên tuyến sông Đồng Nai...

3. Quy hoạch xây dựng các bến xe, khu vực đậu xe cho khách du lịch khi đến tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, dự các lễ hội lớn của tỉnh.

4. Đầu tư hạ tầng cấp điện, cấp nước phục vụ du lịch; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn du lịch đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

5. Các dự án đầu tư ngành du lịch

Một trong những nội dung quan trọng của Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là phải xác định rõ danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phù hợp với những quan điểm và mục tiêu của quy hoạch đã đề ra. Làm căn cứ để lựa chọn đưa vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm, đặc biệt là tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành trước một bước công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, khắc phục tình trạng kéo dài thời gian lập hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư. Đồng thời đảm bảo việc thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình trên từng địa bàn, tăng cường sự phối kết hợp và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn. Trong đó, vốn ngân sách chỉ tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các dự án phát triển du lịch.

Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tổng hợp được 28 danh mục dự án và nhóm dự án với tổng vốn đầu tư là 19.730 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2015-2020 là 8.950 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 10.780 tỷ đồng.

Bảng 18: Các dự án du lịch ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

S T T	Tên dự án	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)		
			Tổng vốn	Phân kỳ	
				2015 – 2020	2021 - 2030
1	Khu du lịch sinh thái và khu đô thị mới (tại một phần Cù lao Ông Cò)	200 ha	1.200	400	800
2	Điểm du lịch và dân cư Đại Phước	131 ha	700	200	500
3	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Đại Phước)	55,3 ha	500	300	200
4	Khu du lịch sinh thái (tại xã Long Tân)	330 ha	2.000	900	1.100
5	Khu du lịch sinh thái (tại xã Long Tân)	296 ha	1.800	700	1.100
6	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Long Tân)	24,4 ha	70	40	30
7	Làng văn hóa (xã Long Thọ)	100 ha	1.000	500	500
8	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Vĩnh Thanh)	29,2 ha	100	60	40
9	Điểm nghỉ dưỡng sinh thái và phục hồi chức năng	3.500 m ²	20	10	10
10	Khu du lịch và dân cư Bửu Long	323,5 ha	2.500	1.000	1.500
11	Điểm du lịch sinh thái (tại phường Long Bình Tân)	19 ha	50	30	20
12	Điểm du lịch sinh thái (tại phường Bửu Hoà)	6 ha	40	20	20
13	Điểm du lịch và nhà ở (tại xã Hóa An)	46 ha	80	50	30
14	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Hiệp Hòa)	3 ha	20	10	10
15	Điểm du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng (tại xã Phước Tân)	35 ha	80	70	10
16	Khách sạn Central Park (Biên Hòa)	10.409 m ²	100	70	30
17	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Bắc Sơn)	106,8 ha	900	500	400
18	Điểm du lịch sinh thái (tại xã Đồi 61, xã An Viễn - Cty Trường Giang)	6 ha	40	20	20
19	Khu du lịch và dân cư Sơn tiên (tại xã An Hòa)	372,1 ha	3.000	2.000	1.000
20	Điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí (xã Long An - Cty Hoàng Gia Bảo)	4 ha	40	20	20
21	Khu du lịch Suối Mơ	33 ha	150	150	
22	Khu đô thị du lịch sinh thái	843 ha	3.500	1.000	2.500
23	Điểm du lịch sinh thái núi Chứa Chan - Chùa Gia Lào	100 ha	200	150	50
24	Dự án khách sạn Hoà Bình	4.593 m ²	160	100	60
25	Dự án Khu vui chơi giải trí (khu vực mỏ đá tại xã Hoá An và xã Tân Hạnh)	98 ha	600	200	400
26	Dự án điểm du lịch Thác Đá Hàn	26 ha	150	50	100
27	Điểm du lịch sinh thái Sixsense Latitute Sai gon River	55,32 ha	430	250	180
28	Dự án đầu tư khách sạn theo tiêu chuẩn 3 sao	5 ha	300	150	150
	Tổng cộng		19.730	8.950	10.780

Phần 4

CÁC GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. Giải pháp về công tác quy hoạch và quản lý phát triển du lịch

1. Công tác quy hoạch

- Cần tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, xác định và điều chuyển quỹ đất có tiềm năng và điều kiện thuận lợi sang đất phát triển du lịch theo Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt.

- Rà soát lại quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết về phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh và từng khu vực. Kiên quyết thu hồi những dự án xét thấy chủ đầu tư không có năng lực thực sự.

- Công tác lập quy hoạch cần được tiến hành theo thứ tự ưu tiên để phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu phát triển.

- Lập quy hoạch Tổng thể phát triển các điểm du lịch Quốc gia, quy hoạch cụ thể các khu chức năng theo hướng dẫn của Luật Du lịch.

- Lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã định hướng trong quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để quản lý và kêu gọi đầu tư và làm cơ sở lập dự án đầu tư triển khai thực hiện.

- Đối với các quy hoạch khu du lịch lớn, hiện đại, quy hoạch các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch đòi hỏi phải có chất lượng cao và có tầm chiến lược trong phát triển du lịch quốc gia cũng như phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, toàn vùng và cả nước nếu khả năng trong nước chưa đáp ứng được thì có thể thuê nước ngoài thực hiện.

- Lập và xét duyệt các dự án nâng cấp, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử.

2. Công tác quản lý nhà nước về du lịch

- Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về du lịch với việc tiếp tục kiện toàn bộ máy của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ban Chỉ đạo phát triển Du lịch tỉnh để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với mọi hoạt động du lịch, tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh xây dựng, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch, xét duyệt các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước về du lịch từ tỉnh đến huyện: hoàn chỉnh hệ thống các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân trong quản lý quy hoạch và phát triển du lịch.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ du lịch có năng lực phù hợp với nhu cầu quản lý và phát triển du lịch trong tiến trình hội nhập với khu vực và quốc tế.

- Cần phải tăng cường công tác quản lý các điểm, khu du lịch, các cơ sở lưu trú, nhà hàng, công ty lữ hành; song song đó tham mưu xây dựng các văn bản quản lý Nhà nước phải chặt chẽ và đồng bộ với việc đầu tư kết cấu hạ tầng cơ sở, gắn với chiến lược phát triển du lịch tỉnh.

- Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành và xã hội hóa cao, vì vậy cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan.

- Đảm bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với ngành Công an nhằm thực hiện tốt bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

II. Giải pháp phát triển ngành du lịch

1. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Hoàn thiện cơ chế, thực hiện chính sách thuê đất, đền bù, giao đất, lập hồ sơ thủ tục triển khai xây dựng, nhằm huy động tối đa các nguồn lực đầu tư nước ngoài, phát hành trái phiếu công trình và cải tiến các thủ tục hành chính để mọi thành phần kinh tế, cả trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch, nhất là các khu và điểm du lịch trọng điểm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư, đơn giản thủ tục hành chính.

- Đảm bảo sự công bằng quyền lợi giữa các chủ đầu tư và cộng đồng địa phương, khai thác tài nguyên du lịch theo Quy hoạch. Đảm bảo hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế, luật pháp du lịch của thế giới.

- Xây dựng chính sách miễn giảm thuế, cho chậm nộp thuế, giảm tiền thuê đất, cho vay lãi suất ưu đãi đối với các dự án ưu tiên đầu tư vào các khu vực vùng chậm phát triển, khó khăn; các dự án có các sản phẩm mới lạ, độc đáo có khả năng tăng thời gian lưu trú, tăng doanh thu du lịch.

- Giảm thuế nhập khẩu các trang thiết bị chuyên dùng cho khách sạn, khu du lịch, cơ sở vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách, vật tư phục vụ du

lịch mà trong nước chưa sản xuất được, miễn giảm thuế đối với ngành sản xuất hàng lưu niệm phục vụ du lịch.

- Thực hiện xã hội hoá phát triển du lịch, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch dưới các hình thức khác nhau; thực hiện xã hội hóa đầu tư bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh, các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch.

2. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Phân bổ cơ cấu nguồn vốn đầu tư được xây dựng trên quan điểm nhà nước hỗ trợ các lĩnh vực quan trọng, mang tính thúc đẩy, tạo môi trường phát triển (các dự án hạ tầng khung, các chương trình xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu; hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; đầu tư phát triển nguồn nhân lực...) Các lĩnh vực đầu tư khác chủ yếu phát huy vai trò chủ động của khu vực tư nhân cũng như các nguồn lực ngoài ngân sách (tín dụng, tài trợ, FDI)

a. Vốn ngân sách nhà nước

Nguồn vốn ngân sách nhà nước từ nguồn hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh và Trung ương chiếm từ 10% - 15%, giá trị tương đương 1.973 tỷ đồng tập trung đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho hạ tầng du lịch, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường du lịch và nghiên cứu ứng dụng công nghệ.

b. Vốn của doanh nghiệp du lịch

Nguồn vốn từ các doanh nghiệp du lịch được hình thành từ quá trình tích lũy, từ vốn kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp chiếm từ 25% - 30%, tương đương 5.472 tỷ đồng, tập trung đầu tư các dự án phát triển cơ sở vật chất; kỹ thuật, phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu; phát triển nguồn nhân lực tại chỗ...

c. Vốn tín dụng

Nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng và các nguồn tín dụng khác chiếm tỷ lệ khoảng 50% tương đương 9.773 tỷ đồng, tập trung đầu tư các dự án phát triển cơ sở vật chất; kỹ thuật, phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu; phát triển nguồn nhân lực tại chỗ...

d. Vốn tài trợ

Nguồn vốn từ các nguồn tài trợ, các chương trình cộng đồng trong và ngoài nước chiếm tỷ lệ khoảng 10%, tương đương 2.512 tỷ đồng sẽ tập trung đầu tư cho phát triển các dự án hỗ trợ cộng đồng, các dự án nâng cao nhận thức cộng đồng về du lịch.

Bảng 19: Dự kiến cơ cấu nguồn vốn phát triển du lịch

Stt	Nguồn vốn	Giai đoạn 2015-2020		Giai đoạn 2021-2030		Tổng cộng
		Tỷ lệ (%)	Quy mô (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Quy mô (Tỷ đồng)	
	Tổng cộng	100	8.950	100	10.780	19.730
1	Vốn ngân sách	10	895	10	1.078	1.973
2	Vốn doanh nghiệp	25	2.238	30	3.234	5.472
3	Vốn tín dụng	55	4.922	45	4.851	9.773
4	Vốn tài trợ	10	895	15	1.617	2.512

3. Giải pháp về tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử, tổ chức các lễ hội**a. Đối với các di tích lịch sử**

- Ưu tiên nguồn vốn trùng tu, phục hồi hoặc nâng cấp di tích vào các điểm trọng tâm theo các tuyến Du lịch đã quy hoạch.

- Quy hoạch phát triển các điểm di tích văn hóa lịch sử đã được trùng tu, tôn tạo để đầu tư đạt được tiêu chuẩn của một điểm Du lịch quốc tế.

b. Các hoạt động văn hóa lễ hội

- Mở rộng lễ hội nhằm gìn giữ và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, tạo điều kiện để ngành du lịch khai thác kinh doanh phát triển du lịch, cũng đồng thời nâng cao được hình ảnh của văn hoá bản địa thu hút khách du lịch đến tỉnh Đồng Nai.

- Dựa trên nét đặc sắc, khác biệt và quy mô lễ hội, tổ chức các lễ hội hàng năm theo từng chủ đề là:

+ **Lễ hội mang tính quốc gia:** tết Nguyên đán, tết Trung thu, giỗ tổ Hùng Vương, giỗ đức thánh Trần Hưng Đạo.

+ **Lễ hội làng xã truyền thống:** cúng đình, cúng vía trời đất, cúng bà, tả tài phán,...

+ **Lễ hội của các dân tộc ít người:** cúng lúa mới, cầu được mùa, đâm trâu, cầu an...

+ **Lễ hội tôn giáo:** Phật Đản, Vu Lan, Giáng Sinh, Phục Sinh, Thượng Nguyên, Ramadan...

+ **Lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử của Việt Nam:** Quốc khánh, ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng...

+ **Lễ hội kỷ niệm những sự kiện lịch sử tỉnh Đồng Nai:** lễ hội truyền thống cách mạng tại Chiến Khu Đ, chiến thắng La Ngà, chiến thắng sân bay Biên Hòa...

- Các lễ hội phải tổ chức định kỳ, quy mô lớn, hấp dẫn để thu hút và tạo hình ảnh ghi nhớ trong lòng du khách. Tỉnh Đồng Nai phải liên kết với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các địa phương khác trong các kỳ lễ hội Du lịch, tuần lễ văn hóa ẩm thực, tuần lễ nghệ thuật, thời trang,... tại Việt Nam và nước ngoài, để tự giới thiệu về cuộc sống, con người và ngành du lịch tỉnh Đồng Nai.

- Đầu tư, bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của nền văn hóa Óc Eo. Đưa khu di tích nền văn hóa Óc Eo vào phục vụ khách du lịch thì không chỉ bảo tồn được bản sắc văn hóa mà du lịch sẽ thêm một loại hình mới, hấp dẫn và lôi cuốn du khách.

c. Các làng nghề truyền thống

- Để khách du lịch có cơ hội tìm hiểu những nghề truyền thống của dân tộc và mua hàng lưu niệm.

- Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ nhằm duy trì hoạt động của làng nghề phát triển phục vụ tham quan du lịch.

- Xây dựng thương hiệu các làng nghề đặc trưng của từng vùng: gỗ Tân Hòa thành phố Biên Hòa; đan lát An Bình thành phố Biên Hòa; làng bưởi Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu; làng trồng dâu nuôi tằm xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú.

4. Giải pháp đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp

a. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch

Tập trung đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn:

- **Du lịch sinh thái:** Các khu vực định hướng phát triển loại hình du lịch sinh thái gồm Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai. Đây là những địa điểm mang tính bảo tồn sự đa dạng sinh học, tài nguyên rừng và cũng là nơi tập trung, hội tụ các tài nguyên sinh học ở mức độ cao.

- **Du lịch vui chơi giải trí:** Những trung tâm vui chơi giải trí có thể phát triển thành những điểm du lịch giải trí riêng có của tỉnh gồm: khu du lịch Bửu Long, khu du lịch Sơn Tiên, điểm du lịch suối Mơ, điểm du lịch Thác Giang Điền,...

- **Du lịch tham quan, nghỉ dưỡng:** Các điểm phù hợp cho việc phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng gồm: Thác Mai - hồ Nước nóng, Đảo Ó - Đồng Trường.

- **Du lịch hành hương:** Các điểm phù hợp phát triển các loại hình du lịch hành hương gồm: Núi Chúa Chan – Chùa Gia Lào, Chùa Ông, Chùa Đại giác, Chùa Long Thiên, hệ thống chùa ở huyện Long Thành.

- **Du lịch thể thao:** Các Khu, điểm phù hợp phát triển những khu vui chơi giải trí cao cấp tiêu biểu, phục vụ nhu cầu thể thao của các chuyên gia của các khu công nghiệp, mang lại nguồn thu lớn cho tỉnh gồm: sân Golf Long Thành, sân Golf sông Mỹ.

- **Du lịch sông:** Các khu, điểm du lịch này hình thành các sản phẩm du lịch sông, vui chơi giải trí dưới nước hấp dẫn độc đáo, gồm: Cù lao Hiệp Hòa, Cù lao Ba Xê, Cù lao Cỏ, Cù lao Tân Vạn, khu du lịch đập Ông Kèo, khu du lịch Long Tân Phú Hội.

- **Du lịch làng nghề:** Các làng nghề nổi tiếng của tỉnh Đồng Nai hình thành các sản phẩm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng hấp dẫn độc đáo gồm: gỗ Tân Hòa thành phố Biên Hòa; đan lát An Bình thành phố Biên Hòa; làng bưởi Tân Triều huyện Vĩnh Cửu; làng trồng Dâu nuôi tằm xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú.

b. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp

- Củng cố và sắp xếp hoạt động của các doanh nghiệp.

- Đánh giá lại trình độ quản lý, nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên trong ngành, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Mở các lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức, hội thi tay nghề. Nâng cao ý thức giao tiếp, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe du lịch, taxi, nhân viên bến xe, nhà ga, cảng, sân bay, nhân viên bán hàng, nhân viên phục vụ trong các khách sạn, khu du lịch, trung tâm vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao, ...

- Duy trì thẩm định và tái thẩm định chất lượng cơ sở lưu trú, kiểm tra an ninh, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động làm cơ sở để doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ, đủ khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

5. Giải pháp về thị trường, xúc tiến quảng bá, hợp tác phát triển du lịch

a. Xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch

- Xác định hình ảnh điểm đến du lịch là vấn đề quan trọng, làm cơ sở để xây dựng các chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch, các kênh phân phối, các phương tiện truyền thông,... xây dựng hình ảnh điểm du lịch của tỉnh Đồng Nai như sau:

+ Là một điểm đến nổi bật với du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái rừng – sông – hồ – thác.

+ Là một điểm đến an toàn thân thiện và hấp dẫn.

b. Tuyên truyền quảng bá du lịch

- Tăng cường phối hợp với các phương tiện truyền thông, nâng cao chất lượng chuyên mục du lịch trên truyền hình, đài phát thanh, các ấn phẩm, Website có uy tín để quảng bá du lịch tỉnh Đồng Nai.

- Nâng cao chất lượng, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế về du lịch, tranh thủ sự hỗ trợ của các đại sứ, lãnh sự quán Việt Nam ở nước ngoài, lãnh sự quán nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh để giới thiệu các ấn phẩm, phim quảng bá du lịch Việt Nam và tỉnh Đồng Nai, đưa du lịch tỉnh Đồng Nai là điểm đến của khách du lịch.

- Xuất bản sách hướng dẫn du lịch, bản đồ du lịch, sách ảnh, các Brochure, CD giới thiệu các khu, điểm du lịch, sản phẩm du lịch đặc sắc của tỉnh để cung cấp cho khách du lịch.

- Xây dựng mạng lưới các điểm thông tin du lịch tại trung tâm của thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện, các bến xe và bến tàu.

- Hợp tác các ban ngành liên quan, phát huy tính chủ động trong quảng bá du lịch. Lập hệ thống biển chỉ dẫn tham quan, khu du lịch, các công trình công cộng. Nâng cao chất lượng sản xuất, bán hàng lưu niệm.

c. Xúc tiến du lịch trong và ngoài nước

- Phối hợp với Tổng cục Du lịch và Hiệp hội Du lịch tổ chức các đoàn Fam Trip đối với các thị trường khách du lịch và các đoàn Press Trip đối với các hãng truyền thông lớn để khảo sát, giới thiệu sản phẩm du lịch, dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh.

- Tham gia các hội chợ, hội nghị du lịch trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm đối tác, tạo cơ hội kinh doanh, mở rộng thị trường. Xuất bản ấn phẩm du lịch bằng nhiều ngôn ngữ, tạo Website quảng cáo, báo điện tử phân phối cho hội chợ, hội thảo kích thích sự quan tâm chú ý của du khách.

d. Hợp tác phát triển du lịch

- Chủ động hội nhập và cạnh tranh có hiệu quả với du lịch khu vực. Mở rộng hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh trong vùng Nam Trung Bộ,

Nam Bộ, đề xuất khảo sát làm mới các tour tuyến liên kết với Du lịch xuyên Á – Con đường xanh Tây Nguyên.

- Phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch tỉnh Đồng Nai trong việc liên kết các doanh nghiệp du lịch, thực hiện các biện pháp nhằm tăng sức hấp dẫn của điểm đến tỉnh Đồng Nai.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động triển khai thực hiện các kế hoạch phối hợp hoạt động giữa các ngành, lĩnh vực để tạo sức mạnh, chiến lược phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai.

6. Giải pháp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực

a. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội Du lịch phối hợp với Trường trung học Nghiệp vụ Du lịch – Khách sạn thành phố Hồ Chí Minh, Nghiệp vụ Du lịch Sài Gòn, các trường đại học khác và các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Tổ chức các lớp chuyên đề, kỹ năng tập huấn hỗ trợ doanh nghiệp huấn luyện cho lao động tại chỗ.

- Hợp tác quốc tế để xây dựng khóa huấn luyện ngắn hạn. Tổ chức hội thảo, giao lưu, hội thi nghiệp vụ, tạo cơ hội cho doanh nghiệp học hỏi, nâng cao trình độ.

b. Các chương trình đào tạo dài hạn

- Để có một đội ngũ làm du lịch “chính quy - tinh nhuệ - hiện đại”, cần có kế hoạch đào tạo bài bản, “dài hơi” và khả thi. Tăng cường liên kết đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch ở trong và ngoài nước.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Sở, ngành, các doanh nghiệp du lịch để đào tạo nguồn nhân lực dài hạn. Hợp tác với các tổ chức du lịch, quỹ quốc tế để tổ chức những chương trình đào tạo dài hạn cho những người quản lý và người lao động trực tiếp trong ngành.

- Cải tiến chương trình học, tăng thời gian thực hành. Khuyến khích đào tạo học sinh, lao động địa phương thành nguồn lao động du lịch chủ yếu của tỉnh.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng theo hướng chuẩn hóa đội ngũ nhân lực ngành du lịch, chú trọng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các ngành nghề cụ thể như tiếp tân, buồng, bàn, hướng dẫn viên du lịch.

- Đào tạo nhân lực trong lĩnh vực tổ chức du lịch MICE, phát triển nguồn nhân lực quản lý cấp cao, thu hút nhân tài trong và ngoài nước, đảm bảo phúc lợi xã hội và môi trường làm việc tốt nhất để họ thực sự gắn bó với doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo nhân lực ngành du lịch theo nhu cầu xã hội. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, doanh nghiệp du lịch và nhân dân trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng. Xác lập mối quan hệ chặt chẽ giữa các tổ chức gồm nhà trường, nhà doanh nghiệp du lịch; từ đó có tiếng nói chung trong đào tạo và thực hành, giúp sinh viên có việc làm ngay khi ra trường.

c. Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch

- Tăng cường nguồn lao động có trình độ chuyên môn, đặt hàng đào tạo nhân lực với các trường có khoa du lịch.

- Liên kết với các tổ chức đào tạo uy tín của Singapore, Úc, Mỹ, Thụy Sĩ, Pháp, Canada... để tổ chức các khóa học tu nghiệp tại nước ngoài.

- Các doanh nghiệp du lịch phải chủ động tự đào tạo và nâng cao nguồn nhân lực. Tạo điều kiện cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng trong nội bộ, khuyến khích đội ngũ quản lý, nhân viên có động lực để phấn đấu.

- Các doanh nghiệp du lịch phải thực sự thể hiện trách nhiệm tham gia vào quá trình đào tạo bằng nhiều cách như trao học bổng cho sinh viên giỏi, tham gia giảng dạy thực tế hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên đến thực tập tại doanh nghiệp.

7. Giải pháp về nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong ngành du lịch

a. Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật trong ngành du lịch

- Hợp tác với các chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn, các Viện nghiên cứu chuyên ngành. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản và ứng dụng khoa học công nghệ du lịch tiên tiến phục vụ phát triển du lịch bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin du lịch; mở rộng giao lưu, hợp tác với các tổ chức, cơ quan khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, kinh doanh.

b. Giải pháp cho ứng dụng công nghệ thông tin

- Nâng cấp Website du lịch tỉnh Đồng Nai, Hiệp hội Du lịch tỉnh Đồng Nai, cập nhật thường xuyên các thông tin du lịch mới nhất, các sản phẩm du lịch độc đáo của tỉnh, giới thiệu tour nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế, các dự án đầu tư, các kinh nghiệm khi đi du lịch,... Hiện nay và trong tương lai, xu hướng xem thông tin du lịch, đặt tour du lịch trên mạng (e-tour) khá phổ biến, nếu biết cách khai thác công nghệ thông tin thì sẽ mang lại hiệu quả rất cao.

- Nối mạng với các khu du lịch, doanh nghiệp du lịch để nắm tình hình kinh doanh, cập nhật thông tin của doanh nghiệp, theo dõi quy mô phát triển lượng khách, hướng phát triển thị trường.

- Khai thác và giới thiệu trên các website Vietnamtourism, Saigontourist, Vietnam Airlines, các thông tin này phải hấp dẫn, hiệu quả.

8. Giải pháp về ổn định trật tự an toàn xã hội cho du khách

a. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật, củng cố Hiệp hội Du lịch tỉnh Đồng Nai và các khu du lịch

Tổ chức tăng cường tuyên truyền, quảng bá cho sự nghiệp phát triển du lịch. Đưa các chương trình lễ hội, thi đấu thể thao vào chương trình du lịch, chấn chỉnh công tác quản lý trong hoạt động dịch vụ văn hóa. Củng cố Hiệp hội Du lịch tỉnh Đồng Nai với các khu du lịch các địa phương, đảm bảo trị an, công tác cứu hộ, cứu nạn, tính mạng, tài sản, an toàn cho du khách và vệ sinh môi trường.

b. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, sắp xếp ổn định hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu, điểm du lịch

Công khai Quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình phục vụ du lịch. Đưa những người làm nghề tự do vào một tổ chức hoạt động dưới sự điều hành của các khu du lịch và chính quyền địa phương hoặc giao cho các doanh nghiệp có chức năng đứng ra kinh doanh đảm bảo văn minh lịch sự, vệ sinh môi trường. Người bán hàng lưu niệm được sắp xếp bán cố định vào từng khu vực. Cấm buôn bán hàng rong trong các khu du lịch, điểm tham quan. Vận động các doanh nghiệp du lịch tự nguyện đăng ký cam kết bảo đảm chất lượng dịch vụ và thực hiện việc bình ổn giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, phục vụ du khách đúng giá niêm yết.

c. Kiểm tra xử lý vi phạm

Đẩy mạnh sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch. Tăng cường công tác thanh tra,

kiểm tra và xử lý các vi phạm về trật tự trị an tại các khu du lịch. Cùng cố, nâng cao chất lượng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc tại các khu, điểm du lịch.

d. Bảo đảm an toàn cho du khách

Hình thành nhiều kênh thông tin giúp du khách giải quyết các sự cố hoặc các nhu cầu cần thiết như: trạm thông tin du lịch tại bến tàu, bến xe, điểm thông tin điện tử tại các đường phố khu trung tâm, khu du lịch, điểm tham quan. Các hãng lữ hành thực hiện quy định mua bảo hiểm cho du khách quốc tế và khuyến khích mua bảo hiểm cho tất cả các hoạt động du lịch.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch theo quy định.

b) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị, địa phương; chủ động đề xuất các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết quả thực hiện Quy hoạch.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 vào năm 2020.

2. Sở Tài chính

Căn cứ kế hoạch hàng năm được phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí của Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn ngân sách đầu tư xây dựng cho các dự án trọng điểm của Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Sở Giao thông Vận tải

Tăng cường công tác quản lý phương tiện vận tải hành khách, bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải. Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp hướng dẫn xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các dự án phát triển du lịch. Chủ trì việc đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển du lịch, thủy điện cũng như phát triển kinh tế - xã hội khác. Triển khai, giám sát các chương trình và hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên tại địa phương.

6. Các Sở, ngành liên quan

Trong phạm vi quản lý đối với lĩnh vực được phân công có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai các hoạt động tạo điều kiện thực hiện Quy hoạch phát triển ngành du lịch tỉnh Đồng Nai đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

7. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Tham gia mời gọi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch tại các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch.

b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để phát triển du lịch; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động du lịch tại địa phương; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các khu, điểm du lịch.

c) Trên cơ sở Quy hoạch này và kế hoạch triển khai hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; các địa phương lập kế hoạch, phân khai nguồn vốn để triển khai Quy hoạch trên địa bàn.

8. Ban Chỉ đạo phát triển Du Lịch: Hướng dẫn, đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành mình để xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp tạo điều kiện phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Sự phát triển của du lịch tỉnh Đồng Nai trong những năm qua đã góp phần thúc đẩy sự phát triển du lịch của cả nước nói chung và vùng du lịch Đông Nam bộ nói riêng.

Trong điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, tỉnh Đồng Nai là tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, sự phát triển của du lịch Đồng Nai không thể tách rời sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà và cũng không thể tách rời sự phát triển du lịch của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Mối quan hệ này hết sức mật thiết, có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau.

Tuy nhiên, trong thời gian qua tiềm năng du lịch của Đồng Nai và vùng phụ cận chưa được khai thác một cách hợp lý. Nhiều tài nguyên còn chưa được đầu tư khai thác tương xứng với tiềm năng như cảnh quang vùng sông nước

tuyến du lịch sông Đồng Nai, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hoá Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên, thác Mai - hồ nước nóng, Hồ Đa Tôn,...

Với thành phố Biên Hòa đạt đô thị loại 2 và là một tỉnh có công nghiệp, dịch vụ ngày càng phát triển, Đồng Nai là địa phương có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối tốt và đồng bộ. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi đối với sự phát triển của nhiều ngành kinh tế trong đó có ngành du lịch.

Thời gian qua, tiềm năng du lịch Đồng Nai chưa được khai thác hiệu quả, nhiều tài nguyên chưa có điều kiện để phát huy tác dụng, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là việc làm hết sức quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên góp phần giữ gìn cảnh quan môi trường đồng thời làm cơ sở để mời gọi đầu tư xây dựng những khu du lịch hấp dẫn đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của du khách trong và ngoài nước.

Để du lịch tỉnh Đồng Nai phát triển cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch với các ban, ngành chức năng có liên quan và các chính quyền địa phương dưới sự chỉ đạo của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai để có các giải pháp đúng đắn, kịp thời về tổ chức quản lý, về vốn, về cơ chế chính sách...

2. Kiến nghị

Để “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” được triển khai có hiệu quả, UBND tỉnh Đồng Nai kính đề nghị:

2.1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét hỗ trợ xây dựng các dự án, đề án về phát triển du lịch của tỉnh, xúc tiến, quảng bá và tìm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vào khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Đồng thời tạo điều kiện cho tỉnh được đăng cai tổ chức một số chương trình du lịch cấp quốc gia để nâng cao hình ảnh du lịch Đồng Nai trên cả nước và quốc tế.

2.2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hỗ trợ về công tác nghiên cứu phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch mới; công tác đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển du lịch.

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
NGÀNH DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hiện trạng tổng số lượt khách du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

HẠNG MỤC	Đơn vị	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng bq 2006 -2014 (%)
1- Tổng số lượt khách du lịch	1.000 lượt.khách	552	2.110	2.475	2.500	2.800	2.830	19,9
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	536	2.070	2.432	2.453	2.746	2.777	20,1
<i>Tỷ trọng</i>	%	97,1	98,1	98,3	98,1	98,1	98,1	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	16	40	43	47	54	53	14,2
<i>Tỷ trọng</i>	%	2,9	1,9	1,7	1,9	1,9	1,9	
2- Tổng số lượt khách tham quan	1.000 lượt.khách	434	1.112	1.328	1.150	1.469	1.418	14,1
2- Tổng số lượt khách lưu trú	1.000 lượt.khách	118	998	1.147	1.350	1.331	1.412	31,8
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	108	958	1.104	1.303	1.277	1.360	32,5
<i>Tỷ trọng</i>	%	91,5	96	96,2	96,5	96	96,3	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	10	28	30	33	38	52	20,1
<i>Tỷ trọng</i>	%	8,5	4	3,8	3,5	4	3,7	
3- Số ngày lưu trú trung bình								
+ Khách trong nước	Ngày	1	1,1	1,1	1	1,2	1,4	3,8
+ Khách quốc tế	Ngày	2,9	3	3,5	3,2	2,8	3,7	2,7
4- Tổng số ngày. khách lưu trú	1.000 ngày.khách	137	1.138	1.319	1.409	1.639	2.096	35,4
+ Khách trong nước	1.000 ngày.khách	108	1.054	1.214	1.303	1.532	1.904	37,6
<i>Tỷ trọng</i>	%	78,8	92,6	92,0	92,5	93,5	90,8	
+ Khách quốc tế	1.000 ngày.khách	29	84	105	106	106	192	23,4
<i>Tỷ trọng</i>	%	21,2	7,4	8,0	7,5	6,5	9,2	
5- Mức chi tiêu trung bình của khách								
+ Khách trong nước	1.000 đồng	170	190	220	250	260	300	6,5
+ Khách quốc tế	USD	80	115	120	120	135	160	8,0

Phụ lục 2: Hiện trạng tổng số doanh thu du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2006 – 2014 (%)
	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tổng doanh thu	821,0	100,0	4.294,3	100,0	5.781,4	100,0	7.158,3	100,0	8.613,1	100,0	9.302,2	100,0	31,0
- Lữ hành	11,0	6,0	27,4	0,6	55,7	1,0	69,7	1,0	81,8	1,0	102,3	1,1	28,1
- Lưu trú	36,4	22,1	135,3	3,1	182,7	3,2	228,4	3,2	268,7	3,1	285,0	3,1	25,7
- Ăn uống	762,0	56,2	4.098,0	95,4	5.498,0	95,1	6.800,0	95,0	8.182,0	95,0	8.810,0	94,7	31,3
- Vận chuyển	3,2	4,4	8,1	0,2	10,5	0,2	13,7	0,2	17,7	0,2	23,1	0,2	24,3
- Vui chơi giải trí	8,4	11,3	25,5	0,6	34,5	0,6	46,5	0,7	62,8	0,7	81,7	0,9	28,8

Phụ lục 3: Hiện trạng các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2014

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm
I	Di tích quốc gia đặc biệt				
	Vườn Quốc gia Cát Tiên	1419/QĐ-TTg	27/9/2012	Danh lam thắng cảnh	Các tỉnh: Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước
II	Di tích quốc gia				
1	Mộ Cụ thạch Hàng Gòn	147/VH-QĐ	24/12/1982	Di tích khảo cổ học	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh
2	Nhà Xanh	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa
3	Địa điểm chiến thắng La Ngà	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán
4	Đài Chiến sĩ (Đài Kỷ niệm)	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa
5	Tòa hành chánh tỉnh Long Khánh	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh
6	Đá chông Định Quán	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích thắng cảnh	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán
7	Đình An Hòa	100/VH-QĐ	21/01/1989	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Xã An Hòa, thành phố Biên Hòa
8	Khu Danh thắng Bửu Long	208/VH-QĐ	13/3/1990	Di tích thắng cảnh	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa
9	Chùa Đại Giác	993/VH-QĐ	28/9/1990	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa
10	Mộ Trịnh Hoài Đức	1539/VH-QĐ	27/12/1990	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa
11	Đình Tân Lân	457/VH-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa
12	Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh	457/VH-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa
13	Chùa Long Thiền	1057/VH-QĐ	14/6/1991	Di tích lịch sử	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa
14	Nhà hội Bình Trước	2307/QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa
15	Quảng trường Sông phố	2307/VH-QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa
16	Đền thờ Nguyễn Tri	97/VH-QĐ	21/01/1992	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm
	Phương				
17	Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Phước, huyện Long Thành
18	Nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (02/12/1956)	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa
19	Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ (Chiến khu Đ)	3744/QĐ-BVHTT	29/11/1997	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu
20	Mộ, đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên Địa Hội	722/QĐ-BVHTT	25/4/1998	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Tam Hòa và phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa
21	Địa đạo Suối Linh	61/1999/QĐ-BVHTT	13/9/1999	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu
22	Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962)	02/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu
23	Chùa Ông	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa
24	Địa đạo Nhơn Trạch	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch
25	Địa điểm thành lập Đoàn 125 - Tiền thân lực lượng vũ trang đoàn kết cứu nước Campuchia	4317/QĐ-BVHTTDL	29/12/2011	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ
26	Núi Chứa Chan	1204/QĐ-BVHTTDL	29/3/2012	Danh lam thắng cảnh	Các xã: Xuân Trường, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Hiệp và thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc
III	Di tích cấp tỉnh				
1	Bửu Hưng tự (Chùa Cô hồn)	62/QĐ.UBND	16/02/1979	Di tích cách mạng (loại B)	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa
2	Tòa bố Biên Hòa	62/QĐ.UBND	16/02/1979	Di tích cách mạng	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm
				(loại B)	
3	Địa điểm ngã ba Giồng Sắn	5160/QĐ-CT.UBND	22/10/2004	Di tích lịch sử	Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch
4	Đình Bình Quan	6527/QĐ-CT.UBND	21/12/2004	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa
5	Địa điểm Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	1566/QĐ.CT.UBND	21/4/2005	Di tích lịch sử	Xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom và xã Bình Sơn, huyện Long Thành
6	Nhà cổ Trần Ngọc Du	3524/QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa
7	Đình Phú Mỹ	3525/ QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch
8	Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa	224/QĐ.UBND	23/01/2007	Di tích lịch sử	Ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu
9	Đình Phước Lộc	2368/QĐ-UBND	30/7/2007	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Khu Cầu Xéo, thị trấn.Long Thành, huyện Long Thành
10	Thành Biên Hòa	876/QĐ-UBND	21/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa
11	Miếu Tổ Sư	981/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa
12	Đình Xuân Lộc - Chùa Xuân Hòa	982/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh
13	Đình Hưng Lộc	4070/QĐ-UBND	02/12/2008	Di tích lịch sử	Xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất
14	Vườn Cao su đầu tiên, Sân điếm đồn điền cao su Dầu Giây	2084/QĐ-UBND	24/7/2009	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất
15	Đình Phước Thiện	3607/QĐ –UBND	07/12/2009	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch
16	Đền thờ Trần Hưng Đạo	3640/QĐ-UBND	29/12/2010	Di tích lịch sử	Ấp 4, xã Bình Sơn, huyện Long Thành
17	Đình Long Chiến	1783/ QĐ.UBND	15/7/2011	Di tích lịch sử	Ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm
18	Đình Phú Trạch	3698/QĐ-UBND	26/12/2011	Di tích lịch sử	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu
19	Nhà chủ Công ty Cao su SIPH	67/QĐ-UBND	05/01/2012	Di tích lịch sử	Xã Suối Tre, thị xã Long Khánh
20	Địa điểm diễn ra trận đánh giữa Tiểu đoàn 2 (trung đoàn 4, Sư đoàn 5) và Đại đội 240 Biên Hòa với Tiểu đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan vào ngày 20/12/1967 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	636/QĐ-UBND	01/3/2013	Di tích lịch sử	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch
21	Đình Cẩm Vinh	3968/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu
22	Đình Dầu Giây	3969/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm II, huyện Thống Nhất

Ghi chú: Tổng cộng: 49 di tích, trong đó có: 1 di tích quốc gia đặc biệt, 26 di tích quốc gia và 22 di tích cấp tỉnh.

Phụ lục 4: Phân loại tài nguyên du lịch tự nhiên theo địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2014

Tên khu, điểm du lịch	Phân loại theo địa hình	Phân loại theo nội dung
1. Thành phố Biên Hòa		
Cù lao Hiệp Hòa (cù lao Phố)	Du lịch cù lao	Du lịch sinh thái, tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng
Cù lao Cỏ	Du lịch cù lao	Du lịch sinh thái, tham quan, giải trí
Cù lao Ba Xê	Du lịch cù lao	Du lịch sinh thái, tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng
Khu du lịch Bửu Long	Du lịch núi, hồ	Du lịch tham quan, vui chơi, giải trí
Khu du lịch Sơn Tiên		Du lịch sinh thái vui chơi, giải trí
Sân Golf Long Thành		Du lịch thể thao
Khu vui chơi giải trí Câu lạc bộ Xanh		Du lịch vui chơi giải trí
Điểm du lịch Vườn Xoài		Du lịch vui chơi giải trí
2. Huyện Vĩnh Cửu		
Đảo Ó - Đồng Trường	Du lịch đảo, cù lao	Du lịch nghỉ dưỡng, tham quan giải trí
Vườn bươm Tân Triều	Du lịch vườn	Du lịch tham quan
Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hoá Đồng Nai	Du lịch rừng	Du lịch sinh thái
3. Huyện Long Thành		
Thác An Viễn	Du lịch thác	
Khu ven Hồ Cầu Mới	Du lịch hồ	Du lịch vui chơi, giải trí
Điểm du lịch Hoàng Gia Bảo		Du lịch vui chơi, giải trí
4. Huyện Nhơn Trạch		
Cụm du lịch dọc đê ông Kèo	Du lịch cù lao	Du lịch vui chơi, giải trí
Cụm Long Tân - Phú Hội	Du lịch đồi, sông	
Khu rừng Sác	Du lịch rừng	Du lịch sinh thái
5. Huyện Thống Nhất		
Thác Suối Reo	Du lịch thác	Du lịch dã ngoại, tham quan

Tên khu, điểm du lịch	Phân loại theo địa hình	Phân loại theo nội dung
Khu Thác Lộ 20	Du lịch thác	
6. Thị xã Long Khánh		
Các điểm du lịch vườn	Du lịch vườn	Du lịch sinh thái
Công viên Hòa Bình	Du lịch công viên	Vui chơi, giải trí
Trung tâm Văn hóa Suối Tre	Du lịch công viên	Vui chơi, giải trí
7. Huyện Xuân Lộc		
Hồ Núi Le	Du lịch hồ	
Núi Chứa Chan	Du lịch núi	Du lịch tôn giáo
Hồ Gia Ui	Du lịch Hồ	
Thác Trời	Du lịch thác	
Cụm trang trại Xuân Định - Bảo Hòa	Du lịch vườn	
Cụm trang trại Xuân Hiệp - Gia Ray	Du lịch vườn	
Cụm trang trại Xuân Tâm - Xuân Hưng - Xuân Hòa	Du lịch vườn	
Cụm trang trại Xuân Bắc	Du lịch vườn	
8. Huyện Cẩm Mỹ		
Núi Cam Tiêm	Du lịch núi	
Hồ Long Giao	Du lịch hồ	
Suối Cả	Du lịch suối	
Hồ cầu mới	Du lịch hồ	
Cụm trang trại nông lâm nghiệp	Du lịch vườn	
9. Huyện Trảng Bom		
Sân Golf Sông Mây	Du lịch thể thao	Du lịch thể thao
Thác Giang Điền	Du lịch thác	Du lịch vui chơi, giải trí
Điểm du lịch nuôi thả động vật hoang dã Bắc Sơn	Du lịch hồ, vườn	
Thác Đá Hàn	Du lịch Thác	

Tên khu, điểm du lịch	Phân loại theo địa hình	Phân loại theo nội dung
Điểm du lịch Trường Giang	Du lịch sinh thái	Vui chơi, giải trí
10. Huyện Định Quán		
Khu Đá Ba Chồng	Du lịch núi	
Khu Thác Mai - Hồ nước nóng	Du lịch thác, hồ	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng
Thác Ba Giọt	Du lịch thác	
Hang Dơi	Du lịch Hang động	Du lịch thám hiểm
Điểm du lịch tại xã Phú Cường	Du lịch tham quan, giải trí và nghỉ dưỡng	Du lịch tham quan, giải trí và nghỉ dưỡng
Điểm du lịch nghỉ dưỡng xã Phú Vinh	Tham quan, nghỉ dưỡng	
11. Huyện Tân Phú		
Vườn Quốc gia Cát Tiên	Du lịch rừng	Du lịch sinh thái
Suối Mơ	Du lịch suối	
Hồ Đa Tôn	Du lịch hồ	
Thác Hòa Bình	Du lịch thác	

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

Phụ lục 5: Phân loại các tài nguyên du lịch nhân văn theo địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2014

Tên điểm du lịch	Vị trí địa điểm	Loại hình	Ghi chú
1. Thành phố Biên Hòa			
Văn miếu Trấn Biên	Phường Bửu Long		
Bảo tàng Đồng Nai	Phường Tân Phong		
Chùa Cô Hồn (Bửu Hưng tự)	Phường Quang Vinh	Di tích cách mạng	Cấp tỉnh
Nhà Xanh	Phường Thống Nhất	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Đài chiến sĩ (Đài kỷ niệm)	Phường Trung Dũng	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Chùa Đại Giác	Xã Hiệp Hòa	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Cấp quốc gia
Lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Phường Trung Dũng	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Đình Tân Lân	Phường Hòa Bình	Di tích lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật	Cấp quốc gia
Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Hiệp Hòa	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Chùa Long Thiền	Phường Bửu Hòa	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Nhà hội Bình Trước	Phường Thanh Bình	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Đền thờ Nguyễn Tri Phương	Phường Bửu Hòa	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Nhà lao Tân Hiệp	Phường Tân Tiến	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Chùa Ông	Xã Hiệp Hòa	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Chùa Hóc Ông Che	Xã Hoá An		
Nhà cổ ông Trần Ngọc Du	Phường Tân Vạn		
2. Huyện Vĩnh Cửu			
Căn cứ Khu ủy Miền Đông	Xã Trị An	Di tích lịch sử	Cấp tỉnh
Căn cứ TW cục Miền Đông	Xã Phú Lý	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Địa đạo Suối Linh	Xã Trị An	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
3. Huyện Long Thành			

Tên điểm du lịch	Vị trí địa điểm	Loại hình	Ghi chú
Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp	Xã Phước Long	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Đình An Hòa	Xã An Hòa	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Cấp quốc gia
4. Huyện Nhơn Trạch			
Nhà tù đường họ Đào	Ấp Phú Mỹ 2, xã Phú Hội		
Địa đạo Nhơn Trạch	Xã Long Thọ	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
Đền thờ liệt sĩ Nhơn Trạch	Xã Long Thọ		
5. Huyện Thông Nhất			
Nghề kết cườm			
Gỗ mỹ nghệ			
6. Huyện Xuân Lộc			
Chùa Gia Lào	Xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ		
Hang Hâm Hình	Xã Suối Cát, Xuân Thọ		
Gỗ mỹ nghệ			
Lễ hội cúng lúa mới	Xã Xuân Phú, Xuân Thọ, Xuân Trường	Văn hóa phi vật thể	Có khả năng khôi phục
Lễ hội Ramadan	Xã Xuân Hưng	Văn hóa phi vật thể	Có khả năng khôi phục
7. Huyện Cẩm Mỹ			
Mộ cô Hàng Gòn	Xã Xuân Thanh	Di tích khảo cổ học	
8. Huyện Trảng Bom			
Công viên Chiến Thắng			
Lễ hội Tả tài phán		Văn hóa phi vật thể	
Lễ hội câu đợc mùa		Văn hóa phi vật thể	
9. Huyện Định Quán			
Tượng đài chiến thắng La Ngà	Xã Phú Ngọc		
Địa điểm chiến thắng La Ngà	Xã La Ngà	Di tích lịch sử	Cấp quốc gia
10. Huyện Tân Phú			
Cụm văn hóa Tà Lài, bia tưởng niệm, câu treo	Xã Tà Lài		
Chùa Linh Phú	Xã Phú Sơn		
Lễ hội đâm trâu	Xã Tà Lài	Văn hóa phi vật thể	
Cơm lam, rượu cần	Xã Tà Lài		
Văn nghệ công chiêng	Xã Tà Lài	Văn hóa phi vật thể	
Dệt thô cặm	Xã Tà Lài		

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

**Phụ lục 6: Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai
đến năm 2030**

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
I	Tổng lượng khách	Nghìn lượt	3.478	5.863	10.108	17.822
1	Khách du lịch quốc tế	Nghìn lượt	67,4	116,2	204,7	368,9
	Trong đó, tổng lượt khách lưu trú	Nghìn lượt	47,8	83,5	150,5	277,3
2	Khách du lịch nội địa	Nghìn lượt	3.410,2	5.746,4	9.903,1	17.452,6
	Trong đó, tổng lượt khách lưu trú	Nghìn lượt	1.599,8	2.732,4	4.772,5	8.524,1
3	Tốc độ tăng trưởng khách quốc tế	%	11,0	11,5	12,0	12,5
4	Tốc độ tăng trưởng khách nội địa	%	10,5	11,0	11,5	12,0
5	Phòng lưu trú	Phòng	6.531	16.890	41.822	101.915
6	Lao động ngành du lịch	Người	11.756	28.714	66.916	147.777
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	1.971	5.172	12.135	27.121
8	GDP du lịch	Tỷ đồng	1.281	3.362	7.888	17.629
9	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	992	1.910	3.842	8.070
II	Chỉ tiêu đất du lịch					
1	Cơ cấu sử dụng đất cho các loại khu du lịch	%	Khu du lịch sinh thái	Khu du lịch tập trung	Khu du lịch hỗn hợp	
	Đất dự án khách sạn	%	30-45	40-45	45-40	
	Đất công trình công cộng	%	15-10	10-15	15-20	
	Đất xây dựng hạ tầng	%	10-15	15-20	15-20	
	Đất công viên cảnh quan	%	40-20	30-20	20-10	
	Đất khác	%	5-10	5-10	5-10	
2	Diện tích các loại đất trong khu lưu trú	m ² /khách	100-120			
	Đất xây dựng nhà nghỉ	m ² /khách	55 - 60			
	Đất dịch vụ, vui chơi giải trí, TDTT	m ² /khách	15 - 20			
	Đất cây xanh	m ² /khách	20 - 25			
	Đường giao thông	m ² /khách	10 - 15			
3	Mật độ XD tối đa cho khu lưu trú	%				
	Vùng đồng bằng, ven sông		30 - 40			
	Vùng trung du, miền núi		10 - 20			
III	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch					
	Cấp nước khách lưu trú	l/ng-ngđ	200			
	Thoát nước bản	Q	80% Q cấp			
	Rác thải khu du lịch	kg/ng-ngđ	1 - 1,2			
	Cấp điện khu du lịch	KW/phòng lưu trú	2,5 - 3,5			

Phụ lục 7: **Danh mục các dự án mời gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

1. Điểm du lịch cù lao Ba Xê

- Địa điểm: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Diện tích: 27, 405 m²
- Đơn vị quản lý: HTX TM – DV Long Biên
- Ước tổng vốn đầu tư: 20 tỷ VNĐ
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: du lịch sinh thái, vui chơi giải trí cuối tuần.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh.

2. Điểm du lịch thác An Viễn

- Địa điểm: Xã Bình An, huyện Long Thành
- Diện tích: 60 ha
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Long Thành
- Ước tổng vốn đầu tư: 100 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch trên hồ, picnic, vui chơi giải trí, dã ngoại cuối tuần.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

3. Khu du lịch hồ Cầu Mới

- Địa điểm: Xã Cẩm Đường và xã Bàu Cạn, huyện Long Thành
- Diện tích: 227 ha (Trong đó mặt hồ: 50 ha)
- Đơn vị quản lý: UBND xã Bình An, huyện Long Thành.
- Ước tổng vốn đầu tư: 200 tỷ VNĐ
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: hình thành khu du lịch với các loại hình du lịch trên hồ, picnic, vui chơi giải trí
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

4. Điểm du lịch sinh thái hồ Trị An

- Địa điểm: Xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích: 61 ha
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Trảng Bom
- Ước tổng vốn đầu tư: 100 tỷ VNĐ
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: du lịch trên hồ, picnic, vui chơi giải trí cuối tuần
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

5. Dự án Hồ Núi Le

- Địa điểm: TT Gia Ray
- Diện tích: 112 ha.
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Xuân Lộc.
- Ước tổng vốn đầu tư: 115 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông điện nước thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái, vui chơi giải trí hoặc nghỉ dưỡng.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư.

6. Dự án Hồ Gia Ui

- Địa điểm: Xã Xuân Tâm
- Diện tích: 47 ha (diện tích mặt hồ 40 ha).
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Xuân Lộc.
- Ước tổng vốn đầu tư: 90 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông điện nước thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái, vui chơi giải trí hoặc nghỉ dưỡng
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư.

7. Danh thắng Đá Chồng

- Địa điểm: TT. Định Quán.
- Diện tích: 9,2 ha.
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Định Quán.
- Ước tổng vốn đầu tư: 50 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Điện nước đầy đủ, giao thông thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch: Tham quan, nghiên cứu, du lịch văn hóa.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100 % Vốn nhà đầu tư.

8. Điểm du lịch Thác Mai – Hồ nước nóng

- Địa điểm: Xã Gia Canh.
- Diện tích: 14 ha.
- Đơn vị quản lý: BQL Rừng Phòng hộ Tân Phú.
- Ước tổng vốn đầu tư: 100 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Điện, nước, giao thông, cơ sở hạ tầng còn thiếu, cần được đầu tư.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh, hợp tác đầu tư.

9. Điểm du lịch Thác Ba Giọt

- Địa điểm: Xã Phú Vinh.
- Diện tích: 10 ha.
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Định Quán.
- Ước tổng vốn đầu tư: 40 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Điện nước đầy đủ, giao thông thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100 % Vốn nhà đầu tư.

10. Khu du lịch sinh thái Hồ Bà Hào

- Địa điểm: Ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu.
- Diện tích: 420 ha (Diện tích mặt hồ 400 ha).

- Đơn vị quản lý: Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.
- Ước tổng vốn đầu tư: 519 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Nghỉ dưỡng, khách sạn, du lịch sinh thái...
- Hình thức đầu tư: Liên doanh đầu tư.

11. Điểm du lịch hồ Trị An (Điểm du lịch quốc gia)

- Địa điểm: KP1, TT Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu.
- Diện tích: 32.400 ha.
- Đơn vị quản lý: Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.
- Ước tổng vốn đầu tư: 500 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Nghỉ dưỡng, khách sạn, du lịch sinh thái, du thuyền ...
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc hợp tác đầu tư.

12. Điểm du lịch Hồ Sen

- Địa điểm: Ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu.
- Diện tích: 3 ha.
- Đơn vị quản lý: Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.
- Ước tổng vốn đầu tư: 50 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc hợp tác đầu tư.

13. Khu Công viên đá

- Địa điểm: xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu.
- Diện tích: 180 ha.
- Đơn vị quản lý: Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.

- Ước tổng vốn đầu tư: 200 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông khoảng 5km đường đất, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi...
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

14. Điểm Du lịch Thác Ràng

- Địa điểm: Ấp 2, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.
- Diện tích: 10 ha.
- Đơn vị quản lý: Khu bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.
- Ước tổng vốn đầu tư: 50 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Hiện trạng hoang sơ, đường đất, nước giếng khoan, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái, mạo hiểm.
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

15. Dự án thác Hòa Bình

- Địa điểm: Xã Phú Sơn.
- Diện tích: 30 ha.
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Tân Phú.
- Ước tổng vốn đầu tư: 150 tỷ VNĐ.
- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.
- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái kết hợp với du lịch tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa Linh Phú).
- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

16. Dự án Hồ Đa Tôn

- Địa điểm: Xã Thanh Sơn
- Diện tích: 760 ha (trong đó diện tích mặt nước 344 ha, 366 đất rừng phòng hộ, 10 ha rừng tự nhiên, 40 ha đất trồng cây ăn quả)
- Đơn vị quản lý: UBND huyện Tân Phú.

- Ước tổng vốn đầu tư: 500 tỷ VNĐ.

- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.

- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Du lịch sinh thái, vui chơi giải trí hoặc nghỉ dưỡng.

- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.

17. Khu du lịch sinh thái tại xã Phước An

- Địa điểm: Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch.

- Diện tích: 100 ha.

- Đơn vị quản lý: UBND huyện Nhơn Trạch.

- Hiện trạng (đất đai, điện, nước...): Giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi.

- Phù hợp với loại hình du lịch là vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, khách sạn: Nghỉ dưỡng, khách sạn, du lịch sinh thái, văn hóa, vui chơi giải trí.

- Hình thức đầu tư: Liên doanh hoặc 100% vốn của nhà đầu tư.